

**CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN CHEVRON VIỆT NAM**



# **BÁO CÁO**

## **ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**của “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật”  
tại Lô F4 Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông  
Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng**



*Hải Phòng, tháng 6 năm 2024*

CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM



## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật”  
tại Lô F4 Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông  
Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN  
CHEVRON VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH  
*Lê Thanh Hà*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
MÔI TRƯỜNG



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Trình Văn Đại*

Hải Phòng, tháng 06 năm 2024

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

### MỤC LỤC

<b>DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT .....</b>	<b>4</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG.....</b>	<b>5</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ.....</b>	<b>6</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....</b>	<b>7</b>
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ .....	7
1.2. TÊN CƠ SỞ.....	7
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ .....	8
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	8
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	8
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở .....	16
1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ.....	18
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, phé liệu .....	18
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nhiên liệu .....	23
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ .....	28
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	28
1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện .....	32
1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở .....	32
1.5.4. Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường .....	33
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>34</b>
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG .....	34
2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia .....	34
2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	34
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	35
2.2.1. Yếu tố nhạy cảm về môi trường .....	35
2.2.2. Khả năng chịu tải của môi trường .....	35
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>36</b>
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI .....	36
3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa.....	36
3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải.....	38
3.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	42
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	47

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải .....	47
3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	47
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG .....	50
3.3.1. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	50
3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	50
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI.....	51
3.4.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	52
3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	53
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG .....	54
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG .....	54
3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC .....	58
3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	60
<b>CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>61</b>
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI .....	61
4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	61
4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải .....	61
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	63
4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	63
4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải .....	64
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG .....	65
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	65
4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	66
4.4. NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	67
4.4.1. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải .....	67
4.4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường .....	69
4.5. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG .....	70
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>71</b>
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI .....	71
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	75
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>	<b>77</b>
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI.....	77
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	77
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải .....	77

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

<b>6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....</b>	<b>78</b>
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	78
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	78
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở....	78
<b>6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM .....</b>	<b>79</b>
<b>CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>80</b>
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>81</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>82</b>

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

### DANH MỤC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

#### Các thông số môi trường

BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh hoá (5 ngày)
COD	Nhu cầu oxy hóa học
DO	Hàm lượng oxy hòa tan
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng
TSP	Tổng hàm lượng bụi lơ lửng

#### Các tiêu chuẩn so sánh

QCCP	Quy chuẩn cho phép
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

#### Các cơ quan, tổ chức

Bộ TN&MT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
HACEM	Trung tâm Quan trắc môi trường
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
UBND	Ủy ban nhân dân

#### Các ký hiệu viết tắt khác

QĐ	Quyết định
GHCP	Giới hạn cho phép
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

### DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất các sản phẩm của cơ sở.....	8
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất .....	19
Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước .....	23
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng một số loại hoá chất phục vụ xét nghiệm .....	24
Bảng 1.5. Hiện trạng sử dụng đất của cơ sở .....	28
Bảng 1.6. Các hạng mục công trình khi dự án được triển khai thực hiện .....	28
Bảng 3.1. Kích thước của bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m <sup>3</sup> /giờ .....	45
Bảng 3.2. Kích thước của bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m <sup>3</sup> /giờ.....	46
Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh .....	52
Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường .....	60
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	64
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn.....	66
Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với độ rung .....	66
Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh .....	67
Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ tại vị trí số 01 năm 2022 .....	72
Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ tại vị trí số 02 năm 2022 .....	74
Bảng 5.3. Bảng tổng kết quả quan trắc khí thải năm 2022.....	75
Bảng 5.4. Bảng tổng kết quả quan trắc khí thải năm 2023.....	75
Bảng 6.1. Dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm.....	77
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải.....	77
Bảng 6.3. Chương trình quan trắc định kỳ .....	79

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

### DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của Nhà máy trong Khu Công nghiệp Đình Vũ .....	7
Hình 1.2. Quy trình nhập nguyên liệu của Nhà máy .....	9
Hình 1.3. Quy trình pha chế dầu thành phẩm của Nhà máy.....	10
Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống gia nhiệt dầu nóng.....	11
Hình 1.5. Quy trình đóng gói sản phẩm .....	12
Hình 1.6. Thiết bị PIG làm sạch đường ống dẫn dầu .....	15
Hình 1.7. Bản vẽ tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Nhà máy .....	31
Hình 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện chính .....	32
Hình 1.9. Sơ đồ bộ máy quản lý của Cơ sở .....	33
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Cơ sở.....	36
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Cơ sở.....	37
Hình 3.3. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải của Cơ sở.....	40
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước mưa lẫn dầu của Nhà máy.....	41
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại .....	43
Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu mỡ.....	44
Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể khử trùng .....	44
Hình 3.8. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tách nước lẫn dầu 35 m <sup>3</sup> /giờ .....	45
Hình 3.9. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tách nước lẫn dầu X701 .....	46

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

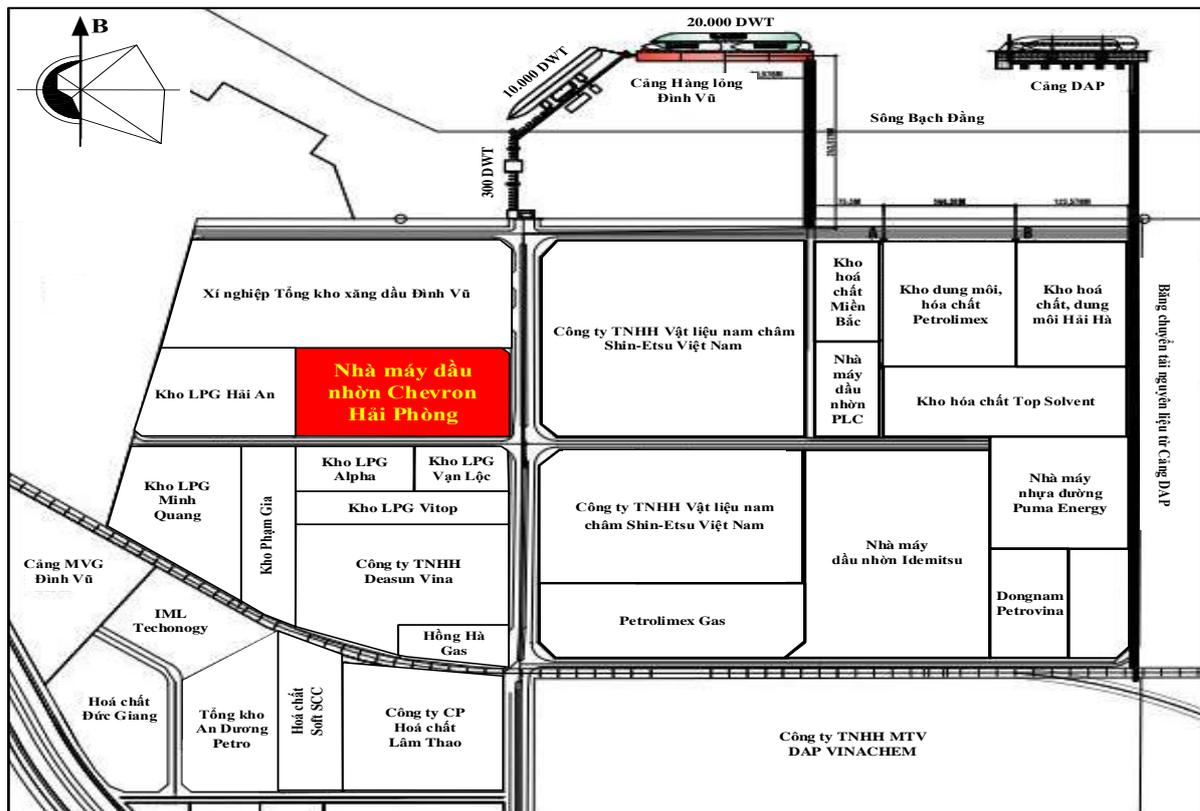
**CHƯƠNG I.**  
**THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ**

- Tên chủ cơ sở: **Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam.**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thanh Hà; Chức vụ: Giám đốc Tài chính.
- Điện thoại: 0225.3769010; Fax: 0225.3769011.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0200115417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19/5/2023.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3276947716 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 08 ngày 04/5/2023.

**1.2. TÊN CƠ SỞ**

- Tên cơ sở: **Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật.**
- Địa điểm cơ sở: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí của Nhà máy trong Khu Công nghiệp Đình Vũ

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy dầu nhờn Chevron Hải Phòng từ 15 triệu lít/năm lên 60 triệu lít/năm tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.

- Quy mô của cơ sở: Cơ sở có tổng mức đầu tư là 353.594.000.000 VNĐ (Ba trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu đồng). Cơ sở pha chế dầu nhờn thuộc lĩnh vực sản xuất sản phẩm hoá dầu ((thuộc lĩnh vực quy định tại Điểm 4 Mục II Phần A Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ). Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, Cơ sở được phân loại là **dự án nhóm B** (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Đầu tư công năm 2019 và Mục I Phần B Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ). Theo tiêu chí về môi trường, Cơ sở được phân loại tương đương với **dự án đầu tư nhóm II** (mục số 2 Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### 1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

#### 1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Nhà máy sản xuất các sản phẩm dầu bôi trơn (khoảng 130 mã sản phẩm) với công suất là 60 triệu lít/năm. Cụ thể:

Bảng 1.1. Công suất sản xuất các sản phẩm của cơ sở

STT	Loại sản phẩm	Khối lượng (lít/năm)
1	Dầu động cơ xe máy (gồm 15 mã sản phẩm)	18.000.000
2	Dầu động cơ xe ô tô (gồm 63 mã sản phẩm)	6.000.000
3	Dầu hàng hải (gồm 07 mã sản phẩm)	6.000.000
4	Dầu công nghiệp (gồm 45 mã sản phẩm)	30.000.000
<b>Tổng</b>		<b>60.000.000</b>

#### 1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

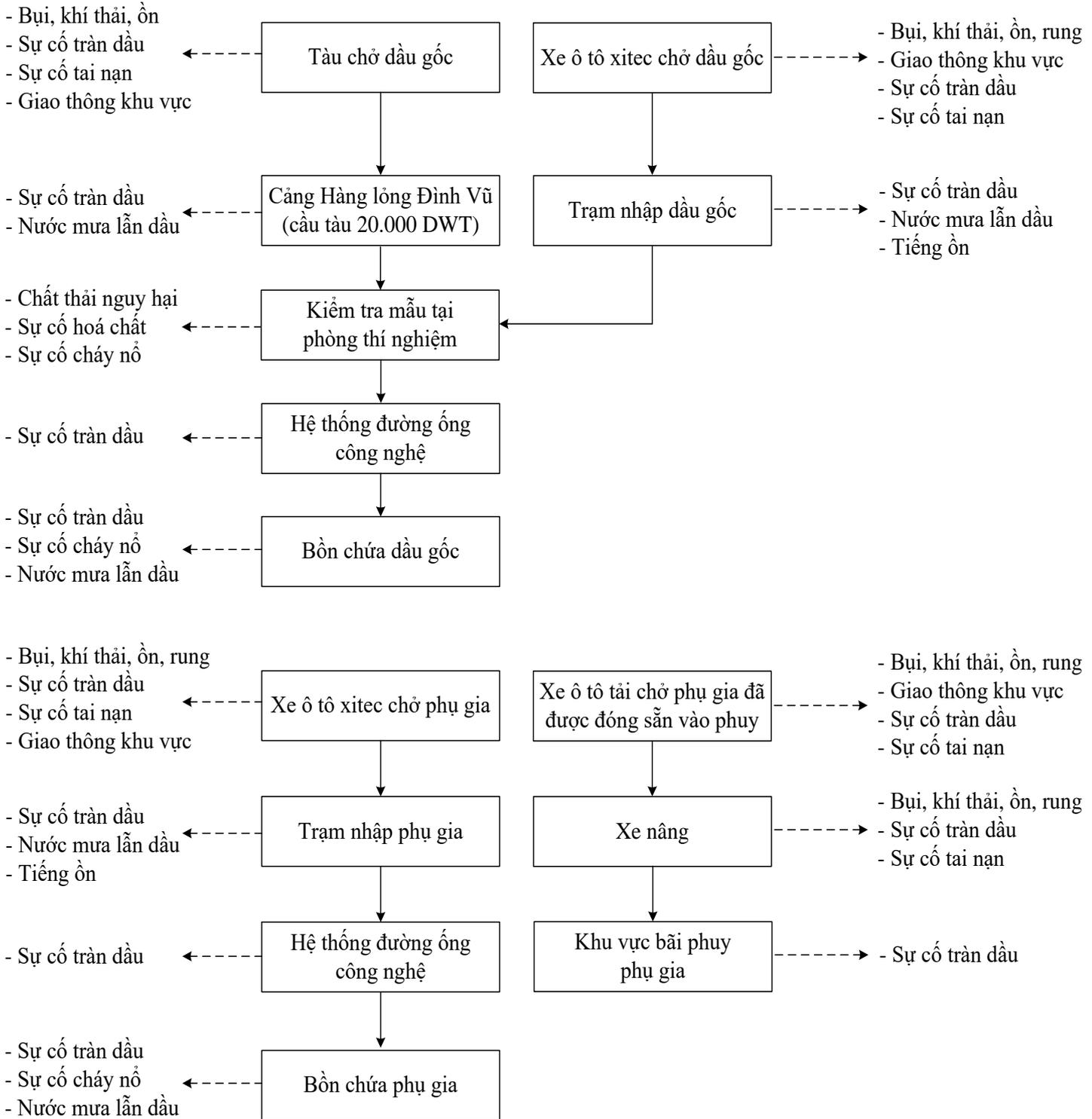
Quy trình công nghệ sản xuất của Nhà máy bao gồm: (1) Quy trình nhập nguyên liệu; (2) quy trình pha chế dầu nhờn; (3) quy trình đóng gói sản phẩm; (4) quy trình kiểm tra; (5) quy trình vệ sinh; (6) quy trình lưu giữ nguyên vật liệu, sản phẩm; (7) quy trình tái chế sản phẩm theo trách nhiệm nhà sản xuất. Cụ thể các quy trình như sau:

##### 1/. Quy trình nhập nguyên liệu

Để tiến hành sản xuất các sản phẩm dầu bôi trơn (dầu nhờn), Nhà máy tiến hành nhập nguyên liệu gồm dầu gốc và các phụ gia. Dầu gốc được nhập bằng đường thủy từ tàu chở dầu và bằng đường bộ từ xe ô tô xitec. Phụ gia được nhập bằng đường bộ từ xe ô tô xitec và xe ô tô tải.

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**



**Hình 1.2. Quy trình nhập nguyên liệu của Nhà máy**

Dầu gốc được nhập bằng đường thủy thông qua Cảng Hàng lông Đình Vũ (cầu tàu 20.000 DWT). Từ tàu, dầu gốc được bơm vào hệ thống đường ống công nghệ bố trí từ cầu cảng về Nhà máy và được bơm vào các bồn chứa. Đảm nhiệm việc vận hành hệ thống máy bơm dầu gốc từ tàu vào bồn chứa là các thuyền viên trên tàu. Nhân viên vận hành Nhà máy có trách nhiệm giám sát và theo dõi trong suốt quá trình bơm để đảm bảo không có sai sót xảy ra.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

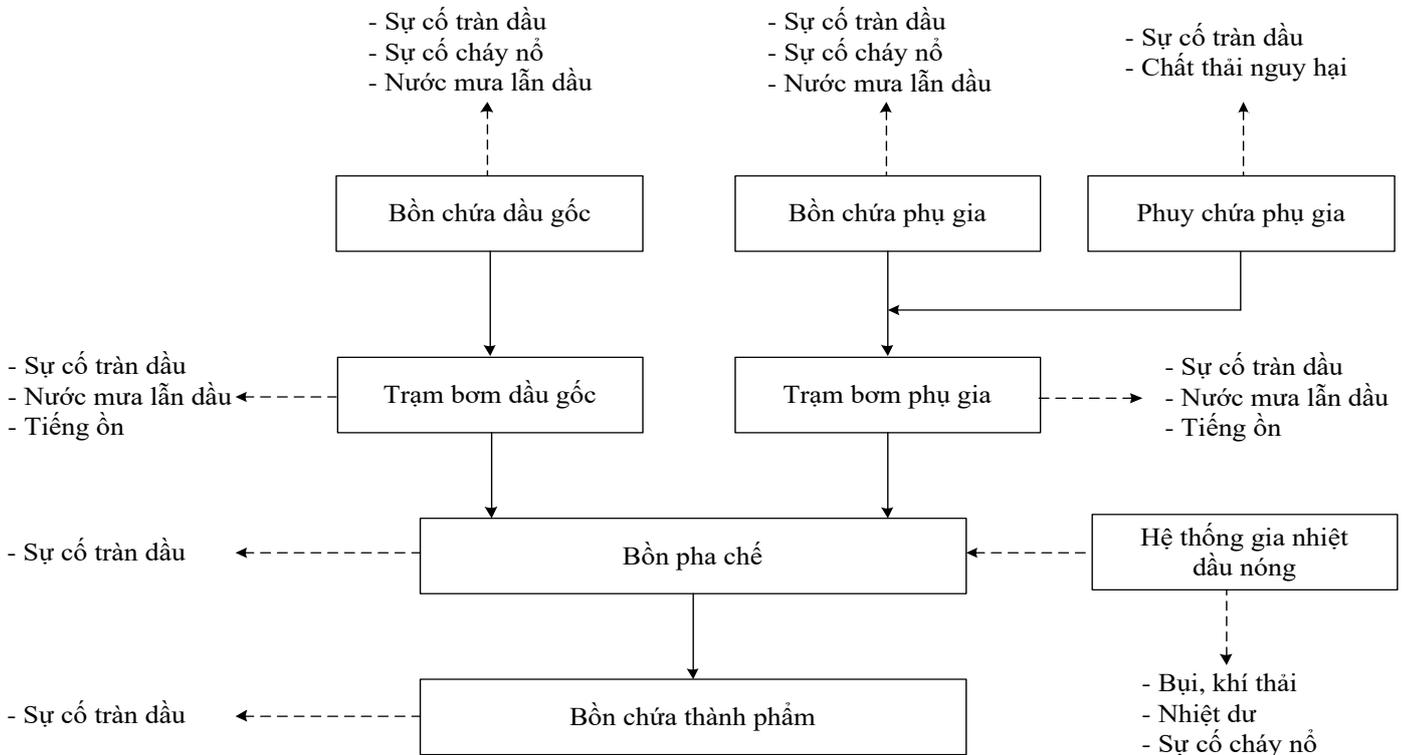
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

Ngoài ra, dầu gốc được vận chuyển bằng xe ô tô xitec đến khu vực trạm nhập dầu gốc đã có sẵn các họng chờ. Dầu gốc được bơm vào bồn chứa bằng hệ thống máy bơm trên xe ô tô xitec qua đường ống mềm kết nối với các họng chờ này. Trước khi tiến hành bơm dầu gốc vào các bồn chứa, Nhà máy sẽ tiến hành lấy mẫu dầu gốc để kiểm tra tại phòng thí nghiệm của Nhà máy, các thông số cơ bản của mẫu đạt yêu cầu mới tiến hành nhập dầu gốc.

Phụ gia được vận chuyển bằng xe ô tô xitec đến khu vực trạm nhập phụ gia đã có sẵn các họng chờ. Phụ gia được bơm vào bồn chứa bằng hệ thống máy bơm trong nhà máy bơm hút qua đường ống mềm kết nối với các họng chờ này. Ngoài ra, Nhà máy nhập phụ gia đã được đóng sẵn vào các thùng phuy, vận chuyển đến Nhà máy bằng xe ô tô tải, xe container và được xếp tại khu vực bãi phuy phụ gia của Nhà máy bằng xe nâng.

### 2/. Quy trình pha chế dầu nhờn

Dầu gốc từ các bồn chứa cùng với phụ gia từ các bồn chứa và thùng phuy được bơm định lượng theo khối lượng đã được cài đặt sẵn vào các bồn pha chế đặt tại nhà pha chế bằng hệ thống các máy bơm đặt tại trạm bơm dầu gốc và trạm bơm phụ gia.



Hình 1.3. Quy trình pha chế dầu thành phẩm của Nhà máy

Trong bồn pha chế, dầu gốc và phụ gia được pha trộn đồng nhất bằng hệ thống cánh khuấy thành các sản phẩm dầu bôi trơn (dầu nhờn). Kết thúc quá trình pha chế, các sản phẩm từ bồn pha chế được bơm vào bồn chứa thành phẩm bằng hệ thống các máy bơm tại nhà pha chế. Ngoài ra, tùy theo từng loại dầu gốc và phụ gia, bồn pha chế

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

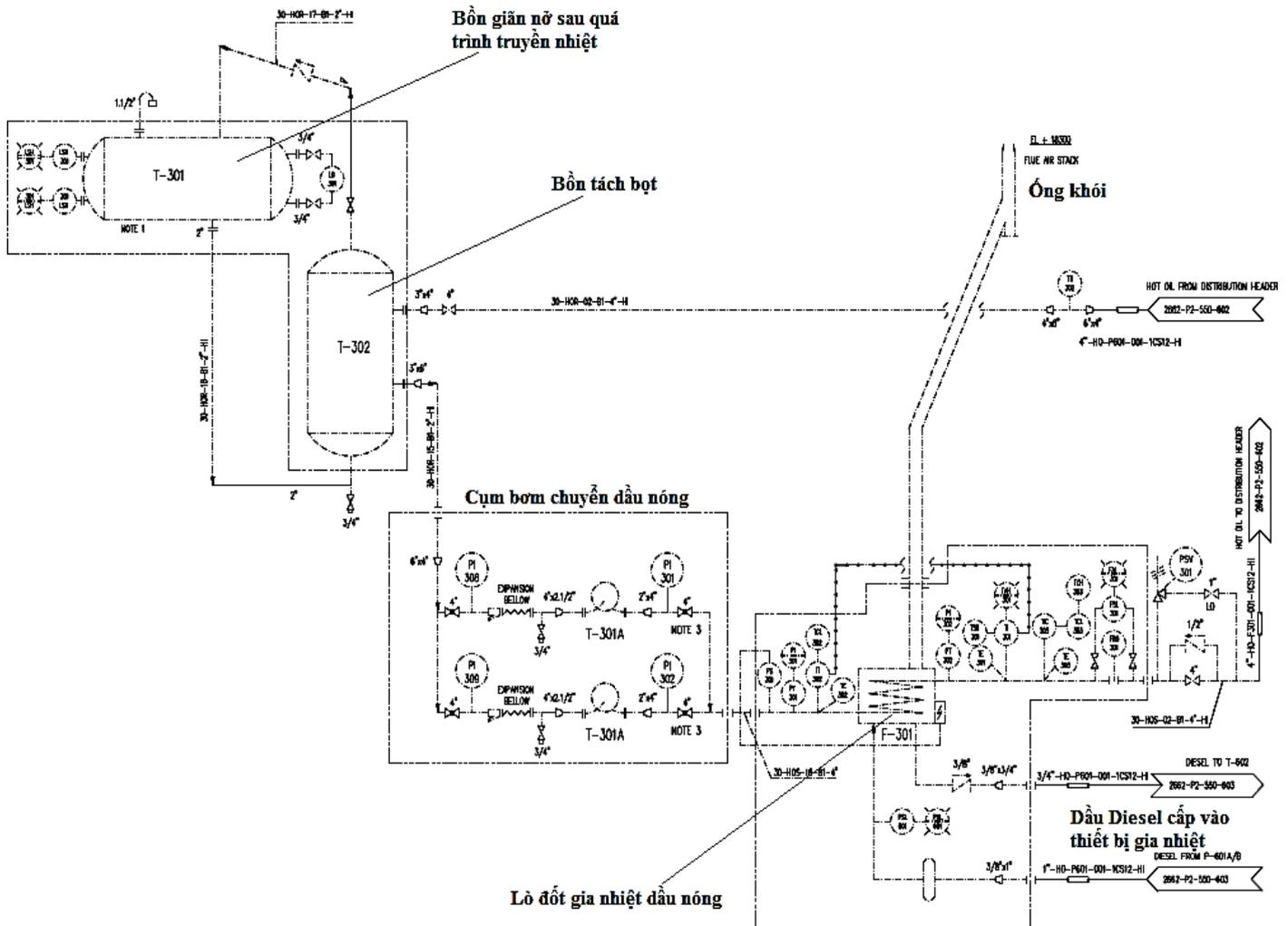
sẽ được cấp nhiệt bằng hệ thống gia nhiệt dầu nóng chảy bằng nhiên liệu dầu DO, để đảm bảo hỗn hợp pha trộn đạt nhiệt độ tối thiểu từ 25 - 35°C.

### \* Hệ thống các máy bơm chuyển tải

Nhà máy có 5 máy bơm dầu gốc để bơm chuyển tải nguyên liệu dầu gốc từ bồn chứa đến bồn pha chế và 9 máy bơm phụ gia để bơm chuyển tải nguyên liệu từ bồn chứa đến bồn pha chế, và được trang bị hệ thống van an toàn để ngăn ngừa sự cố tràn dầu. Để bơm chuyển tải sản phẩm từ bồn pha chế đến bồn thành phẩm, Nhà máy sử dụng 3 máy bơm với công suất mỗi máy bơm là 40m<sup>3</sup>/giờ.

### \* Hệ thống gia nhiệt dầu nóng

Hệ thống gia nhiệt dầu nóng cấp nhiệt cho bồn pha chế để đảm bảo hỗn hợp pha trộn đạt nhiệt độ tối thiểu từ 25 - 35°C. Tuy nhiên, khu vực Hải Phòng có nền nhiệt cao, nên hệ thống gia nhiệt của Nhà máy chủ yếu hoạt động trong mùa đông vào những ngày có nhiệt độ thấp với thời gian hoạt động khoảng 1 - 2 giờ/ngày.



Hình 1.4. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống gia nhiệt dầu nóng

Nhiên liệu dầu DO từ bồn chứa (dung tích 7,0 m<sup>3</sup>) theo đường ống được cấp vào bộ gia nhiệt dầu nóng qua vòi phun nằm bên trong thiết bị. Không khí phục vụ cho

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

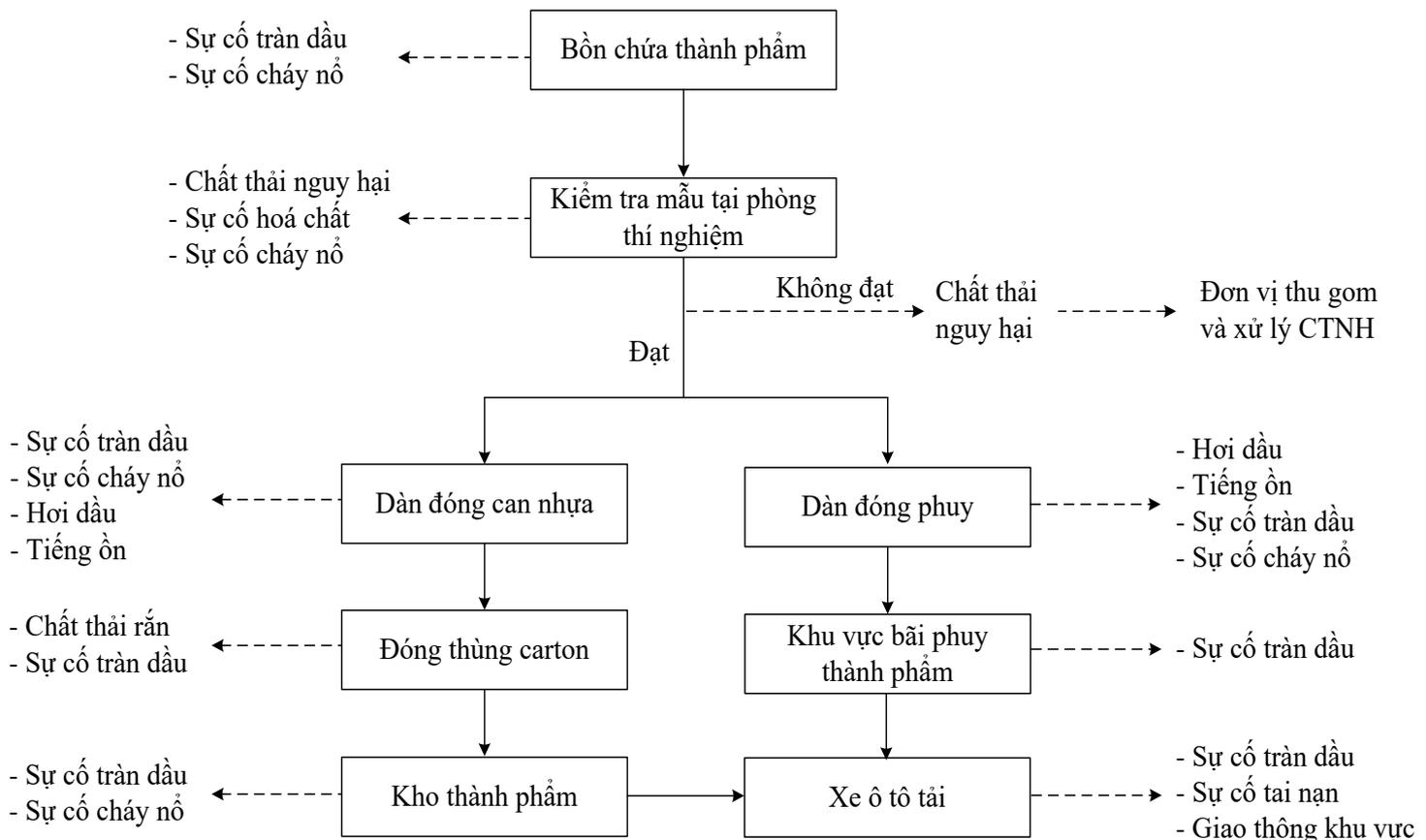
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

quá trình đốt dầu DO được thổi vào buồng đốt qua quạt hút khí. Tại buồng đốt xảy ra phản ứng đốt cháy dầu DO sinh ra nhiệt đun nóng dầu tải nhiệt và theo hệ thống truyền nhiệt cấp cho các bồn pha chế. Hệ thống truyền nhiệt là hệ thống khép kín bao gồm các ống dẫn dầu nóng, các ống truyền nhiệt và thiết bị gia nhiệt tại các bồn pha chế. Khí thải từ quá trình đốt dầu DO theo ống xả khí thải (có đường kính  $D = 0,4$  m, chiều cao  $H = 16,0$  m) xả ra môi trường.

Hệ thống gia nhiệt dầu nóng của Nhà máy được Công ty nhập khẩu nguyên chiếc từ EU. Các thông số kỹ thuật của hệ thống như sau: Giá trị nhiệt năng: 850.000 kcal/h - 986 kW; Nhiệt độ dầu nóng: 260 - 300 °C; Lưu lượng dòng dầu: Trung bình 43 m<sup>3</sup>/giờ; Áp suất làm việc: 16 bar; Lượng dầu Diesel (DO) tiêu hao: 80 lít/giờ; Lưu lượng dòng khí thải: Lớn nhất là 3.000 m<sup>3</sup>/giờ (trung bình là 1.500 m<sup>3</sup>/giờ); Chất lượng dòng khí thải: Đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,6).

### 3/. Quy trình đóng gói sản phẩm

Các sản phẩm dầu bôi trơn (dầu nhờn) của Nhà máy được đóng gói vào phuy hoặc can nhựa tại xưởng sản xuất. Trước khi tiến hành đóng gói, Nhà máy sẽ tiến hành lấy mẫu dầu thành phẩm để kiểm tra tại phòng thí nghiệm của Nhà máy, các thông số cơ bản của mẫu đạt yêu cầu mới tiến hành đóng gói.



Hình 1.5. Quy trình đóng gói sản phẩm

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

Dầu thành phẩm từ bồn chứa thành phẩm được bơm đóng gói vào phuy hoặc can nhựa thông qua hệ thống các dàn đóng gói.

*\* Các công đoạn được tự động hoá trong sản xuất*

Hiện tại Nhà máy đang sử dụng hệ thống pha chế tự động với thiết kế và công nghệ của Yokogawa (Nhật Bản). Dầu sau khi được pha chế xong sẽ được bơm chuyển sang bồn chứa thành phẩm (công nhân thao tác tắt bật máy bơm chuyển dầu). Dầu thành phẩm từ bồn chứa thành phẩm được bơm chuyển tới từng dàn đóng gói theo kế hoạch sản xuất (lập dựa trên nhu cầu bán hàng) qua bơm thành phẩm (hệ thống bơm thành phẩm được điều khiển tự động tốc độ bơm qua hệ thống biến tần).

Các vỏ phuy, vỏ can nhựa được băng chuyền đưa vào vị trí cần nạp, hệ thống cân điện tử sẽ tự động cân bao bì. Sau đó, công nhân vận hành đưa vòi đóng gói vào miệng vỏ phuy (đối với can nhựa vòi đóng gói sẽ tự động đưa vào miệng can). Hệ thống các dàn đóng gói sẽ tự động đóng hàng theo khối lượng đã cài đặt sẵn và tự động chụp nắp vỏ phuy/ can. Vòi đóng gói có kích thước vừa khít với miệng nắp vỏ phuy/ can, cộng thêm hệ thống máng tự động cắt và hứng dầu rơi vãi từ đầu vòi trong quá trình đóng gói để đảm bảo không có dầu rơi vãi lên mặt vỏ phuy/ can thành phẩm.

Các can nhựa sản phẩm loại nhỏ (120 ml, 0,8 lít, 1 lít, 3 lít, 4 lít, 5 lít và 6 lít) được đóng tiếp vào các thùng bìa carton (đối với các can nhựa loại 0,8 lít và 1 lít được đóng tự động), cùng với các can nhựa sản phẩm loại lớn (18 lít, 25 lít) được xếp lên trên pallet gỗ, sau đó chuyển vào các giá hàng trong kho thành phẩm. Các phuy sản phẩm được xếp ra khu vực bãi phuy thành phẩm bằng các xe nâng. Cuối cùng, các sản phẩm được xuất đến nơi tiêu thụ bằng xe ô tô tải theo đường bộ hiện có.

Để bơm chuyển tải dầu sản phẩm từ bồn thành phẩm đến hệ thống các dàn đóng gói, Nhà máy sử dụng 10 máy bơm với công suất mỗi máy bơm là 20 m<sup>3</sup>/giờ và có 5 dàn đóng gói trong đó có 3 dàn đóng gói can nhựa tự động (gồm 0,8-1 lít, 4-6 lít, 18-25 lít), dàn đóng tuýp dung tích 120ml, dàn đóng phuy bán tự động và dàn đóng IBC.

### ***4/. Quy trình kiểm tra***

Trước khi tiến hành nhập dầu gốc từ tàu chở dầu, xe ô tô xitec vào bồn chứa dầu gốc hay tiến hành đóng gói dầu thành phẩm từ bồn chứa thành phẩm vào phuy, can nhựa, Nhà máy sẽ tiến hành lấy mẫu dầu gốc, dầu thành phẩm để kiểm tra tại phòng thí nghiệm, các thông số cơ bản của mẫu đạt yêu cầu mới tiến hành nhập hay đóng gói. Trong trường hợp dầu thành phẩm không đạt, Nhà máy sẽ xem xét hạ xuống dầu thành phẩm cấp thấp hơn (nếu đáp ứng được yêu cầu chất lượng của dầu thành phẩm cấp thấp hơn) hoặc thải bỏ (chuyển giao cho Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại) nếu không đáp ứng được bất kỳ yêu cầu chất lượng cấp sản phẩm nào của Nhà máy. Quy trình kiểm tra cụ thể như sau:

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

### \* Quy trình kiểm tra hàm lượng nước trong dầu gốc

- Thiết bị sử dụng: Nguồn lửa cho phép nhiệt độ đạt từ 200 - 500 °C và các ống thủy tinh chịu nhiệt.

- Quy trình kiểm tra: Rót khoảng 5 ml dầu gốc vào ống thủy tinh chịu nhiệt. Sau đó, đốt ống thủy tinh chứa mẫu dưới ngọn lửa trong 2 - 3 phút nếu có tiếng nổ và hơi nước bám trên thành ống thủy tinh thì xác định trong dầu có nước và ngược lại.

### \* Quy trình kiểm tra độ nhớt cho dầu gốc, dầu nhờn

- Thiết bị sử dụng: Máy đo độ nhớt tự động.

- Hóa chất thử: Các loại dầu chuẩn của Canon; dung môi ổn định nhiệt (dầu Silicone tổng hợp, Ethanol); nước làm mát (Ethylene glycol 10% trong nước cất).

- Quy trình kiểm tra: Tiến hành đo độ nhớt và đọc kết quả độ nhớt của mẫu cần đo bằng máy đo độ nhớt tự động.

### \* Quy trình xác định trị số axit của dầu nhờn

- Thiết bị sử dụng: Bình nón thể tích 250 ml và buret thể tích 10 ml.

- Hóa chất thử: Hỗn hợp dung môi (bao gồm Toluene và Ethanol); dung dịch KOH (KOH nồng độ 0,1 mol/l trong Ethanol); dung dịch Phenolphthalein (chất chỉ thị màu 10 g/l trong Ethanol 5%).

- Quy trình kiểm tra:

+ Thí nghiệm: Lấy khối lượng mẫu thử tùy theo trị số axit dự kiến. Sau đó, hòa tan mẫu vào 50 ml hỗn hợp dung môi, thêm 02 đến 03 giọt Phenolphthalein và chuẩn độ với dung dịch KOH cho đến khi xuất hiện màu đỏ bền vững trong 10 giây. Cuối cùng, tiến hành chuẩn độ bình trong cùng điều kiện chuẩn độ mẫu thử.

+ Tính toán trị số axit theo công thức:  $A = \{56,1 \times (V_1 - V_0) \times c \times 100\} / (m \times NV)$ . Trong đó: A - Trị số axit (mg KOH/g);  $V_0$  - Thể tích KOH dùng để chuẩn độ bình trống;  $V_1$  - Thể tích KOH dùng để chuẩn độ mẫu; c - Nồng độ của dung dịch KOH; m - Khối lượng mẫu; NV - Hàm lượng chất không bay hơi.

### \* Quy trình xác định trị số bazơ của dầu nhờn

- Thiết bị sử dụng: Máy chuẩn độ tự động.

- Hóa chất thử: Hỗn hợp dung môi (bao gồm axit Acetic, Xylen và Acetone); dung dịch HClO<sub>4</sub> (HClO<sub>4</sub> nồng độ 0,1 mol/l trong axit Acetic).

- Quy trình kiểm tra: Lấy khối lượng mẫu thử tùy theo trị số bazơ dự kiến. Thêm 60 ml dung môi vào cốc thử sau khi đã cân mẫu thử. Cuối cùng, đưa mẫu vào máy chuẩn độ tự động và ghi lại kết quả sau khi máy dừng.

### \* Quy trình kiểm tra hàm lượng kim loại trong dầu gốc, dầu nhờn

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Thiết bị sử dụng: Máy đo hàm lượng kim loại tự động ICP-OES có sử dụng khí Argon (được nhà cung cấp nạp sẵn trong bình thép loại 20 lít, áp suất nén 200 bar).

- Hóa chất thử: Các loại dầu chuẩn của Conostant và dung môi Exxsol D80.

- Quy trình kiểm tra: Tiến hành dựng đường chuẩn. Lấy khối lượng mẫu thử tùy theo hàm lượng kim loại dự kiến sau đó pha loãng mẫu bằng khoảng 20 ml dung môi. Cuối cùng, đưa mẫu đã được pha loãng vào vị trí bơm tự động của máy phân tích kim loại và chờ ghi lại kết quả.

### 5/. Quy trình vệ sinh

Trong quá trình sản xuất, Nhà máy sẽ tiến hành vệ sinh bồn chứa nhằm loại bỏ các cặn lắng, vệ sinh bồn pha chế nhằm pha chế các loại dầu nhờn khác nhau và vệ sinh đường ống nhằm loại bỏ dầu gốc còn tồn đọng. Cụ thể như sau:

\* *Vệ sinh bồn chứa:* Nhà máy sử dụng dầu gốc bơm vào các bồn chứa để tiến hành vệ sinh. Dầu gốc sau khi vệ sinh được sử dụng để pha chế các sản phẩm dầu nhờn cùng loại hoặc có yêu cầu chất lượng thấp hơn (vệ sinh theo lịch pha chế các sản phẩm). Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh bồn chứa.

\* *Vệ sinh bồn pha chế:* Sau mỗi lần pha chế các loại dầu nhờn khác nhau, Nhà máy sử dụng dầu gốc để vệ sinh. Toàn bộ dung dịch sau vệ sinh được bơm xả đáy về bồn chứa riêng và được sử dụng để làm nguyên liệu sản xuất các sản phẩm dầu nhờn có yêu cầu chất lượng thấp hơn. Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh bồn pha chế.

\* *Vệ sinh đường ống:* Sau mỗi lần nhập dầu gốc hay kết thúc quá trình pha chế, lượng dầu gốc còn tồn đọng trong đường ống sẽ được bơm đẩy hết về bồn chứa. Nhà máy sử dụng thiết bị bơm đẩy bằng PIG (con chạy) và sử dụng khí nén từ máy nén khí để đẩy PIG chạy trong lòng ống. Sự cọ xát hay tiếp xúc giữa thành ống với PIG sẽ giúp đẩy toàn bộ lượng dầu gốc còn tồn đọng trong đường ống về bồn chứa. Do vậy, Nhà máy không phát sinh nước thải từ quá trình vệ sinh đường ống.



Hình 1.6. Thiết bị PIG làm sạch đường ống dẫn dầu

### 6/. Quy trình lưu giữ nguyên vật liệu và sản phẩm

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

\* *Đối với dầu gốc:* Dầu gốc sau khi kiểm tra tại phòng thí nghiệm đạt yêu cầu sẽ được nhập và lưu giữ trong các bồn chứa dầu gốc. Các bồn chứa dầu gốc định kỳ được kiểm tra, kiểm định độc lập theo Tiêu chuẩn API 653.

\* *Đối với phụ gia:* Phụ gia được lưu giữ trong các bồn chứa phụ gia hoặc đóng trong các phuy lưu giữ tại khu vực bãi phuy phụ gia. Các phuy đựng phụ gia này được đóng nắp bảo vệ chống rò rỉ và được nhà cung cấp bọc màng nhựa toàn bộ bề mặt đảm bảo không có dầu bám dính trên bề mặt. Các vỏ phuy phụ gia sau khi sử dụng được quản lý như các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

\* *Đối với vỏ can, phuy:* Các vỏ can, tuýp (bằng nhựa), vỏ phuy (bằng kim loại) được nhà cung cấp vận chuyển đến Nhà máy bằng xe ô tô tải theo đường bộ hiện có và được lưu giữ tại kho bao bì. Toàn bộ vỏ can, phuy phải được nhà cung cấp thử kín, đảm bảo 100% không bị rò rỉ, không bám bụi bẩn khi giao đến Nhà máy.

\* *Đối với sản phẩm:* Dầu thành phẩm được đóng trong các can và lưu giữ tại kho thành phẩm hoặc trong các phuy và lưu giữ tại khu vực bãi phuy thành phẩm. Các can và phuy đựng dầu thành phẩm này được đóng nắp bảo vệ chống rò rỉ. Các vỏ can, phuy sau khi sử dụng được quản lý như các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy (Nhà máy không tái sử dụng các vỏ can, phuy này).

### ***7./ Quy trình tái chế sản phẩm theo trách nhiệm nhà sản xuất***

Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 77 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam là Chủ cơ sở của “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” phải thực hiện trách nhiệm tái chế dầu nhớt cho động cơ với tỷ lệ tái chế bắt buộc trong giai đoạn này là 15%. Công suất sản xuất các sản phẩm dầu bôi trơn (dầu nhờn) của Nhà máy là 60.000.000 lít/năm gồm 30.000.000 lít/năm dầu động cơ (dầu động cơ xe máy, dầu động cơ ô tô, dầu hàng hải) và 30.000.000 lít/năm dầu công nghiệp (dầu làm mát, dầu thủy lực). Do vậy, Công ty phải thực hiện trách nhiệm tái chế (tối đa) là 4.500.000 lít dầu động cơ/năm tương đương khoảng 3.870 tấn dầu động cơ/năm (xét tỷ trọng dầu bôi trơn là 0,86 tấn/m<sup>3</sup>).

Tuy nhiên, Công ty hiện chưa có phương án khả thi cho việc thu hồi dầu đã qua sử dụng từ phía khách hàng cá nhân hay từ các đại lý của hãng để tổ chức tái chế sản phẩm. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Công ty lựa chọn thực hiện tái chế sản phẩm bằng hình thức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **1.3.3. Sản phẩm của cơ sở**

#### ***❖ Các chủng loại sản phẩm***

Các chủng loại sản phẩm dầu bôi trơn hiện tại của Nhà máy là khoảng 130 mã

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

sản phẩm gồm dầu động cơ xe máy (15 mã sản phẩm), dầu động cơ xe ô tô (63 mã sản phẩm), dầu hàng hải (07 mã sản phẩm), dầu công nghiệp (45 mã sản phẩm). Các sản phẩm được đóng gói dưới dạng can nhựa hoặc dưới dạng phuy.

### ❖ Các đặc điểm chung của các sản phẩm

- Độ bền vững và phản ứng: Có thể phản ứng với axit mạnh hay chất oxy hóa mạnh (Clorat, Nitrat, Peroxit). Độ bền vững hóa học được cho là ổn định trong điều kiện nhiệt độ và áp lực xung quanh thông thường và xếp dỡ bảo quản lường trước.

- Tính độc: Gây hại cho thủy sinh vật.

- Tác động đến sức khỏe:

+ Đối với mắt: Không gây kích ứng mắt kéo dài hoặc đáng kể.

+ Đối với da: Không gây ngứa kéo dài, không gây dị ứng da. Không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thụ qua da.

+ Có thể gây hại cho cơ quan nội tạng nếu nuốt phải.

+ Không gây hại nếu hít phải, tuy nhiên có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc về phổi sau khi hít phải kéo dài hoặc lặp đi lặp lại của hơi dầu ở mức cao hơn giới hạn tiếp xúc phơi nhiễm đã khuyến nghị đối với hơi dầu khoáng. Các triệu chứng của dị ứng đường hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt và mặt: Không đòi hỏi bảo vệ cho mắt, an toàn có thể đeo kính an toàn có miếng che bên hông;

+ Đối với da: Sử dụng quần áo bảo hộ, găng tay bằng vật liệu cao su nitrile;

+ Đối với hệ hô hấp: Nếu có dầu dạng sương có nồng độ vượt mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, đeo mặt nạ thở có hộp lọc hạt vụn, mặt nạ dưỡng khí.

❖ **Đặc tính của các sản phẩm (bao gồm nhưng không giới hạn như danh sách chi tiết dưới đây). Chi tiết các chỉ tiêu của sản phẩm theo Tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) do Công ty công bố.**

\* *Havoline Super 10W40 (dầu động cơ xe gắn máy)*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (70-99%); Sucxunimit polyamin polyolefin, borat hóa (1-5%); Sucxunimit polyamin polyolefin, polyol (1-5%); Sunfonat ankaryl mạch dài canxi (0,1-1%); Ankyphenol phân nhánh và Ankyphenol canxi phân nhánh (0,1-1%). Có đặc tính lý hóa như sau:

- Dạng lỏng màu đỏ, có mùi dầu mỏ, khối lượng riêng 0,9 kg/l (tại 15°C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

- Điểm bốc cháy: 210°C;

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

- Áp suất hơi: < 0,01 mmHg (tại 37,8°C);

- Độ nhớt: 13,68 mm<sup>2</sup>/s (tại 100°C).

\* *Delo Gold Ultra SAE 15W-40 (dầu động cơ Diesel)*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (70-99%); Suxunimit polyamin polyolefin, polyol (3%); Dithiophotphat ankyl kẽm (1%); Sunfonat ankaryl mạch dài canxi (0,2-2%); Ankylphenol phân nhánh và Ankylphenol canxi phân nhánh (0,1-1%). Có đặc tính lý hóa như sau:

- Dạng lỏng màu hổ phách, có mùi dầu mỏ, khối lượng riêng 0,872 kg/l (tại 15°C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

- Điểm bốc cháy: 215°C;

- Áp suất hơi: <0,01 mmHg (tại 37,8°C);

- Độ nhớt: 15,05 mm<sup>2</sup>/s (tại 100°C);

\* *Delo 1000 Marine SAE 30,40 (dầu động cơ Diesel hàng hải)*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (70-99%); Sunfua phenat ankyl mạch phân nhánh canxi (0,5-1,5%). Có đặc tính lý hóa như sau:

- Dạng lỏng màu nâu, có mùi dầu mỏ, khối lượng riêng 0,9 kg/l (tại 15 °C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước.

- Điểm bốc cháy: 220°C;

- Áp suất hơi: <0,01 mmHg (tại 37,8°C);

- Độ nhớt: 94 - 146 mm<sup>2</sup>/s (tại 40°C).

\* *Rando HD (dầu công nghiệp – nhánh sản phẩm dầu thủy lực)*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (70-99%); Sunfua phenat ankyl mạch phân nhánh canxi (0,5-1,5%). Có đặc tính lý hóa như sau:

- Dạng lỏng màu nâu, có mùi dầu mỏ, khối lượng riêng 0,9 kg/l (tại 15 °C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

- Điểm bốc cháy: 220°C;

- Áp suất hơi: < 0,01 mmHg (tại 37,8°C);

- Độ nhớt: 94 - 146 mm<sup>2</sup>/s (tại 40°C).

### 1.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHÉ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HOÁ CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

#### 1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, vật liệu, phế liệu

Các chủng loại nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy hiện nay gồm dầu gốc và các loại phụ gia. Cụ thể như sau:

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất

STT	Tên nguyên liệu	Khối lượng (lít/năm)
1	Dầu gốc (lưu chứa trong bồn)	52.800.000
2	Phụ gia (lưu chứa trong bồn và trong phuy)	7.200.000
-	<i>Phụ gia lưu chứa trong bồn</i>	<i>4.800.000</i>
-	<i>Phụ gia lưu chứa trong phuy</i>	<i>2.400.000</i>
<b>Tổng</b>		<b>60.000.000</b>

*Nguồn: Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam, 2024*

Dầu gốc được nhập bằng đường thủy thông qua tàu chở dầu cập tại Cảng Hàng không Đình Vũ hoặc được nhập bằng xe ô tô xitec theo tuyến đường bộ hiện có và đều được lưu chứa trong bồn chứa dầu gốc. Phụ gia được vận chuyển bằng xe ô tô xitec và được lưu chứa trong bồn chứa phụ gia hoặc được đóng phuy (50 lít - 200 lít) vận chuyển bằng xe ô tô tải và được xếp tại khu vực bãi phuy phụ gia.

### ❖ **Đặc tính của dầu gốc**

Dầu gốc là hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15 - C50) với tỷ lệ 60% - 100%.

- Đặc tính lý hóa:

+ Dạng lỏng không màu, có mùi dầu đặc trưng, khối lượng riêng 0,86 kg/l (tại 15,6°C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

+ Điểm chớp cháy: > 200°C;

+ Nhiệt độ sôi: > 315°C;

+ Áp suất hơi: < 0,01 mmHg (tại 37,8°C);

+ Tỷ trọng hơi so với không khí: > 1;

+ Độ nhớt: 28 cSt - 460 cSt (tại 40°C).

- Tác động tới sức khỏe:

+ Không gây kích ứng kéo dài đối với mắt;

+ Không gây kích ứng kéo dài khi tiếp xúc với da, không gây dị ứng hay phản ứng với da;

+ Có thể gây độc nếu nuốt phải;

+ Không gây độc nếu hít phải, tuy nhiên có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc về phổi khác sau khi hít phải kéo dài hoặc lặp đi lặp lại của hơi dầu ở mức cao hơn giới hạn tiếp xúc với hơi dầu khoáng được cho phép. Các triệu chứng của dị ứng đường hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt và mặt: Ở các vị trí gây bắn, cần đeo kính an toàn;

+ Đối với da: Ở các vị trí gây bắn, mặc bảo hộ lao động, sử dụng găng tay bằng vật liệu cao su nitrile;

+ Đối với hệ hô hấp: Sử dụng khẩu trang, mặt nạ phòng độc khi có dầu dạng sương có nồng độ vượt mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

### ❖ *Đặc tính của các phụ gia hiện tại đang sử dụng ở Nhà máy.*

*\* Phụ gia cho nhóm sản phẩm dầu động cơ xe ô tô*

- Đặc tính lý hóa:

+ Dạng lỏng, có mùi dầu đặc trưng, khối lượng riêng 1,006 kg/l (tại 15,0°C), ít tan trong nước;

+ Điểm chớp cháy: 110°C;

+ Độ nhớt: 3659 cSt (tại 40°C); 158 cSt (tại 100°C);

- Tác động tới sức khỏe:

Nguy cơ gây hồng mắt, mức độ nhẹ hơn gây kích ứng mắt, mũi, họng và phổi.

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt: Cần có kính ngăn hóa chất và mặt nạ;

+ Đối với tay: Sử dụng găng tay;

+ Đối với hệ hô hấp: Đeo khẩu trang, sử dụng mặt nạ dưỡng khí khi cần thiết.

*\* Phụ gia cải thiện độ nhớt*

Là hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15 - C50) với tỷ lệ 87% -95%.

- Đặc tính lý hóa:

+ Dạng lỏng không màu, có mùi dầu đặc trưng, không tan trong nước;

+ Điểm chớp cháy: 170°C;

+ Áp suất hơi: 0.0001 torr tại 20°C (68°F);

+ Độ nhớt: 2.263 cSt (tại 40°C).

- Tác động tới sức khỏe:

+ Đối với mắt: Không gây kích ứng mắt kéo dài hoặc đáng kể. Nếu chất này được làm nóng, có thể gây bỏng nhiệt khi tiếp xúc mắt;

+ Đối với da: Có thể gây phản ứng dị ứng da. Không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thụ qua da;

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

+ Có thể gây hại nếu nuốt phải;

+ Không gây hại nếu hít phải, tuy nhiên có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc về phổi khác sau khi hít phải kéo dài hoặc lặp đi lặp lại của hơi dầu ở mức cao hơn giới hạn tiếp xúc với hơi dầu khoáng được cho phép. Các triệu chứng của dị ứng đường hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt và mặt: Tại vị trí bị bắn cần đeo kính bảo hộ. Nếu chất này được đun nóng, đeo kính bảo hộ hóa chất, kính an toàn hoặc sử dụng mặt nạ;

+ Đối với da: Sử dụng quần áo bảo hộ, găng tay bằng vật liệu cao su nitrile;

+ Đối với hệ hô hấp: Nếu có dầu dạng sương có nồng độ vượt mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp đeo mặt nạ dưỡng khí.

*\* Phụ gia cho nhóm sản phẩm dầu động cơ xe máy*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (40%); Sucxunimit polyamin polyolefin, borat hóa (15%); Sucxunimit polyamin polyolefin, polyol (11%); và Dithiophotphat ankyl kẽm (10%)...

- Đặc tính lý hóa:

+ Dạng lỏng, có màu nâu, mùi dầu đặc trưng, khối lượng riêng 0,9807 kg/l (tại 15,6°C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

+ Điểm chớp cháy: 200°C;

+ Nhiệt độ sôi: > 315°C;

+ Áp suất hơi: 0,0001 torr (tại 20°C);

+ Tỷ trọng hơi so với không khí: > 1;

+ Độ nhớt: 2.263 cSt (tại 40°C);

- Tính độc: Gây hại lâu dài đối với môi trường thủy sinh, có thể gây dị ứng da khi tiếp xúc lặp đi lặp lại, không gây hại khi nuốt, hít phải.

- Tác động tới sức khỏe:

+ Đối với mắt: Không gây kích ứng mắt kéo dài hoặc đáng kể. Nếu chất này được làm nóng, có thể gây bỏng nhiệt khi tiếp xúc mắt;

+ Đối với da: Không gây ngứa kéo dài, không gây phản ứng dị ứng da. Không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thụ qua da;

+ Có thể gây hại nếu nuốt phải;

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

+ Không gây hại nếu hít phải. Tuy nhiên có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc về phổi sau khi hít phải kéo dài hoặc lặp đi lặp lại của hơi dầu ở mức cao hơn giới hạn tiếp xúc với hơi dầu khoáng được cho phép. Các triệu chứng của dị ứng đường hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt và mặt: Tại vị trí bị bắn cần đeo kính bảo hộ. Nếu chất này được đun nóng, đeo kính bảo hộ hóa chất, kính an toàn hoặc tấm che mặt;

+ Đối với da: Sử dụng quần áo bảo hộ, găng tay bằng vật liệu cao su nitrile;

+ Đối với hệ hô hấp: Nếu có dầu dạng sương có nồng độ vượt mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, đeo mặt nạ dưỡng khí.

*\* Phụ gia cho nhóm sản phẩm dầu hàng hải*

Hỗn hợp có thành phần chính là dầu khoáng tinh chế cao (C15-C50) (41%); Sunfonat ankaryl mạch dài canxi (27%); Sunfua phenat akyl mạch phân nhánh canxi (19%); và Sucxunimit polyamin polyolefin (4%)...

- Đặc tính lý hóa:

+ Dạng lỏng màu nâu, có mùi dầu đặc trưng, khối lượng riêng 1,1204 kg/l (15,6°C), tan trong hợp chất hydrocacbon, không tan trong nước;

+ Điểm chớp cháy: 182°C;

+ Áp suất hơi: 0,0001 torr (tại 20°C);

+ Độ nhớt: 5.705 cSt (tại 40°C);

- Tính độc: Gây hại lâu dài đối với môi trường thủy sinh, gây hại đối với khả năng thụ tinh, thai nhi. Có thể gây dị ứng da khi tiếp xúc lặp đi lặp lại, không gây hại khi nuốt, hít phải.

- Tác động tới sức khỏe:

+ Đối với mắt: Không gây kích ứng mắt kéo dài hoặc đáng kể. Nếu chất này được làm nóng, có thể gây bỏng nhiệt khi tiếp xúc mắt;

+ Đối với da: Không gây ngứa kéo dài, không gây phản ứng dị ứng da. Không gây hại cho cơ quan nội tạng nếu hấp thụ qua da;

+ Có thể gây hại nếu nuốt phải;

+ Không gây hại nếu hít phải, tuy nhiên có thể gây kích thích đường hô hấp hoặc về phổi sau khi hít phải kéo dài hoặc lặp đi lặp lại của hơi dầu ở mức cao hơn giới hạn tiếp xúc với hơi dầu khoáng được cho phép. Các triệu chứng của dị ứng đường hô hấp có thể bao gồm ho và khó thở.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Các thiết bị bảo vệ:

+ Đối với mắt và mặt: Tại vị trí bị bắn cần đeo kính bảo hộ. Nếu chất này được đun nóng, đeo kính bảo hộ hóa chất, kính an toàn hoặc tấm che mặt.

+ Đối với da: Sử dụng quần áo bảo hộ, găng tay bằng vật liệu cao su nitrile;

+ Đối với hệ hô hấp: Nếu có dầu dạng sương có nồng độ vượt mức giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, đeo mặt nạ dưỡng khí.

### 1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước, nhiên liệu

#### a. Nhu cầu nhiên liệu

- Nhu cầu sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) của Nhà máy là khoảng 5.877 lít/năm phục vụ cho hoạt động của xe nâng (khoảng 4.090 lít/năm) và cho hệ thống gia nhiệt bằng dầu nóng (khoảng 1.787 lít/năm.)

- Nhu sử dụng khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) của Nhà máy là khoảng 50 kg/tháng phục vụ cho hoạt động nấu ăn.

#### b. Nhu cầu sử dụng điện

Nhà máy sử dụng nguồn điện từ hệ thống phân phối điện của KCN Đình Vũ qua trạm biến áp 1.150 kV để cung cấp điện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và hoạt động sinh hoạt trong Nhà máy. Lượng điện sử dụng hiện tại của Nhà máy trung bình là khoảng 696.441 kWh/năm.

#### c. Nhu cầu sử dụng nước

Nhà máy sử dụng nguồn nước từ hệ thống cấp nước sạch của KCN Đình Vũ để cung cấp nước cho hoạt động sinh hoạt, tưới cây và tưới mát các bồn chứa (khi có sự cố cháy nổ) trong Nhà máy. Theo hoá đơn thu tiền nước hàng tháng, lượng nước sử dụng hiện tại của Nhà máy trung bình là 164 m<sup>3</sup>/tháng (tương đương 5,4 m<sup>3</sup>/ngày). Ngoài ra, lượng nước dự trữ cho chữa cháy là 220 m<sup>3</sup>.

Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nhiên liệu, điện, nước

STT	Nhu cầu sử dụng	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu Diesel (DO)	5.877 lít/năm	- Xe nâng - Hệ thống gia nhiệt
	Khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG)	50 kg/tháng	- Nấu ăn
2	Điện	696.441 kW/năm	- Sản xuất - Sinh hoạt
3	Nước	5,4 m <sup>3</sup> /ngày	- Sinh hoạt (5,0 m <sup>3</sup> /ngày) - Tưới cây (0,4 m <sup>3</sup> /ngày)

#### d. Nhu cầu sử dụng hoá chất

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

Nhà máy sử dụng các loại hoá chất để tiến hành xét nghiệm các thông số cơ bản của dầu gốc trước khi nhập và dầu thành phẩm trước khi đóng gói tại phòng thí nghiệm của Nhà máy. Việc xét nghiệm sản phẩm được tiến hành theo từng ca sản xuất với khối lượng hoá chất sử dụng như sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng một số loại hoá chất phục vụ xét nghiệm

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần		Nhu cầu sử dụng tối đa (L/năm)
		Tên hóa chất	Mã CAS	
1	Acetic Acid Glacial 100%	Acetic Acid	64-19-7	5
2	Acetone	Acetone	67-64-1	10
3	Calcium Sulfate Dihydrate	Calcium Sulfate Dihydrate	10101-41-4	0.01
4	Ethanol 100%	Ethanol 100%	64-17-5	25
5	Ethylene Glycol	Ethylene Glycol	111-55-7	1
6	Hydrochloric Acid 37%	Hydrochloric Acid	7647-01-0	1
7	Iso Propyl Alcohol	Iso Propyl Alcohol	78-83-1	7.5
8	Lithium Chloride	Lithium Chloride	7447-41-8	0.5
9	n-Pentane	n-Pentane	109-66-0	20
10	n-Heptane	n-Heptane	142-82-5	20
11	Perchloric Acid 0.1 N in Glacial Acid Acetic	Perchloric Acid	7601-90-3	2
		Acetic Acid	64-19-7	
12	Buffer Solution pH 4.00	Sodium acetate anhydrous	127-09-3	1
		Acetic Acid	64-19-7	
		Water	7732-18-5	
13	Buffer Solution pH 7.00	Propyl Paraben	94-13-3	1
		Methyl paraben	99-76-3	
		Brilliant Yellow	11/4/3051	
		Potassium Phosphate monobasic	7778-77-0	
		Sodium Hydroxide	1310-73-2	
		Water	7732-18-5	
14	Buffer Solution pH 10.00	Alphazurine A	3486-30-4	1
		Sodium borate	1303-96-4	
		Sodium hydroxide	1310-73-2	
		Water	7732-18-5	
15	Potassium Hydroxide 0.1 N in isopropanol	Isopropanol	67-63-0	5
		Potassium hydroxide	1310-58-3	
16	Toluene	Toluene	108-88-3	25

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần		Nhu cầu sử dụng tối đa (L/năm)
		Tên hóa chất	Mã CAS	
17	Xylene ( mixed o, m, p )	Xylene ( mixed o, m, p )	1330-20-7	30
18	Cloroform	Cloroform	108-90-7	1
19	Petroleum Spirit (S97)	n-Hexane,	110-54-3	840
		Cyclohexane,	110-82-7	
		Heptane	142-82-5	
		Methylcyclohexane	108-87-2	
20	White Spirit	Naphtha (petroleum), hydrodesulphurised heavy	64742-82-1	420
21	Argon	Argon	7440-37-1	150 bình loại 150bar

**Ghi chú:****\* Axit Acetic ( $CH_3COOH$ )**

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, vị chua, mùi hăng, hòa tan vô hạn trong nước; khối lượng riêng 1,27 g/l; điểm sôi 118°C; điểm bùng cháy 43°C.

- Đặc điểm nguy hiểm: Dễ cháy; hít phải gây kích ứng mũi, cổ họng và phổi dẫn đến khó thở; nuốt phải gây ăn mòn đường tiêu hóa, dẫn đến nôn mửa, tiêu chảy, trụy tuần hoàn, suy thận; gây tổn thương da ở mức đau tấy và mụn nước.

**\* Acetone ( $(CH_3)_2CO$ )**

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng không màu, trong suốt, mùi hăng nồng; áp suất hoá hơi 186 mmHg; tỷ trọng hơi 2; khối lượng riêng 0,79 mg/l; điểm sôi 62°C; tỷ lệ hoá hơi 11,6 ; điểm bùng cháy -18°C; nhiệt độ tự cháy 560°C.

- Đặc điểm nguy hiểm: Rất dễ cháy; tiếp xúc thường xuyên hoặc lâu dài có thể gây khô da, viêm da; gây kích ứng và các tổn thương cho mắt; gây kích ứng đường hô hấp như đau đầu, chóng mặt, sưng phổi hoặc viêm phổi.

**\* Calcium Sulfate Dihydrate**

- Đặc tính lý hoá: Là chất rắn, màu trắng, khối lượng riêng 2.96g/cm<sup>3</sup>, nhiệt độ nóng chảy 1460°C.

- Đặc điểm nguy hiểm: Không độc hại, gây kích ứng khi tiếp xúc với da, mắt.

**\* Ethanol ( $C_2H_5OH$ )**

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, mùi thơm, hòa tan vô hạn trong nước; khối lượng riêng 0,79 g/l; điểm sôi 78,3°C; dễ bay hơi; dễ cháy.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

- Đặc điểm nguy hiểm: Không phải là chất có độc tính cao, nhưng có thể gây say khi nồng độ trong máu đạt tới 0,1%, gây hôn mê khi nồng độ trong máu đạt tới 0,3%, gây tử vong khi nồng độ trong máu đạt tới 0,4% .

\* *Ethylene glycol* (( $CH_2OH$ )<sub>2</sub>)

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, không mùi, không hòa tan trong nước; khối lượng riêng 1,11 g/l; điểm sôi 197,3°C; không gây cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính vừa phải, đối với con người (đường tiếp xúc miệng) LD = 786 mg/kg, ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương, sau đó là tim, và cuối cùng là thận.

\* *Hydrochloric Acid* (HCl)

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, trong suốt, tan vô hạn trong nước, khối lượng riêng 1,18 g/cm<sup>3</sup>, điểm sôi tại 48 °C với nồng độ 38%.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính, gây ăn mòn mạnh, gây nguy hiểm cho môi trường, gây tổn thương, ăn mòn da, mắt nếu tiếp xúc, gây ho rát, tức ngực, khó thở nếu hít phải; gây đau bụng, nôn mửa nếu nuốt phải.

\* *Iso Propyl Alcohol* (( $CH_3$ )<sub>2</sub>CHOH)

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, hòa tan vô hạn trong nước; nhiệt độ sôi 82°C, dễ cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc, dễ cháy nên cần tránh xa nguồn lửa.

\* *Lithium Chloride* (LiCl)

- Đặc tính lý hoá: Là chất rắn, màu trắng, khối lượng riêng 2.03 g/cm<sup>3</sup>.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe nếu nuốt phải, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc.

\* *n-pentan* ( $CH_3(CH_2)_2CH_3$ )

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, nhiệt độ tự cháy 285°C, dễ cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe nếu nuốt phải, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc.

\* *n-heptan* ( $C_7H_{16}$ )

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, không tan trong nước, dễ cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe nếu nuốt phải, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc.

\* *n-heptan* ( $C_7H_{16}$ )

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, không tan trong nước, dễ cháy nổ.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe nếu nuốt phải, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc.

\* *Dung dịch pH4, pH7, pH10*

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, tan trong nước.

- Đặc điểm nguy hiểm: Có độc tính gây ảnh hưởng tới sức khỏe nếu nuốt phải, gây kích ứng nghiêm trọng tới da, mắt nếu tiếp xúc.

\* *Kali hydroxit (KOH)*

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, không mùi, hòa tan vô hạn trong nước; độ pH  $\geq 14$ ; khối lượng riêng 1,36 g/l; điểm sôi 117°C; không gây cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Gây ngứa rát da nếu tiếp xúc nồng độ thấp, gây bỏng, ăn mòn da nếu tiếp xúc nồng độ cao; gây sưng tấy, bỏng rát mắt dẫn đến mù lòa nếu bắn phải; gây ho rát, tức ngực, khó thở nếu hít phải; gây đau bụng, nôn mửa nếu nuốt phải.

\* *Toluen (C<sub>7</sub>H<sub>8</sub>)*

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng không màu, trong suốt, có mùi thơm; áp suất hoá hơi là 47 mmHg, tỷ trọng hơi 3,2; khối lượng riêng 0,87 g/l; điểm sôi 110 °C; tỷ lệ hoá hơi 2,24; điểm bùng cháy 7°C; nhiệt độ tự cháy 552°C.

- Đặc tính nguy hiểm: Rất dễ cháy, có thể bay hơi tạo thành hỗn hợp nổ; tiếp xúc thường xuyên hoặc lâu dài có thể bị kích thích và viêm da; có thể gây kích thích nhưng không ảnh hưởng đến màng mắt; gây kích thích cơ quan hô hấp, ảnh hưởng đến hệ thần kinh như đau đầu, chóng mặt; nuốt phải có thể gây viêm phổi hoặc tử vong.

\* *Xylen (C<sub>8</sub>H<sub>10</sub>)*

- Đặc tính lý hoá: Dạng lỏng không màu trong suốt, mùi thơm, khối lượng riêng 0,88 g/l; tỷ trọng hơi 3,7; điểm sôi 139°C; tỷ lệ hoá hơi 0,8; điểm bùng cháy 27°C; nhiệt độ tự cháy 500°C.

- Đặc tính nguy hiểm: Rất dễ cháy, có thể bay hơi tạo thành hỗn hợp nổ; gây dị ứng mạnh với da và mắt; hơi có thể được hấp thụ bị động và gây ra các tác động dây chuyền ảnh hưởng đến gan, thận và hệ thần kinh.

\* *Cloroform (CHCl<sub>3</sub>)*

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng không màu, trong suốt, có mùi thơm.

- Đặc tính nguy hiểm: Có hại nếu nuốt phải, gây kích ứng da, kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây ung thư, gây tổn thương cho các cơ quan nếu tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại nếu nuốt phải.

\* *Axit Pecloric (HClO<sub>4</sub>)*

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, không màu, có khả năng ôxy hoá mạnh, khối lượng riêng 1,67 g/l; điểm sôi 203°C.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Đặc điểm nguy hiểm: Kết hợp với các chất dễ bắt lửa gây cháy hoặc tạo thành các muối gây nổ; gây tổn thương, ăn mòn da, mắt nếu tiếp xúc; gây ho rát, tức ngực, khó thở nếu hít phải; gây đau bụng, nôn mửa nếu nuốt phải.

\* Dầu hỏa (*Petroleum Spirit (S97)*)

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, có mùi hắc.

- Đặc điểm nguy hiểm: Gây kích ứng nhẹ đối với hệ thống hô hấp. Hơi sản phẩm có thể gây choáng váng, xây xẩm. Tiếp xúc lâu có thể làm da khô và nứt, gây tổn hại tới hệ cơ quan và hô hấp.

\* Xăng trắng (*White Spirit*)

- Đặc tính lý hoá: Là chất lỏng, có mùi hắc, gây cháy nổ.

- Đặc điểm nguy hiểm: Hơi và chất lỏng dễ cháy, có thể chết nếu nuốt phải hoặc hít phải. Có thể gây ung thư, gây tổn thương tới các cơ quan.

\* Khí Argon (*Ar*)

- Đặc tính lý hoá: Là khí không màu, không mùi, tan trong nước; khối lượng riêng 1,78 g/l (điều kiện chuẩn).

- Đặc điểm nguy hiểm: Là khí trơ, không gây độc và không gây cháy. Gây ngạt và nguy cơ nổ ở áp suất cao.

### 1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

#### 1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở hoạt động trên khu đất có tổng diện tích là **29.972 m<sup>2</sup>**. Các hạng mục công trình hiện trạng của Cơ sở như sau:

Bảng 1.5. Hiện trạng sử dụng đất của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Quy định KCN (%)
1	Đất xây dựng công trình	9.823,7	32,8	≤ 60
2	Đất giao thông, sân bãi	13.466,3	44,9	-
3	Đất cây xanh, thảm cỏ	6.682,0	22,3	≥ 20
<b>Tổng</b>		<b>29.972</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình khi dự án được triển khai thực hiện

TT	Tên công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Năm xây dựng, cải tạo
<b>I</b>	<b>Hạng mục công trình chính</b>		
1	Khu bồn chứa nguyên liệu (dầu gốc và phụ gia)	3.926,0	2017

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Năm xây dựng, cải tạo</b>
2	Xưởng sản xuất	1.330,0	2017
3	Trạm bơm dầu gốc	52,0	2017
4	Trạm bơm phụ gia và trạm nhập nguyên liệu (dầu gốc và phụ gia)	524,0	2017
5	Nhà pha chế	624,0	2017
6	Nhà văn phòng	551,5	2017
7	Kho thành phẩm	1.255,0	2017
8	Kho bao bì	350,0	2017
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>		
9	Phòng bảo dưỡng thiết bị	80,0	1999
10	Phòng thí nghiệm	173,0	1999
11	Phòng máy nén khí	28,0	1999
12	Phòng điện	20,0	1999
13	Trạm biến áp	24,0	1999
14	Trạm bơm cứu hoả	408,0	1999
15	Khu bồn DO (dung tích 7,0 m <sup>3</sup> )	27,5	1999
16	Nhà sấy phụ gia	64,0	1999
17	Nhà bảo vệ	14,0	2013
18	Nhà xe	36,0	1999
19	Nhà chờ	10,0	1999
20	Nhà bếp, nhà ăn	87,5	1999
21	Nhà vệ sinh	86,0	1999
<b>III</b>	<b>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</b>		
22	Bể tách dầu 35 m <sup>3</sup> /giờ	30,0	2018
23	Bể tách dầu X701 30 m <sup>3</sup> /giờ	15,0	1999
24	Bể tự hoại	15,0	2018
25	Bể tách dầu mỡ	3,0	2018
26	Bể khử trùng	3,0	2018
27	Ga chứa chất thải rắn sinh hoạt	9,6	2019
28	Ga chứa chất thải rắn công nghiệp	9,6	2019

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

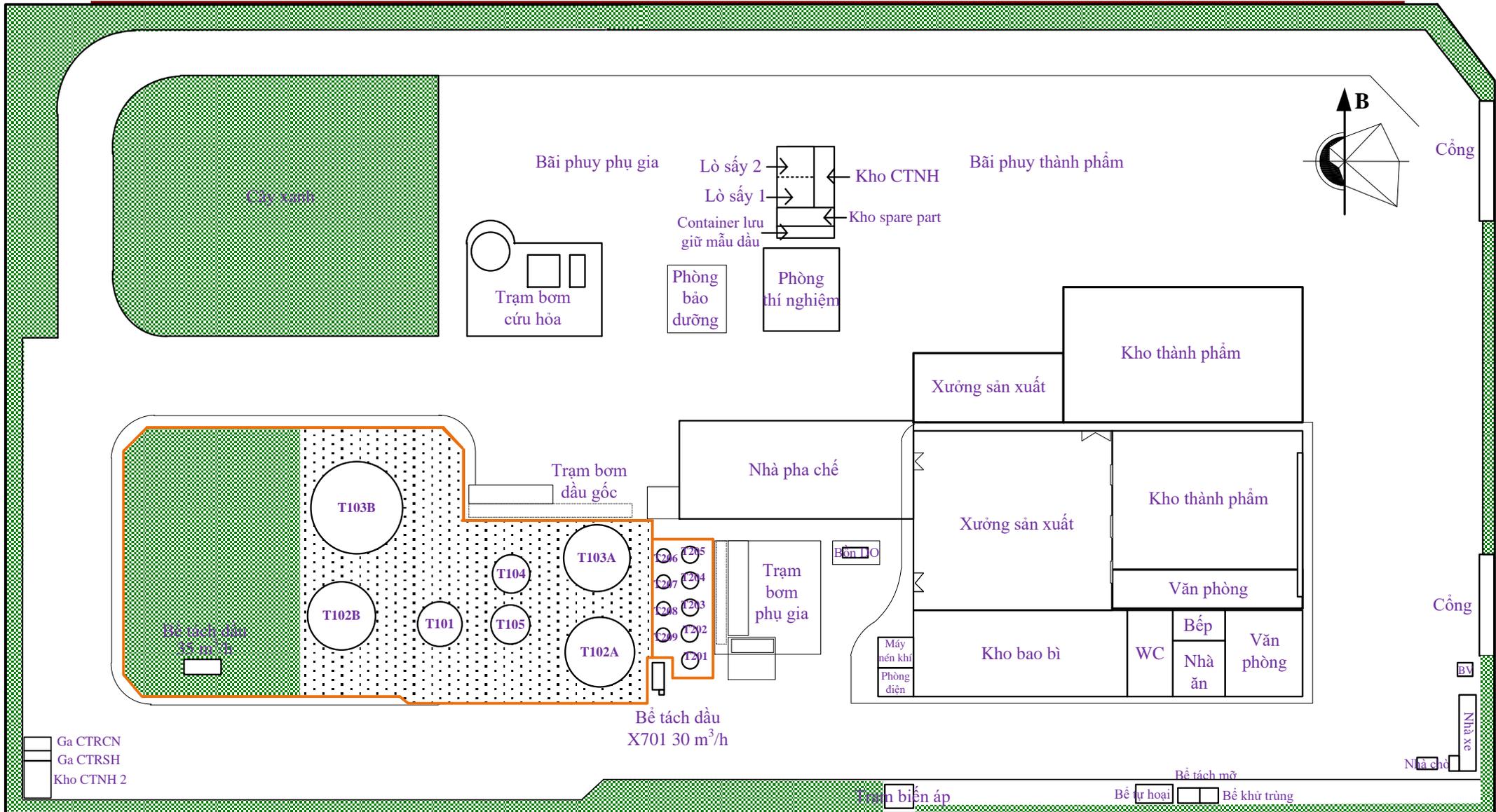
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Năm xây dựng, cải tạo</b>
29	Kho chứa chất thải nguy hại 1	24,0	1999
30	Kho chứa chất thải nguy hại 2	44,0	2019
<b>Tổng</b>		<b>9.823,7</b>	<b>-</b>

Sơ đồ tổng mặt bằng các hạng mục công trình hiện trạng của Cơ sở như sau:

# BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam



Hình 1.7. Bản vẽ tổng mặt bằng các hạng mục công trình của Nhà máy

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

### 1.5.2. Danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện

Danh mục các máy móc, thiết bị, phương tiện chính phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cơ sở như sau:

Hình 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị, phương tiện chính

TT	Tên máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Số lượng	Năm lắp đặt	Tình trạng	Công suất sử dụng
1	Dàn đóng gói can tự động 0,8 - 1 lít (20 đầu vòi)	Singapore	01	2018	80%	55%
2	Dàn đóng gói can tự động 4 – 6 lít (5 đầu vòi)	Singapore	01	2018	80%	55%
3	Dàn đóng gói can tự động 18 – 25 lít (4 đầu vòi)	Singapore	01	2018	80%	55%
4	Dàn đóng gói bán tự động phuy 200 lít (2 đầu vòi)	Singapore	01	2021	90%	55%
5	Dàn đóng gói bán tự động phuy IBC	Singapore	01	2021	90%	10%
6	Máy bơm dầu gốc	EU	10	2012, 2018	80%	55%
7	Máy bơm phụ gia	EU	08	2012, 2018	80%	55%
8	Máy bơm thành phẩm	EU	03	2012, 2018	80%	55%
9	Máy bơm đóng gói	EU	10	2012, 2018	80%	55%
10	Máy khuấy bồn phụ gia & bồn pha chế	EU	12	2012, 2018	80%	55%
11	Máy nén khí (công suất 75 kW)	EU	02	2020	90%	50%
12	Thiết bị gia nhiệt dầu nóng (công suất 986 kW)	EU	01	2023	100%	Không thường xuyên
13	Van an toàn PRV	EU	37	2012, 2018	80%	-
14	Van tự động on/off	EU	27	2018	80%	-
15	Xe nâng	Hàn Quốc, Nhật Bản	10	2012, 2018, 2022	90%	50%

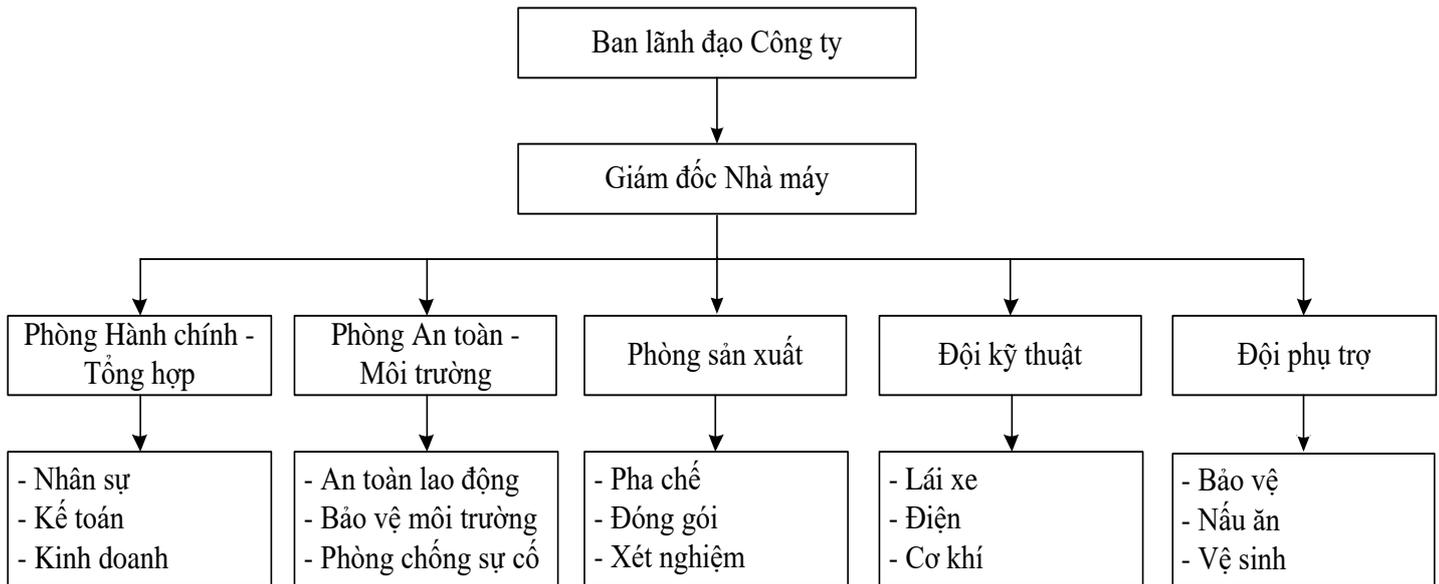
(Nguồn: Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam, năm 2024)

### 1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành cơ sở

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam là đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành Cơ sở. Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở là 60 người. Cơ sở tổ chức làm việc 08 giờ/ca, 26 ngày/tháng và có bố trí ăn trưa cho các cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở. Sơ đồ bộ máy quản lý của Cơ sở như sau:

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam



Hình 1.9. Sơ đồ bộ máy quản lý của Cơ sở

Ngoài ra, Công ty đã bổ nhiệm 01 cán bộ có trình độ chuyên môn phù hợp phụ trách công tác bảo vệ môi trường của Cơ sở và báo cáo kịp thời lên lãnh đạo cấp trên.

### 1.5.4. Lý do lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

“Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 14/3/2019.

Căn cứ khoản 2 Điều 39 và khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng, “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường và thẩm quyền thẩm định, cấp phép là Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/12/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của UBND thành phố Hải Phòng, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ trình Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng xem xét, cấp phép.

## CHƯƠNG II.

### SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

#### 2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

##### 2.1.1. Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, có mục tiêu tổng quát là: “Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước”. Theo đó, trong quá trình vận hành Nhà máy, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam phải nghiêm túc thực hiện việc quản lý, thu gom, xử lý nước thải, bụi khí thải; phân định, phân loại, lưu giữ, chuyển giao các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

##### 2.1.2. Quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

*\* Đối với thành phố Hải Phòng*

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, Cơ sở nằm trong vành đai phát triển công nghiệp, dịch vụ từ cảng Lạch Huyện đến phía Bắc (huyện Thủy Nguyên).

*\* Đối với Khu công nghiệp Đình Vũ*

- Khu công nghiệp Đình Vũ - Giai đoạn I có diện tích là 164 ha đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường tại Quyết định số 97/QĐ-STNMT ngày 01/9/2009. Khu công nghiệp Đình Vũ - Giai đoạn II có diện tích là 377,46 ha đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 537/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2009; cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 81/GXN-TCMT ngày 20/7/2015; cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2842/GP-BTNMT ngày 05/11/2015. Do vậy, Khu công nghiệp Đình Vũ đã đáp ứng được các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường cho việc hoạt động của các dự án, cơ sở.

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- UBND thành phố Hải Phòng đã ban hành Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 20/01/2012 của về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Đình Vũ – Giai đoạn 2. Theo đó, lô F4 được quy hoạch là đất công nghiệp hoá chất, hoá dầu, công nghiệp liên quan đến cảng hàng lỏng, như vậy là phù hợp với loại hình sản xuất, kinh doanh của Cơ sở.

### **2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.2.1. Yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Cơ sở nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ, xung quanh không có khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử - văn hoá, khu danh lam thắng cảnh, khu dân cư tập trung... và không có nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Cơ sở không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ). Do đó, Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### **2.2.2. Khả năng chịu tải của môi trường**

- Theo Báo cáo hiện trạng môi trường thành phố Hải Phòng năm 2023 do Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện, các kết quả quan trắc hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực Khu công nghiệp Đình Vũ đều đạt Quy chuẩn cho phép. Như vậy, môi trường tại khu vực hoạt động của Cơ sở hiện chưa có dấu hiệu ô nhiễm, còn có khả năng chịu tải.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của Cơ sở (lớn nhất là khoảng 5,4 m<sup>3</sup>/ngày) sẽ được thu gom, xử lý đạt yêu cầu của KCN Đình Vũ, sau đó xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ có công suất là 6.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Khối lượng nước thải thực tế hiện nay được thu gom về hệ thống xử lý tập trung của KCN Đình Vũ trung bình là khoảng 2.250 m<sup>3</sup>/ngày. Do đó, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Vũ còn đủ khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ Cơ sở.

- Cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh với tổng lưu lượng nguồn thải là < 20.000 m<sup>3</sup>/giờ và nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An. Do vậy, để đảm bảo khả năng chịu tải của môi trường, Cơ sở phải thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,6).

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

### CHƯƠNG III.

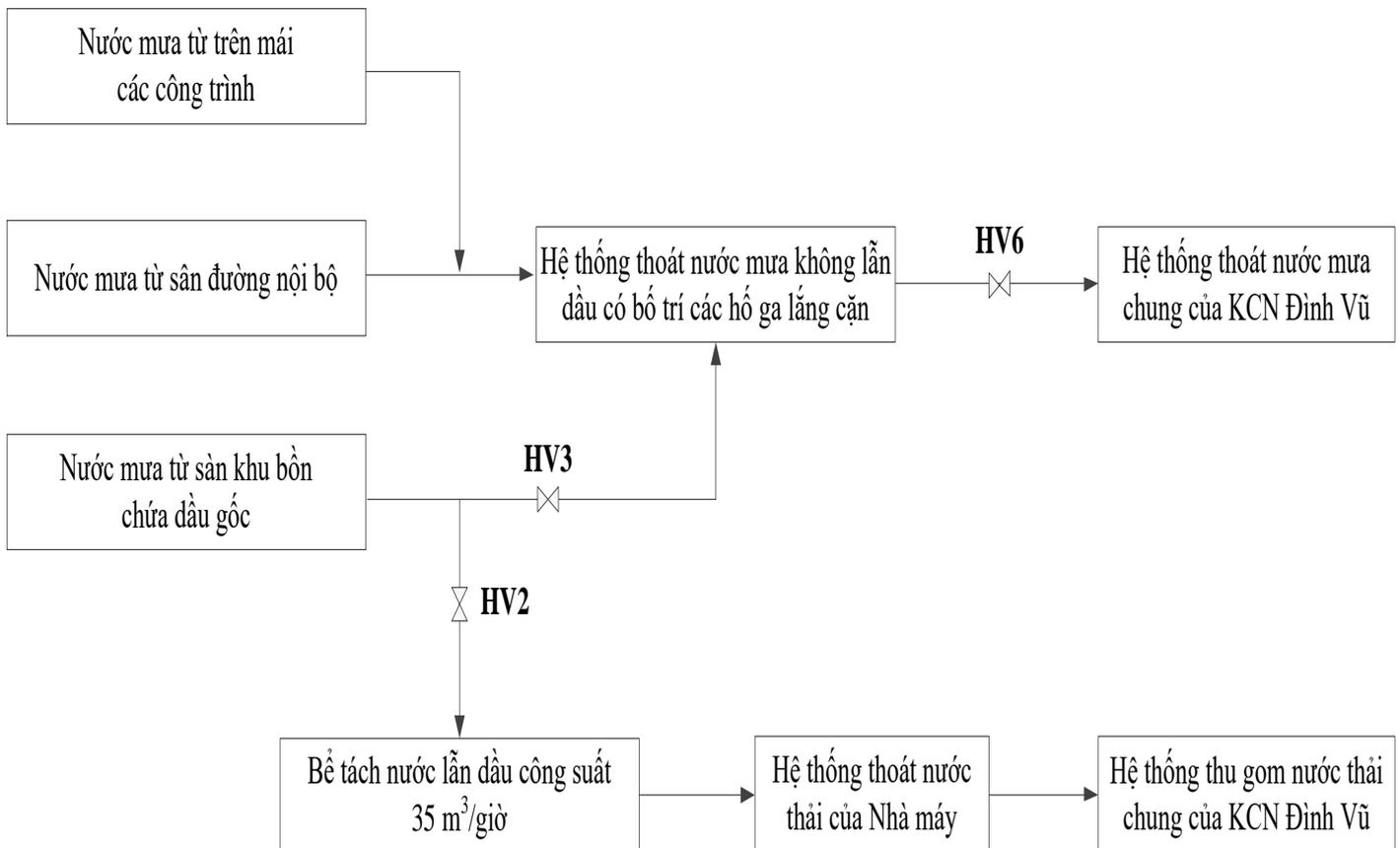
## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 3.1.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa

##### a. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Nhà máy trong quá trình vận hành có làm phát sinh nước mưa không lẫn dầu và nước mưa lẫn dầu. Trong đó, nước mưa lẫn dầu được quản lý như nước thải. Công trình thu gom, thoát nước mưa không lẫn dầu của Nhà máy như sau:

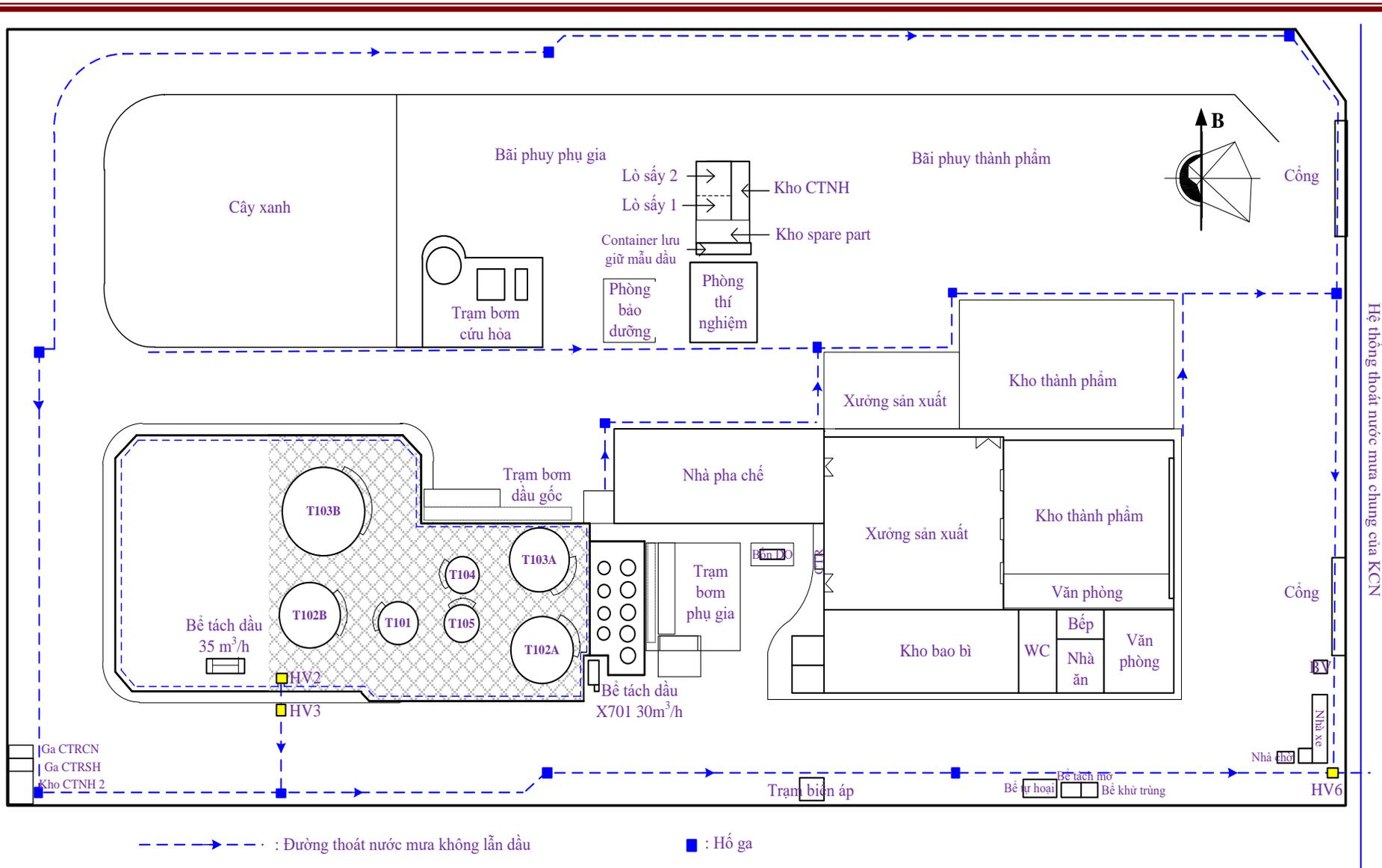


Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Cơ sở

- Đối với nước mưa từ trên mái các công trình tự chảy về các phễu thu rồi vào đường ống đứng PVC D110 chảy xuống dưới cùng với nước mưa từ khu vực đường giao thông, sân bãi nội bộ không có nguy cơ bị lẫn dầu. Toàn bộ lượng nước mưa không lẫn dầu này sẽ được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước mưa không lẫn dầu BTXM B300 và B600 bố trí bao quanh Nhà máy. Trên hệ thống rãnh thoát nước mưa bố trí các hố ga (kích thước 0,6x0,8x1,0 m) để lắng cặn, cuối cùng chảy vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Đình Vũ.

### BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của Cơ sở

- Đối với nước mưa từ sàn khu bồn chứa dầu gốc được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300, bố trí hồ van chặn HV2 nằm trong đê bao và hồ van chặn HV3 nằm ngoài đê bao. Trong trường hợp không xảy ra sự cố tràn dầu làm dầu tràn đổ xuống sàn khu bồn chứa dầu gốc thì HV2 sẽ đóng và HV3 sẽ mở để nước mưa trong khu đê bao được xả thẳng vào hệ thống thoát nước mưa không lẫn dầu của Nhà máy. Ngược lại, trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu (chủ yếu là do sự cố đổ vỡ bồn chứa dầu) thì HV3 sẽ đóng và HV2 sẽ mở để nước mưa trong khu đê bao chảy vào bể tách nước lẫn dầu công suất 35m<sup>3</sup>/ngày và được xử lý trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải của Nhà máy.

- Hệ thống thoát nước mưa tràn mặt của Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Đình Vũ qua hồ van chặn HV6 để phòng trường hợp khi có sự cố tràn dầu xảy ra tại khu vực sân đường nội bộ của Nhà máy làm dầu chảy tràn xuống hệ thống thoát nước mưa (như các phương tiện vận chuyển bị lật đổ, các thùng đựng dầu bị bục vỡ, hệ thống đường ống công nghệ bị nứt vỡ,...). Khi đó sẽ lập tức đóng van HV6, tiến hành thu gom dầu tràn và sử dụng bơm di động để bơm lượng nước nhiễm dầu phát sinh về bể tách nước lẫn dầu để xử lý.

#### ***b. Biện pháp kiểm soát ô nhiễm do nước mưa***

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời khắc phục khi có sự cố hệ thống đường ống thu thoát nước mưa và các hồ ga, hồ van.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, định kỳ nạo hút bùn cặn của hệ thống đường ống thu thoát nước mưa và các hồ ga, hồ van.

- Kiểm soát nguyên nhiên vật liệu và các chất thải phát sinh, đảm bảo không để nguyên nhiên vật liệu và các chất thải phát tán ra sân đường, nền bãi.

### **3.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải**

#### ***a. Nguồn và lượng nước thải phát sinh***

##### ***\* Nguồn phát sinh nước thải***

Các nguồn phát sinh nước thải tại Nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ: (1) Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ, công nhân viên tại khu nhà vệ sinh và (2) hoạt động nấu ăn tại khu nhà bếp.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ: (1) Nước mưa lẫn dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc, sàn khu bồn chứa dầu gốc, sàn khu bồn chứa phụ gia, sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia, sàn khu cụm van nhập nguyên liệu; (2) Nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc, khu bồn chứa phụ gia.

- Nước thải phát sinh từ: (1) phòng thí nghiệm lẫn dầu, nhiều loại hóa chất và xăng rửa dụng cụ thí nghiệm có tính chất nguy hại được quản lý như chất thải nguy hại khác; (2) nước thải lẫn xăng từ việc tráng rửa dụng cụ.

*\* Lượng nước thải phát sinh*

- Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Tổng số cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy là khoảng 60 người. Căn cứ vào hoá đơn thu tiền nước hàng tháng, lượng nước sử dụng hiện tại của Nhà máy trung bình là khoảng 164 m<sup>3</sup>/tháng (tương đương 5,4 m<sup>3</sup>/ngày). Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, lượng nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp cho sinh hoạt. Do đó, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ Nhà máy xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ là khoảng 5,4 m<sup>3</sup>/ngày x 100% = 5,4 m<sup>3</sup>/ngày.

- Lượng nước thải công nghiệp phát sinh: Lượng nước mưa lẫn dầu và nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu phụ thuộc vào cường độ mưa, mức độ sự cố tràn dầu và mức độ sự cố cháy nổ xảy ra. Tuy nhiên, nước mưa lẫn dầu và nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu có phát sinh sẽ được lưu chứa tạm thời trong đê bao chống tràn của các khu bồn chứa và được điều tiết lưu lượng bằng van chặn tại các hố van để đưa về bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ, bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ và xử lý dần. Do đó, lượng nước thải công nghiệp phát sinh từ Nhà máy xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Vũ được tính theo công suất của 02 bể tách nước lẫn dầu tương đương là 35 m<sup>3</sup>/giờ + 30 m<sup>3</sup>/giờ = 65 m<sup>3</sup>/giờ.

- Lượng nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm: Theo phát sinh thực tế của Nhà máy trung bình là khoảng 10 lít/ngày tương đương 10 kg/ngày được quản lý như chất thải nguy hại khác phát sinh từ Nhà máy. Ngoài ra, phòng thí nghiệm phát sinh nước lẫn xăng từ rửa dụng cụ được thu vào bồn rửa được kết nối đường ống đến bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30m<sup>3</sup>/giờ để xử lý dần.

***b. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải***

Nhà máy đã có hệ thống thu gom nước thải hoàn chỉnh để đưa về các công trình xử lý gồm hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt và hệ thống thu gom nước thải công nghiệp (nước mưa lẫn dầu và nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu). Cụ thể như sau:

*\* Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt*

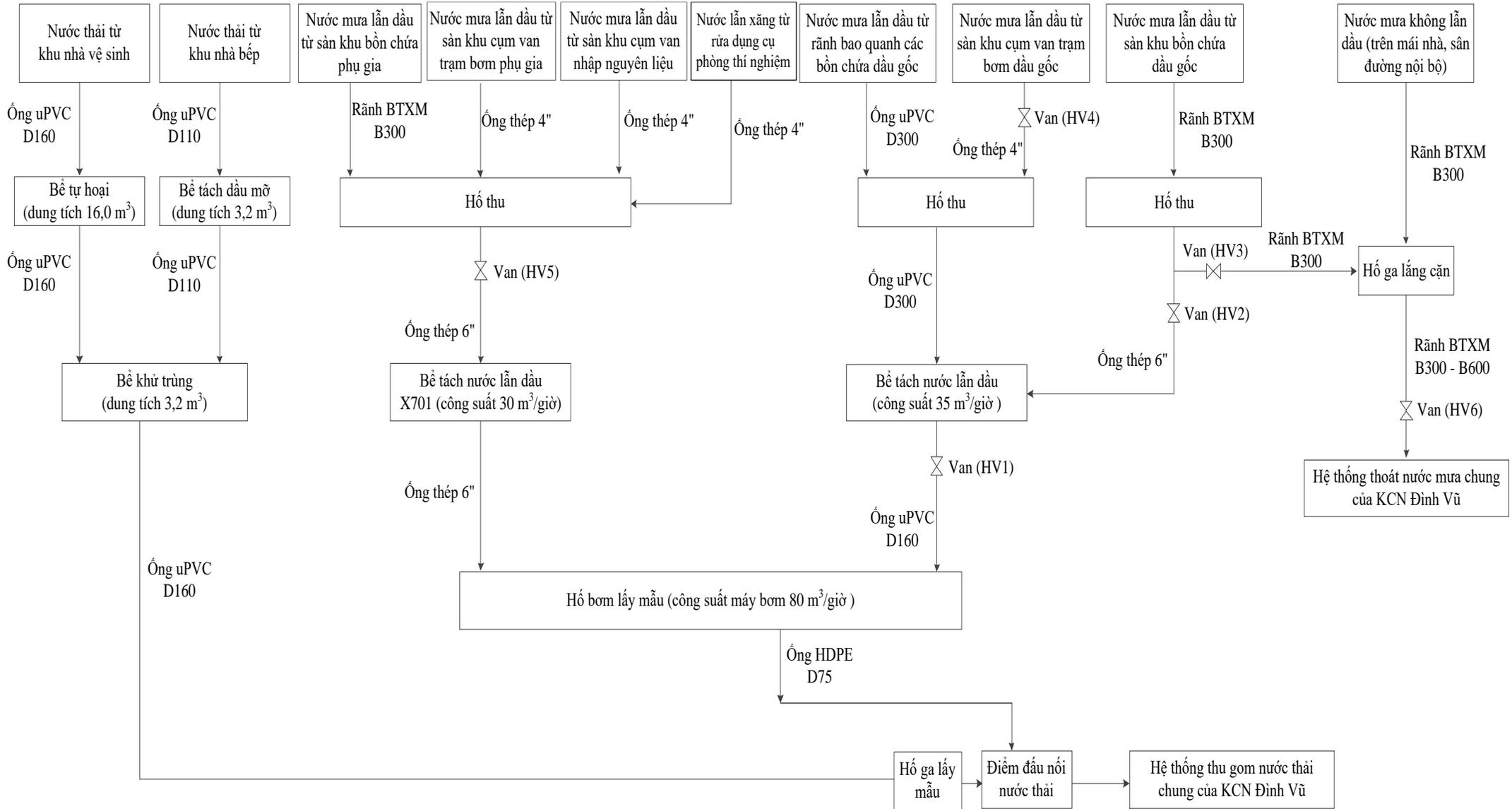
Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh và nước thải từ khu nhà bếp. Trong đó, nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống nhựa uPVC D160 thu gom vào bể tự hoại thể tích 16,0 m<sup>3</sup>; nước thải từ khu nhà bếp theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tách dầu mỡ thể tích 3,2 m<sup>3</sup>.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ tiếp tục được qua bể khử trùng thể tích 3,2 m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó theo đường ống nhựa uPVC D160 chảy về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ

*\* Hệ thống thu gom, thoát nước thải công nghiệp (nước mưa lẫn dầu và nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu)*

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

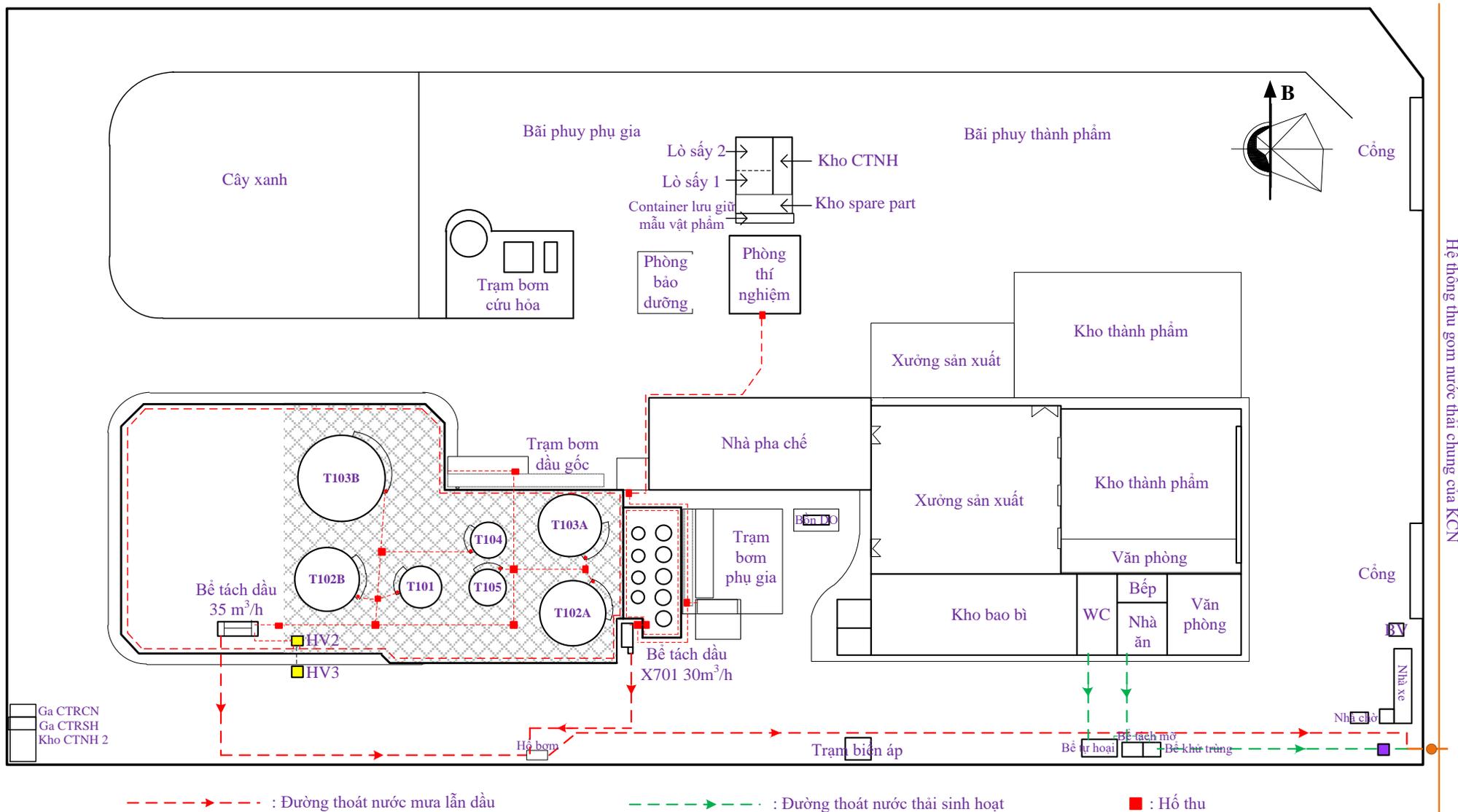
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**



Hình 3.3. Sơ đồ khối hệ thống thu gom và thoát nước thải của Cơ sở

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**



Hình 3.4. Sơ đồ thu gom nước mưa lẫn dầu của Nhà máy

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

- Hệ thống thu gom nước mưa lần đầu: Nước mưa lần đầu bao gồm nước mưa từ (1) rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, (2) sàn khu bồn chứa dầu gốc, (3) sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc, (4) sàn khu bồn chứa phụ gia, (5) sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia và (6) sàn khu cụm van trạm nhập nguyên liệu. Trong đó, nước mưa từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc và sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc theo đường ống nhựa uPVC D300 vào bể tách nước lần đầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ; nước mưa từ sàn khu bồn chứa dầu gốc được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 và được điều tiết bằng van theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lần đầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ; nước mưa từ sàn khu bồn chứa phụ gia được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 cùng với nước mưa từ sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia và sàn khu cụm van trạm nhập nguyên liệu theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lần đầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ. Nước mưa lần đầu sau khi được xử lý qua các bể tách nước lần đầu chảy vào hố bơm nước thải, sau đó được máy bơm (công suất 80 m<sup>3</sup>/giờ) bơm theo đường ống nhựa HDPE D75 về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ.

- Hệ thống thu gom nước tưới mát bồn chứa lần đầu: Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 và được điều tiết bằng van theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lần đầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ (tương tự như thu gom nước mưa lần đầu từ sàn khu bồn chứa dầu gốc). Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa phụ gia được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 và được điều tiết bằng van theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lần đầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ (tương tự như thu gom nước mưa lần đầu từ sàn khu bồn chứa phụ gia).

- Hệ thống thu gom nước thải từ quá trình rửa dụng cụ phòng thí nghiệm bao gồm:

+ Đối với hóa chất, dung môi lần đầu được thu gom vào thùng chứa chất thải nguy hại; các dụng cụ, ống nghiệm được rửa qua xăng để làm sạch hóa chất và được thu gom vào thùng chứa chất thải nguy hại.

+ Đối với nước để làm sạch xăng sau khi rửa các dụng cụ, ống nghiệm được thu gom theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lần đầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ (tương tự như thu gom nước mưa lần đầu từ sàn khu bồn chứa phụ gia).

### 3.1.2. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Các công trình xử lý nước thải của Nhà máy gồm công trình xử lý nước thải sinh hoạt và công trình xử lý nước thải công nghiệp (nước mưa lần đầu và nước tưới mát bồn chứa lần đầu). Cụ thể như sau:

#### a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Các công trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện nay của Nhà máy bao gồm: Bể tự hoại thể tích 16 m<sup>3</sup> xử lý nước thải từ khu nhà vệ sinh; bể tách dầu mỡ thể tích 3,2

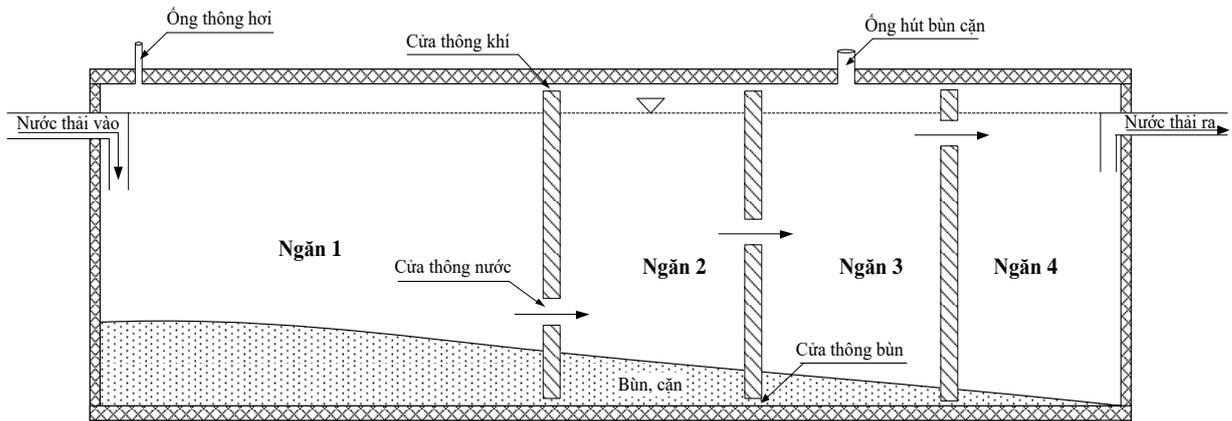
## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

m<sup>3</sup> xử lý nước thải từ khu nhà ăn; bể khử trùng thể tích 3,2 m<sup>3</sup> xử lý nước thải sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ. Cụ thể như sau:

### ❖ Bể tự hoại

- *Cấu tạo:* Bể có kích thước BxLxH = 1,8x8,1x1,1 m (thể tích V = 16,0 m<sup>3</sup>), được chia làm 4 ngăn thông nhau. Bể được xây bằng gạch trát vữa xi măng chống thấm, nắp và đáy bể bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.

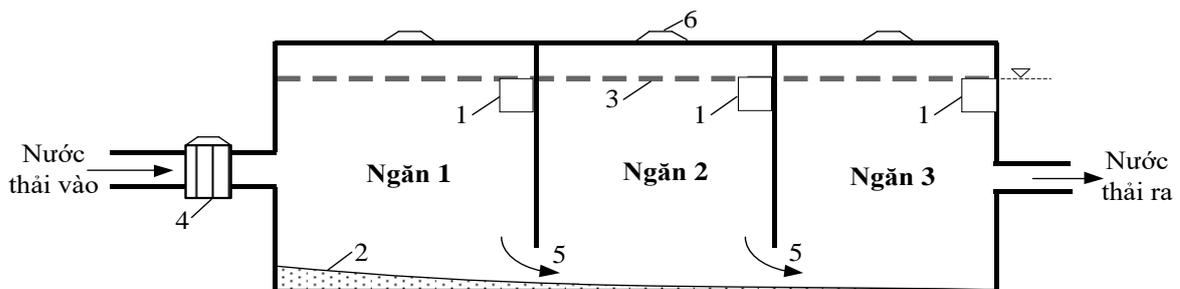


Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

- *Nguyên lý hoạt động:* Nước thải được làm sạch bởi hai quá trình chính lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước thải qua bể rất chậm nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực các cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân huỷ sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân huỷ chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Nước thải sau khi qua bể tự hoại, chảy vào bể khử trùng để tiếp tục được xử lý. Định kỳ (khoảng 06 tháng/lần), Công ty thuê Đơn vị có chức năng đến nạo hút lượng bùn cặn trong bể tự hoại và vận chuyển đi xử lý.

### ❖ Bể tách dầu mỡ

- *Cấu tạo:* Bể có kích thước BxLxH = 1,2x2,2x1,2 m (thể tích V = 3,2 m<sup>3</sup>), được chia làm 3 ngăn thông nhau. Bể được xây bằng gạch trát vữa xi măng chống thấm, nắp và đáy bể bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.



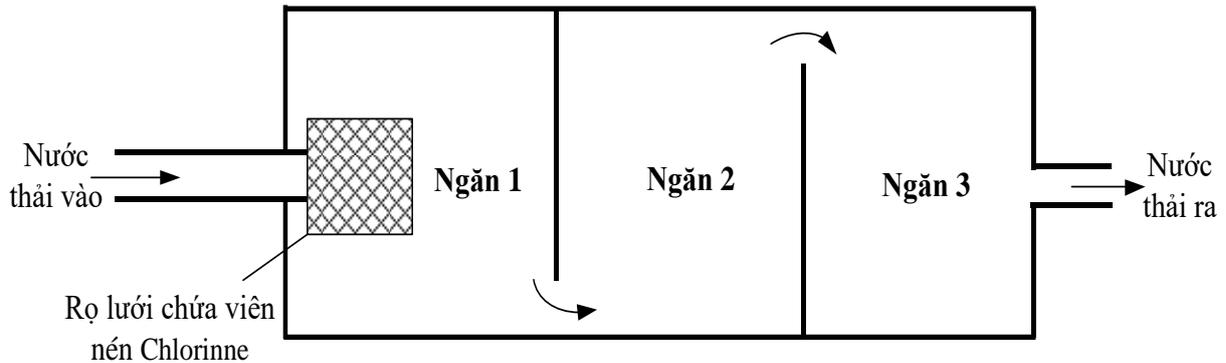
- |                 |                   |
|-----------------|-------------------|
| 1- Máng thu dầu | 4- Ô lọc rác      |
| 2- Cặn lắng     | 5- Cửa thoát nước |
| 3- Váng dầu mỡ  | 6- Nắp đậy        |

Hình 3.6. Sơ đồ cấu tạo bể tách dầu mỡ

- *Nguyên lý hoạt động*: Nước thải lẫn dầu mỡ tràn qua ô lọc rác, chảy vào bể tách dầu mỡ và được lưu trong đó khoảng 1 ngày, để cặn lắng có trong nước thải kịp lắng xuống dưới cũng như váng dầu mỡ kịp nổi lên trên mặt, và nước trong thoát ra ngoài. Để tăng tính hiệu quả, bể tách dầu mỡ được chia làm 3 ngăn thông nhau, nước thải chảy lần lượt qua các ngăn và váng dầu mỡ chảy vào máng thu dầu. Nước thải sau khi qua bể tách dầu mỡ, chảy vào bể khử trùng để tiếp tục được xử lý. Định kỳ 5 ngày/lần, nhân viên phụ trách vệ sinh môi trường của Nhà máy sẽ tiến hành thu gom váng dầu mỡ tại máng thu dầu và quản lý cùng với các chất thải sinh hoạt khác phát sinh tại Nhà máy.

❖ Bể khử trùng

- *Cấu tạo*: Bể có kích thước BxLxH = 1,2x2,2x1,2 m (thể tích V = 3,2 m<sup>3</sup>), được chia làm 3 ngăn thông nhau. Bể được xây bằng gạch trát vữa xi măng chống thấm, nắp và đáy bể bằng bê tông cốt thép đổ tại chỗ.



Hình 3.7. Sơ đồ cấu tạo bể khử trùng

- *Nguyên lý hoạt động*: Nước thải được khử trùng bằng Chlorinne ( $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ ) dạng viên nén tan chậm có trọng lượng 200 gram/viên được đặt trong rọ lưới của bể khử trùng. Để tăng tính hiệu quả, bể khử trùng được chia làm 3 ngăn thông nhau, nước thải sẽ chảy theo hình ziczac làm chất khử trùng trong nước được hoà trộn đều. Nước thải sau khi qua bể khử trùng, theo đường ống nhựa uPVC D160 chảy về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ. Định kỳ 5 ngày/lần, nhân viên phụ trách vệ sinh môi trường của Nhà máy sẽ bổ sung Chlorinne vào trong rọ lưới của bể khử trùng (khối lượng sử dụng khoảng 3,0 kg/tháng).

**b. Công trình xử lý nước thải công nghiệp (nước mưa lẫn dầu và nước tưới mát bồn chứa lẫn dầu)**

Các công trình xử lý nước lẫn dầu hiện nay của Nhà máy bao gồm: Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ và bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ.

❖ Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ

Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ xử lý nước mưa lẫn dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc và sàn khu bồn chứa dầu gốc.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

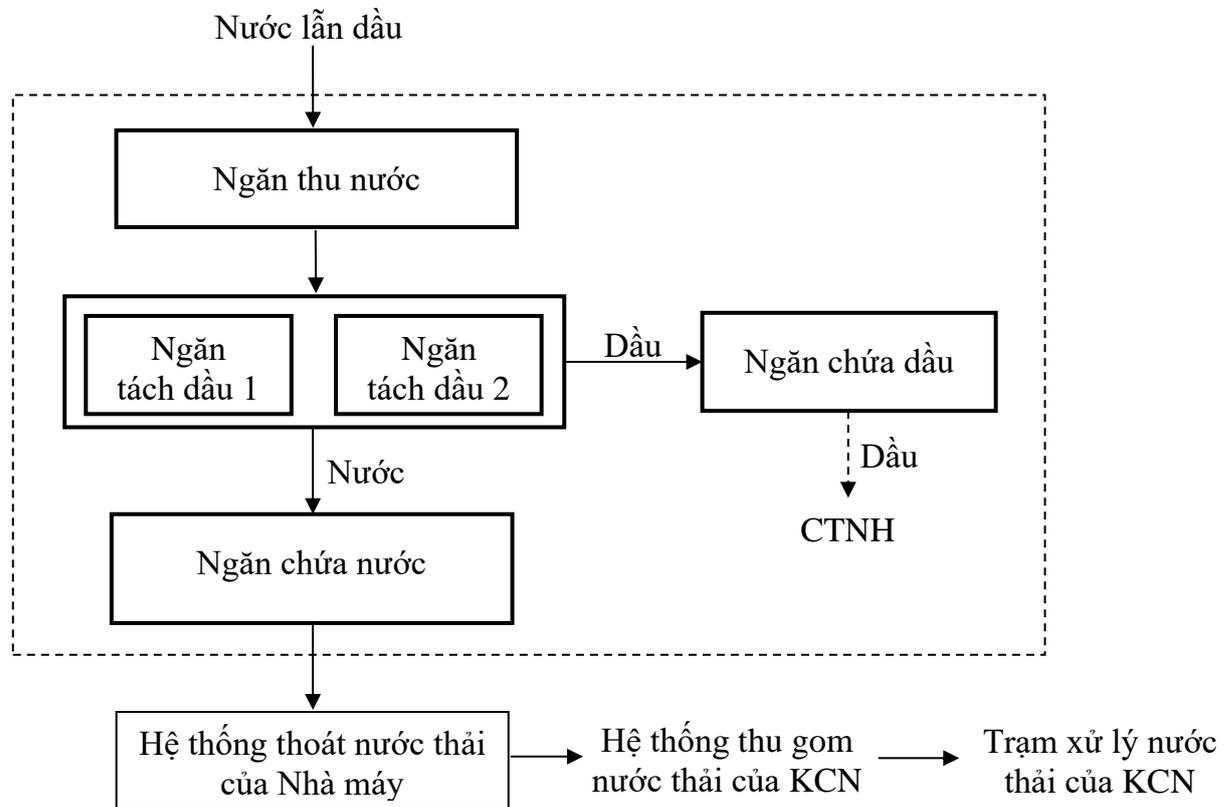
**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

- *Cấu tạo*: Bể có 4 ngăn gồm ngăn thu nước, ngăn tách dầu, ngăn chứa dầu và ngăn xả nước. Bể được xây bằng gạch vữa xi măng, móng đồ BTCT, tường và nền láng xi măng chống thấm.

Bảng 3.1. Kích thước của bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ

STT	Ngăn	Kích thước BxHxL (m)	Thể tích V (m <sup>3</sup> )
1	Ngăn thu nước	3,6x1,2x1,55	6,7
2	Ngăn tách dầu 1	8,2x2,2x3,0	54,1
3	Ngăn tách dầu 2	8,2x2,2x3,0	54,1
4	Ngăn chứa dầu	1,2x1,2x1,65	2,4
5	Ngăn xả nước	4,4x1,2x3,0	15,8

- *Nguyên lý hoạt động*



Hình 3.8. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tách nước lẫn dầu 35 m<sup>3</sup>/giờ

Nước lẫn dầu được thu gom vào ngăn thu nước của bể tách nước lẫn dầu, sau đó chảy vào hai ngăn tách dầu đặt song song. Tại ngăn tách dầu, dưới tác dụng của trọng lực, dầu lẫn trong nước theo chiều dài của bể sẽ nổi lên trên bề mặt và theo máng gom dầu chảy vào ngăn chứa dầu. Nước sau khi được tách dầu chảy vào ngăn chứa nước và theo hệ thống thoát nước của Nhà máy bơm xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Định kỳ 3 tháng/lần, bùn cặn và váng dầu tại bể tách nước lẫn dầu sẽ được nhân viên phụ trách vệ sinh môi trường của Nhà máy thu gom và quản lý cùng với các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

❖ Bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ

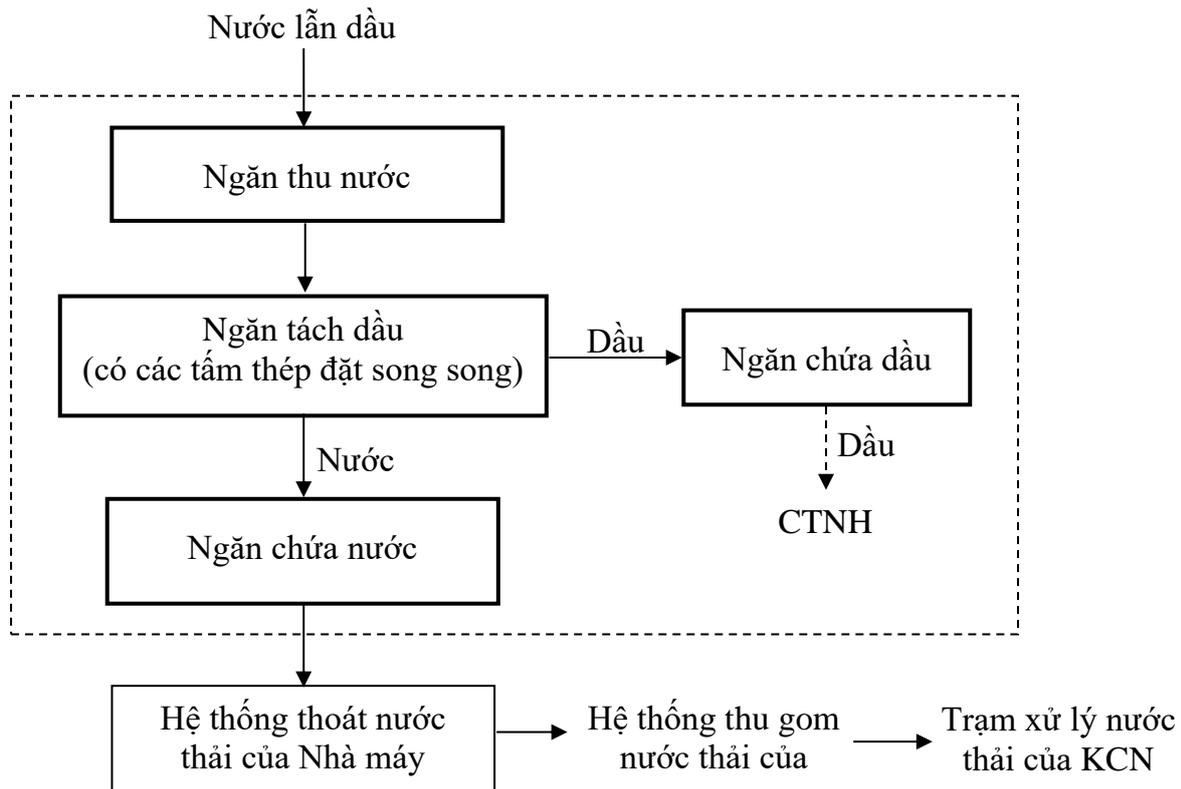
Bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ xử lý nước mưa lẫn dầu từ sản khu bồn chứa phụ gia, sản khu cụm van trạm bơm phụ gia, sản khu cụm van nhập nguyên liệu

- *Cấu tạo*: Bể có 4 ngăn gồm ngăn thu nước, ngăn tách dầu, ngăn chứa dầu và ngăn xả nước. Bể được xây bằng gạch vữa xi măng, móng đổ BTCT, tường và nền láng xi măng chống thấm.

Bảng 3.2. Kích thước của bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ

STT	Ngăn	Kích thước BxHxL (m)	Thể tích V (m <sup>3</sup> )
1	Ngăn thu nước	2,14x0,7x1,6	2,4
2	Ngăn tách dầu	2,14x4,18x3,35	30,0
3	Ngăn chứa dầu	2,53x0,8x1,6	3,2
4	Ngăn xả nước	1,09x1,15x1,5	1,9

- *Nguyên lý hoạt động*



Hình 3.9. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tách nước lẫn dầu X701

Nước lẫn dầu được thu gom vào ngăn thu nước của bể tách nước lẫn dầu, sau đó chảy vào hai ngăn tách dầu đặt song song. Tại ngăn tách dầu có thiết bị tách dầu, cấu tạo gồm những tấm thép mỏng (kích thước 1 x 2 m) có nếp gấp được đặt song song với nhau (cách nhau 20 - 40 cm) và nghiêng góc 45°. Các tấm thép mỏng này có chức năng tạo lộ trình ngăn nhất cho sự tương tác giữa các giọt dầu và có tác dụng liên kết các giọt dầu nhỏ thành các giọt dầu có kích thước lớn hơn, do đó làm các giọt dầu

theo tác dụng của trọng lực dễ dàng nổi lên trên bề mặt hơn. Thiết bị tách dầu này có khả năng tách những giọt dầu có kích thước  $>60\mu\text{m}$ . Dầu lẫn trong nước sẽ nổi lên trên bề mặt sẽ theo máng gom dầu chảy vào ngăn chứa dầu. Nước sau khi được tách dầu chảy vào ngăn chứa nước và theo hệ thống thoát nước của Nhà máy bơm xả vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Định kỳ 3 tháng/lần, bùn cặn và váng dầu tại bể tách nước lẫn dầu sẽ được nhân viên phụ trách vệ sinh môi trường của Nhà máy thu gom và quản lý cùng với các chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

### ***c. Các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải***

Nhà máy tiếp tục thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của nước thải đến nguồn nước tiếp nhận, cụ thể như sau:

- Tại khu vực xây lắp các công trình xử lý nước thải, niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành.
- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của các công trình xử lý nước thải, đảm bảo các công trình xử lý luôn hoạt động tốt nhất.
- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì và kịp thời sửa chữa hệ thống đường ống, các hố ga và các bể xử lý nước thải để tránh bị xuống cấp, hư hỏng.
- Định kỳ vệ sinh hệ thống đường ống, các hố ga; nạo hút bùn cặn tại các bể tự hoại, bể tách nước lẫn dầu; vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ, bể tách nước lẫn dầu.
- Tăng cường công tác vệ sinh công nghiệp, quản lý nguyên nhiên vật liệu sử dụng, chất thải phát sinh và thường xuyên quét dọn sân đường, nền bãi.

## **3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

### **3.2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

Các nguồn phát sinh bụi, khí thải của Cơ sở bao gồm: (1) Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm; (2) Hơi dầu từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu trong bồn chứa; (3) Hơi dầu từ hoạt động pha chế và đóng gói dầu thành phẩm; (4) Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống gia nhiệt dầu nóng; (5) Hơi hoá chất từ hoạt động xét nghiệm nguyên liệu và sản phẩm.

### **3.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Nhà máy hiện đang thực hiện các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải và giảm thiểu tác động của bụi, khí thải đến môi trường như sau:

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu bằng đường thủy*

- Tàu cập và xuất bến phải theo đúng lịch trình của Cảng vụ Hải Phòng và chỉ dẫn của người điều hành cảng.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Tắt các máy móc, thiết bị không cần thiết khi tàu cập cảng để hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Tàu sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp và không có chì.

- Hoạt động bơm dầu gốc từ tàu vào bồn chứa của Nhà máy phải theo đúng quy trình và tiến hành nhanh chóng để tàu sớm rời cảng.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm bằng đường bộ*

- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm phải chở đúng trọng tải quy định, chạy đúng tốc độ và theo hướng dẫn của người điều hành trong Nhà máy.

- Khi vào trong Nhà máy, xe đỗ đúng nơi quy định, tắt máy khi không vận hành để giảm thiểu lượng khí thải sinh ra và lượng nhiên liệu tiêu hao.

- Đối với các phương tiện cá nhân là xe máy phải tắt máy từ công và dắt bộ vào trong khu vực nhà để xe của Nhà máy.

- Thường xuyên vệ sinh đường nội bộ, sân bãi (định kỳ 1 ngày/lần) và sửa chữa các tuyến đường nội bộ ngay khi phát hiện thấy hư hỏng (định kỳ bảo trì là 1 năm/lần).

- Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, định kỳ duy tu, bảo dưỡng, đăng kiểm theo quy định và sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của hơi dầu từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu trong các bồn chứa*

- Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu (dầu gốc, phụ gia) phải được thực hiện trong hệ thống dây chuyền hoàn toàn khép kín, có khả năng tự động hoá cao gồm các máy bơm, đường ống và bồn chứa.

- Kiểm tra hệ thống bơm, đường ống, bồn chứa và các máy móc, thiết bị liên quan khác trước khi tiến hành nhập nguyên liệu.

- Duy trì hoạt động của hệ thống báo tràn tự động và kiểm soát chặt chẽ lượng nguyên liệu trong bồn chứa.

- Duy trì chế độ kiểm tra hàng tuần, bảo dưỡng định kỳ (6 tháng/lần) hệ thống các máy bơm, đường ống, bồn chứa và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Duy trì diện tích cây xanh tại Nhà máy (tối thiểu đạt 20%), trồng bổ sung thêm cây xanh xung quanh khu đất và thay thế các cây xanh già cỗi.

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của hơi dầu từ hoạt động pha chế và đóng gói dầu thành phẩm*

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Hoạt động pha chế và đóng gói dầu thành phẩm phải được thực hiện trong hệ thống dây chuyền hoàn toàn khép kín, có khả năng tự động hoá cao gồm các máy bơm, đường ống, bồn pha chế, bồn chứa và các dàn đóng gói.

- Các máy móc, thiết bị phải được vận hành theo đúng quy trình, hướng dẫn kỹ thuật và tắt máy khi không làm việc;

- Trong quá trình đóng gói phuy, đưa cần xuất hàng gần sát đáy để đảm bảo dầu điền đầy từ dưới lên nhằm giảm hiệu ứng tĩnh điện và giảm bay hơi.

- Duy trì chế độ kiểm tra hàng tuần, bảo dưỡng định kỳ (3 tháng/lần) hệ thống các máy bơm, đường ống, bồn pha chế, bồn chứa, dàn đóng gói và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

- Duy trì hoạt động của các quạt thông gió để không khí trong nhà xưởng được lưu thông trao đổi thường xuyên với bên ngoài.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân viên như quần áo, khẩu trang, kính...

*\* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống gia nhiệt dầu nóng*

- Bộ gia nhiệt phải sử dụng dầu đốt dầu đạt tiêu chuẩn để đảm bảo quá trình đốt cháy nhiên liệu đạt hiệu suất cao.

- Thường xuyên kiểm tra đầu phun dầu nhằm đảm bảo lượng dầu cung cấp vừa đủ, để phản ứng cháy xảy ra hoàn toàn từ đó sẽ giảm được lượng bụi, khí thải sinh ra.

- Sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05% S) và không có chì.

- Duy trì độ cao ống thải khí hiện nay là 16,0 m để đảm bảo không ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

*\* Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động của hơi hoá chất từ hoạt động xét nghiệm nguyên liệu và sản phẩm*

- Tất cả các xét nghiệm có sử dụng hoá chất dễ bay hơi hay phản ứng tạo thành chất dễ bay hơi phải được thực hiện trong tủ hút.

- Trang bị đầy đủ khẩu trang hoạt tính, kính bảo hộ, găng tay cao su và áo choàng.... cho nhân viên hóa nghiệm.

- Duy trì hoạt động của các quạt thông gió để không khí trong phòng thí nghiệm được lưu thông trao đổi thường xuyên với bên ngoài.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Nhân viên hoá nghiệm phải có trình độ chuyên môn phù hợp và hiểu rõ đặc tính của các hoá chất được dùng trong phòng thí nghiệm như tính độc, tính bay hơi, tính cháy.... để tránh xảy ra những sai sót, hậu quả đáng tiếc khi thí nghiệm.

- Trước khi tiến hành xét nghiệm cần chú ý kiểm tra chất lượng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm và hoá chất sử dụng.

- Trong quá trình xét nghiệm đặc biệt phải tuân thủ chặt chẽ các điều kiện đã nêu trong giáo trình, tài liệu, hướng dẫn đã được chuẩn bị trước.

### 3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

#### 3.3.1. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

##### *\* Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường*

Các nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường tại Nhà máy bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường. Cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt (nấu ăn, ăn uống): Lon chai nước, túi nilon, hộp xốp, giấy bọc, thực phẩm thừa, váng dầu mỡ,.....

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất và hoạt động văn phòng:

+ Từ hoạt động sản xuất (công đoạn đóng gói sản phẩm): Gỗ pallet, lõi cuộn băng dính, bì carton, bao bì nilon,.....;

+ Từ hoạt động văn phòng: Ghim kẹp, giấy báo, bao bì tài liệu,....;

- Chất thải rắn thông thường khác phát sinh từ hoạt động xử lý nước thải sinh hoạt: Bùn cặn từ bể tự hoại.

##### *\* Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh*

Căn cứ vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của Nhà máy, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở như sau:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 30 kg/ngày tương đương 0,78 tấn/tháng (9,36 tấn/năm).

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khoảng 97 kg/ngày tương đương 2.910 kg/tháng.

- Khối lượng chất thải rắn thông thường khác (bùn cặn thải từ bể tự hoại): Khoảng 2,8 m<sup>3</sup>/năm tương đương 4,2 tấn/năm (tỷ trọng của bùn cặn thải là 1,5 tấn/m<sup>3</sup>).

#### 3.3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

##### *\* Đối với chất thải rắn sinh hoạt*

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Đã bố trí nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc thu gom, phân loại, tập kết, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.
- Tại mỗi khu nhà ăn, khu nhà bếp bố trí 02 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 50 lít với hai màu khác nhau để quy định chứa chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ.
- Tại mỗi khu nhà pha chế, khu nhà đóng gói và khu nhà văn phòng bố trí 01 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 50 lít.
- Dọc trên sân đường nội bộ, cách khoảng 100 m bố trí 01 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 100 lít.
- Bố trí ga chứa chất thải rắn sinh hoạt được xây bằng gạch có diện tích 9,6 m<sup>2</sup> (kích thước 1,75 m x 5,5 m). Tất cả chất thải rắn sinh hoạt của Nhà máy được thu gom tập trung vào các thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 660 lít đặt các thùng rác để lưu giữ chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.
- Công ty chịu trách nhiệm trả phí dịch vụ vệ sinh cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số DVIZ/SM/CON/22/28 ngày 15/10/2022) để Trung tâm Dịch vụ việc làm Khu kinh tế Hải Phòng đến thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Nhà máy.

### ***\* Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường***

- Đã bố trí nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc thu gom, phân loại, tập kết, chuyển giao chất thải công nghiệp thông thường theo quy định..
- Tại mỗi khu nhà pha chế, khu nhà đóng gói và khu trạm bơm bố trí 01 thùng rác bằng nhựa có nắp đậy loại 200 lít.
- Tất cả chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy được thu gom tập trung vào ga chứa chất thải rắn công nghiệp được xây bằng gạch có diện tích 9,6 m<sup>2</sup> (kích thước 1,75 m x 5,5 m).
- Công ty chịu trách nhiệm trả phí dịch vụ vệ sinh cho Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (theo Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số DVIZ/SM/CON/22/28 ngày 15/10/2022) để Trung tâm Dịch vụ việc làm Khu kinh tế Hải Phòng đến thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Nhà máy.

### ***\* Đối với chất thải rắn thông thường khác***

Bùn cặn thải phát sinh từ bể tự hoại được Công ty định kỳ (khoảng 03 tháng/lần) thuê Đơn vị có chức năng, năng lực (Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng) đến nạo hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

## 3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

---

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

### 3.4.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

*\* Nguồn phát sinh chất thải nguy hại*

Các nguồn phát sinh chất thải nguy hại tại Nhà máy bao gồm:

- Từ hoạt động sản xuất dầu thành phẩm: Bao bì (vỏ phuy, can....) chứa phụ gia và chứa dầu thành phẩm.
- Từ hoạt động xét nghiệm nguyên liệu và sản phẩm: Dung dịch chứa hóa chất, bao bì (vỏ chai, lọ...) đựng hóa chất.
- Từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị: Giẻ lau dính dầu mỡ; bao bì (vỏ can, chai..) đựng dầu bôi trơn; dầu bôi trơn thải; pin thải và ác quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải.
- Từ hoạt động xử lý nước lẫn dầu: Dầu thải, bùn cặn thải.....
- Từ hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, hoá chất: Giẻ lau dính dầu, hoá chất; cát dính dầu, hoá chất và các vật liệu hấp phụ dầu, hoá chất khác.

*\* Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

Căn cứ vào Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện tại của Nhà máy, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy như sau:

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	3,5
2	Pin, ác quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	50
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 013	Đ, ĐS	1,5
4	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	310
5	Bùn cặn thải từ thiết bị tách dầu/nước	Bùn	17 05 02	Đ, ĐS	200
6	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04	Đ, ĐS, C	120
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	97.468
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	6.088
9	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	Đ, ĐS	2.052
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	3.200

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/năm)
	các thành phần nguy hại				
11	Hoá chất, hỗn hợp hoá chất có thành phần nguy hại thải	Lỏng	19 05 02	Đ, ĐS	320
<b>Tổng</b>					<b>109.813</b>

### 3.4.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Hiện tại, Nhà máy đang thực hiện các biện pháp quản lý chất thải nguy hại (CTNH) theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định. Cụ thể như sau:

- Đã phân công nhân viên vệ sinh môi trường phụ trách việc quản lý, phân định, phân loại và chuyển giao CTNH theo quy định.

- Thực hiện việc phân loại CTNH ngay tại nguồn phát sinh. Các CTNH khi phát sinh sẽ được tập kết về kho chứa CTNH và được phân loại vào các thùng chứa riêng biệt. Bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán mã và dấu hiệu cảnh báo CTNH.

- Đã xây dựng 01 kho chứa CTNH có diện tích 44,0 m<sup>2</sup> (kích thước 8,0 m x 5,5 m) để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại phát sinh là các bao bì cứng thải và 01 kho chứa CTNH có diện tích 24,0 m<sup>2</sup> (kích thước 7,6 m x 3,2 m) để lưu chứa tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh còn lại. Kho chứa CTNH theo các yêu cầu kỹ thuật như sau:

+ Kho có tường bằng tôn bao quanh, có mái che kín nắng mưa, nền xi măng chống thấm, có hố thu gom chất thải dạng lỏng bên trong.

+ Bên ngoài kho có cửa ra vào khép kín và có biển báo ghi rõ “Kho lưu giữ chất thải nguy hại” bằng khổ chữ lớn dễ nhận biết.

+ Bên trong kho bố trí các vật liệu hấp phụ (cát khô, tấm thấm,...) và dụng cụ (xô, xẻng,...) để ứng phó trong trường hợp tràn đổ CTNH. Ngoài ra, kho được trang bị các thiết bị PCCC (bình cứu hoả,...) theo quy định.

- Đối với kho chứa chất thải nguy hại thực tế diện tích 44m<sup>2</sup> chỉ lưu chứa vỏ phuy đựng dầu (bao bì kim loại cứng thải). Phát sinh 97.468 kg/năm với tần suất thu gom 1 tháng/lần. Do đó, 01 lần kho lưu chứa khoảng 8.122 kg. Một thùng phuy đựng dầu nặng khoảng 20kg mỗi lần kho chứa đựng được khoảng 436 thùng phuy. Thùng phuy có kích thước đường kính 0,6m cao 0,9m. Kho rác kích thước 8 x 5,5m Đặt thùng phuy nằm thì chiều dài kho chứa được 13 thùng và chiều rộng kho chứa được 9 thùng. Các thùng được xếp chồng lên nhau theo chiều cao được 05 hàng. Theo cách

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

sắp xếp như vậy kho chứa được khoảng 585 thùng phuy. Với diện tích 44m<sup>2</sup> khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đủ khả năng đáp ứng lưu giữ.

- Công ty đã ký Hợp đồng số CW1940839 ngày 22/6/2023 với Công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.

- Lưu giữ đầy đủ chứng từ CTNH, lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm có nội dung về quản lý chất thải nguy hại và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND quận Hải An, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ để theo dõi, giám sát.

### 3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại Nhà máy chủ yếu là từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và hoạt động của các máy móc, thiết bị tại khu vực xưởng sản xuất, khu vực nhà pha chế, khu vực trạm bơm dầu gốc, khu vực trạm bơm phụ gia, khu vực phòng máy nén khí.

#### *\* Công trình, biện pháp giảm thiểu*

- Các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy phải giảm tốc độ, đi theo hướng dẫn của bảo vệ và tắt máy khi dừng đỗ.

- Lập phương án sản xuất hợp lý để hạn chế các phương tiện, máy móc, thiết bị bị có tiếng ồn, độ rung cao hoạt động vào cùng một thời điểm.

- Các phương tiện, máy móc, thiết bị được vận hành đúng công suất, yêu cầu kỹ thuật và được thường xuyên vệ sinh, định kỳ bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

- Nền móng xưởng sản xuất, nhà pha chế, trạm bơm dầu gốc, trạm bơm phụ gia, phòng máy nén khí được gia cố vững chắc, được tính toán chịu lực để giảm độ rung và tiếng ồn của các máy móc, thiết bị lắp đặt.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân vận hành như nút bịt tai...

#### *\* Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng*

- Tiếng ồn gây ra bởi Nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Độ rung gây ra bởi Nhà máy phải đảm bảo không vượt quá giá trị tối đa cho phép được quy định tại QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các rủi ro, sự cố chính có thể xảy ra tại Nhà máy gồm tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu, sự cố hoá chất, sự cố máy nén khí, sự cố công trình xử lý chất

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

thải và các rủi ro, sự cố khác (như thiên tai, dịch bệnh, an toàn thực phẩm...). Biện pháp phòng ngừa và ứng phó các rủi ro, sự cố cơ bản như sau:

### **a. Đối với tai nạn lao động**

- Nhà máy đã ban hành các quy định và quy trình về an toàn lao động cho các công đoạn sản xuất, vận hành các máy móc, thiết bị.

- Nhà máy đã lắp đặt những công cụ cần thiết ở những khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động để ngăn ngừa tai nạn lao động xảy ra (biển báo, hàng rào,...).

- Nhà máy đã trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo, găng tay, khẩu trang, giày, kính... và giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động trong suốt quá trình làm việc.

- Công ty luôn đảm bảo 100% công nhân viên của Nhà máy có bảo hiểm y tế và tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho công nhân.

- Các phương tiện vận chuyển hàng không được chở quá trọng tải, chiều cao cho phép. Người điều khiển phương tiện phải được đào tạo và vận hành đúng quy trình.

- Sử dụng nệm gỗ để chèn các thùng hàng dễ lăn, trượt khi lưu kho. Trường hợp xếp hàng cao  $\geq 2$  lớp, phải kê chèn tất cả các kiện hàng ở lớp dưới cùng.

### **b. Đối với sự cố cháy nổ**

- Nhà máy đã được Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an thành phố Hải Phòng chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Văn bản số 69/NT-PC07 ngày 12/4/2019 và số 414/NT-PC07 ngày 26/12/2023.

- Nhà máy đã lắp đặt hoàn thiện hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy và các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ theo quy định.

- Nhà máy thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng hệ thống PCCC và kịp thời thay thế khi phát hiện hư hỏng để đảm bảo hệ thống PCCC luôn trong tình trạng sẵn sàng sử dụng khi xảy ra sự cố.

- Nhà máy luôn nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối với một số nguy cơ gây cháy nổ cao như an toàn về điện, an toàn về sét đánh.

- Nhà máy đã thành lập Ban chỉ huy, Đội ứng trực sự cố cháy nổ và hàng năm sẽ kết hợp với Cảnh sát PCCC tổ chức tập huấn, diễn tập những kiến thức, kỹ năng về PCCC cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay đến Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố cháy nổ, đồng thời sử dụng các trang thiết bị chữa cháy tại chỗ. Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố cháy nổ tự ứng phó theo trách nhiệm đã được phân công và các kỹ năng đã được tập huấn, diễn tập trước đó. Trường hợp sự cố cháy nổ vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, phải điện thoại cấp báo về tình hình

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

và diễn biến của sự cố đến Cảnh sát PCCC và đồng thời xin sự trợ giúp nhằm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời.

### ***c. Đối với sự cố tràn dầu***

- Nhà máy đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 23/10/2018.

- Công ty đã ký hợp đồng số 1375/HĐDV-128/CHEVRON/2014 với công ty TNHH MTV 128 về việc trực ứng phó sự cố tràn dầu tại Nhà máy.

- Nhà máy luôn yêu cầu và giám sát công nhân thực hiện nghiêm các quy phạm về phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu trong suốt quá trình sản xuất.

- Nhà máy thường xuyên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng và tiến hành kiểm định theo quy định hệ thống đường ống dẫn dầu, các bồn chứa dầu, các máy bơm dầu, các bồn pha chế, các dàn đóng gói....

- Nhà máy đã trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị, vật tư ứng phó sự cố tràn dầu như máy bơm dầu, phuy chứa dầu, tấm thấm dầu, quần áo bảo hộ..... đồng thời tổ chức kiểm tra định kỳ để kịp thời mua sắm bổ sung, khắc phục các trang thiết bị hư hỏng.

- Nhà máy đã thành lập Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố tràn dầu và hàng năm tổ chức tổ chức tập huấn, diễn tập những kiến thức, kỹ năng về ứng phó sự cố tràn dầu cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên.

- Khi phát hiện sự cố tràn dầu, phải thông báo ngay đến Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố tràn dầu, đồng thời sử dụng các phương tiện, trang thiết bị ứng phó tại chỗ. Ban chỉ huy và Đội ứng trực sự cố tràn dầu tự ứng phó theo trách nhiệm đã được phân công và các kỹ năng đã được tập huấn, diễn tập trước đó. Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ, phải điện thoại cấp báo về tình hình và diễn biến của sự cố đến các cơ quan chức năng có liên quan như Ban Chỉ huy PCTT & TKCN thành phố, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cảnh sát PCCC & CNCH, Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng và chính quyền địa phương để xin chỉ đạo, trợ giúp, phối hợp ứng cứu kịp thời.

### ***d. Đối với sự cố hoá chất***

- Công ty đã ban hành Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và gửi đến Sở Công Thương thành phố Hải Phòng để kiểm tra, giám sát.

- Nhân viên quản lý an toàn hoá chất và nhân viên làm việc trong phòng thí nghiệm được đào tạo cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn hoá chất. Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo bổ sung và kiểm tra kiến thức về an toàn hóa chất.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Nhân viên quản lý an toàn hóa chất có trách nhiệm hàng ngày kiểm tra độ an toàn của các trang thiết bị lưu chứa hoá chất, ứng phó sự cố hoá chất và khắc phục kịp thời ngay khi phát hiện không an toàn.

- Nhân viên phòng thí nghiệm thực hiện nghiêm ngặt các quy phạm an toàn, vệ sinh công nghiệp đã đề ra ở từng công đoạn trong suốt thời gian làm việc.

- Các phiếu an toàn hóa chất của tất cả các loại hoá chất được lưu giữ trong Nhà máy luôn ở trạng thái sẵn sàng truy cập.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên phòng thí nghiệm và giám sát việc sử dụng bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

- Định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập biện pháp ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất trong phòng thí nghiệm.

- Khi xảy ra sự cố hoá chất, người phát hiện sự cố phải thông báo ngay cán bộ phụ trách phòng thí nghiệm và thực hiện ngay các biện pháp ứng phó đã đề ra theo từng loại hoá chất, sử dụng các trang thiết bị an toàn của Nhà máy như mặt nạ phòng độc, trang thiết bị PCCC... để ứng phó sự cố. Thực hiện các biện pháp sơ cứu khi bị hoá chất rây vào người theo đúng hướng dẫn trong phiếu an toàn hoá chất.

### ***e. Đối với sự cố máy nén khí***

- Nhà máy đã bố trí khu vực riêng đặt máy nén khí.
- Người quản lý, vận hành máy nén khí được đào tạo, sát hạch theo quy định.
- Sử dụng nguồn điện áp ổn định cho máy nén khí.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy nén khí, van an toàn, đồng hồ đo áp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng kiểm định an toàn thiết bị.

### ***f. Đối với sự cố các công trình xử lý chất thải***

*\* Đối với hệ thống tách nước lẫn dầu*

Định kỳ 1 tháng/lần tiến hành các công việc sau:

- Hệ thống đường ống thu gom nước lẫn dầu: Kiểm tra xem có bị kẹt rác hay bị sụt lún, nứt vỡ.
- Hệ thống các van chặn: Kiểm tra khả năng đóng mở của van và tra mỡ ti van.
- Hệ thống máng gạt dầu: Kiểm tra xem có bị kẹt rác hay bị cong vênh.
- Các hạng mục khác: Kiểm tra ngoại quan lối vào có sạch sẽ, lan can bảo vệ có bị gãy rỉ, thành bể có bị sụt lún, nứt vỡ.

*\* Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt*

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành nạo hút bùn cặn và bổ sung viên nén khử trùng vào bể tự hoại.

- Định kỳ 6 tháng/lần tiến hành thu gom lớp váng dầu mỡ tại máng gom của bể tách dầu mỡ và thả viên nén khử trùng vào rọ lưới của bể khử trùng.

*\* Đối với hệ thống gia nhiệt dầu nóng*

Định kỳ 06 tháng/lần tiến hành các công việc sau:

- Kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng các bơm cấp dầu, bơm cấp gió;
- Kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng bộ phun dầu, bộ lọc gió, bộ đánh lửa;
- Kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng đường ống cấp nhiệt đến các bồn.

Các chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải được thu gom, quản lý cùng với các chất thải rắn, chất thải nguy hại khác phát sinh tại Nhà máy.

**f. Đối với các rủi ro, sự cố khác**

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm ở tất cả các khâu như lựa chọn thực phẩm, bảo quản thực phẩm, chế biến thực phẩm. Thường xuyên vệ sinh khu vực chế thực phẩm và giữ gìn vệ sinh môi trường. Trong trường hợp phát hiện sau ăn có dấu hiệu bất thường (nôn, đau đầu, tiêu chảy....) đưa tới ngay cơ sở y tế gần nhất để được thăm khám điều trị.

- Sự cố dịch bệnh: Tuyên truyền và phổ biến kiến thức đến các cán bộ, công nhân viên về vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Đề ra các quy định và giám sát việc thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường chung, bỏ rác thải đúng nơi quy định.... Khi phát hiện dịch bệnh phải kịp thời báo ngay đến các đơn vị có liên quan (như Sở Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng,...) để có biện pháp xử lý.

- Sự cố thiên tai: Lập kế hoạch chi tiết phòng chống lụt bão và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Nhà máy. Trang bị kiến thức và tổ chức diễn tập ứng cứu sự cố lụt bão và các sự cố thiên tai khác cho các cán bộ nhân viên của Nhà máy. Thường xuyên theo dõi dự báo về lụt bão và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ.

### 3.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

Các tác động khác đến môi trường của Nhà máy gồm tác động của nhiệt dư, tác động đến các đối tượng xung quanh, tác động đến giao thông khu vực, tác động đến kinh tế - xã hội khu vực. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động cơ bản như sau:

**a. Đối với tác động của nhiệt dư**

- Duy trì hoạt động của các quạt thông gió trong nhà xưởng sử dụng các quạt điện công nghiệp lắp đặt trên tường và các biện pháp thông gió tự nhiên.

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

- Duy trì và định kỳ 6 tháng/lần kiểm tra lớp bảo ôn cách nhiệt xung quanh bồn pha chế, đường ống dẫn dầu và thiết bị gia nhiệt để đảm bảo an toàn kỹ thuật.

- Bố trí các bình nước uống phục vụ công nhân viên tại những vị trí thuận tiện, đặc biệt vào những ngày nắng nóng.

### ***b. Đối với tác động đến các đối tượng xung quanh***

- Đảm bảo khoảng cách an toàn với các đối tượng xung quanh theo đúng quy định và vận hành Nhà máy theo đúng quy trình công nghệ.

- Thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu nguồn phát sinh chất thải và không liên quan đến chất thải.

- Thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu, sự cố hoá chất...

- Tuân thủ đúng các quy định của KCN Đình Vũ. Đặc biệt lưu ý các khuyến cáo an toàn của các đối tượng xung quanh gửi đến Nhà máy.

### ***c. Đối với tác động đến giao thông khu vực***

- Yêu cầu người điều khiển phương tiện chấp hành các quy định về an toàn giao thông đường bộ như chờ đúng trọng tải, chạy đúng làn đường, đúng tốc độ...

- Bố trí tuyến đường vận chuyển, thời gian vận chuyển hợp lý, hạn chế qua khu vực đông dân cư, chợ, trường học, bệnh viện... và tránh vào các giờ cao điểm, tan tầm.

- Các phương tiện vận chuyển dừng, đỗ đúng nơi quy định và có kế hoạch cứu hộ các phương tiện bị sự cố, tránh gây ách tắc giao thông.

- Bố trí người điều khiển giao thông khi các phương tiện có kích thước lớn quay đầu ra vào Nhà máy.

- Tàu chở hàng ra vào cảng phải có giấy phép của Cảng vụ và phải tuân thủ các quy định về an toàn hàng hải và nội quy của Cảng Hàng lông Đình Vũ.

### ***d. Đối với tác động tới kinh tế - xã hội khu vực***

- Toàn thể cán bộ, công nhân viên, khách hàng, đối tác phải tuân thủ nội quy của Nhà máy trong suốt thời gian làm việc.

- Bố trí đội ngũ bảo vệ thường trực 24/24h và sẵn sàng ứng phó với các sự cố mất an ninh, trật tự trong Nhà máy.

- Ưu tiên sử dụng lao động tại địa phương và kết hợp với chính quyền địa phương để quản lý nhân khẩu.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

### 3.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung thay đổi của Nhà máy so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 như sau:

Bảng 3.4. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đã được phê duyệt	Phương án thực tế	Lý do và đánh giá sự thay đổi
1	Máy móc, thiết bị sản xuất	Có 01 dàn đóng gói bán tự động phuy 200 lít (2 đầu vòi)	Có 01 dàn đóng gói bán tự động phuy 200 lít (2 đầu vòi) và 01 dàn đóng gói bán tự động phuy IBC.	Bổ sung 01 dàn đóng gói bán tự động phuy IBC để khi đóng gói vào các thùng khác nhau không phải chuyển đầu vòi dẫn đến tăng năng suất và giảm rủi ro sự cố tràn dầu.
2	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	Không có kho chứa chất thải rắn sinh hoạt (chất thải rắn sinh hoạt được tập kết vào các thùng chứa có nắp đậy)	Có 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt với diện tích là 9,6m <sup>2</sup>	Bổ sung thêm 01 kho chứa chất thải rắn sinh hoạt giúp cho việc lưu giữ tạm thời chất thải được tốt hơn.
3	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	Có 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích là 12m <sup>2</sup>	Có 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích là 9,6m <sup>2</sup>	Giảm diện tích 01 kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường từ 12m <sup>2</sup> xuống 9,6m <sup>2</sup> nhưng không đáng kể vẫn đảm bảo khả năng lưu chứa.
4	Kho chứa chất thải nguy hại	Có 02 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích là 24m <sup>2</sup> và 140m <sup>2</sup>	Có 02 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích là 24m <sup>2</sup> và 44m <sup>2</sup>	Giảm diện tích 01 kho chứa chất thải nguy hại từ 140m <sup>2</sup> xuống 44 m <sup>2</sup> để phù hợp với lượng chất thải nguy hại phát sinh thực tế.

## **CHƯƠNG IV.**

### **NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

#### **4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

##### **4.1.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

Nhà máy nằm trong Khu công nghiệp Đình Vũ nên không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do nước thải sau xử lý của Nhà máy được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả ra môi trường.

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam đã ký Bản bổ sung số 03 của Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số DVIZ/SM/CON/22/28 ngày 15/10/2022 với Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ (là Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đình Vũ), trong đó có thỏa thuận về việc đầu nối nước thải của Nhà máy vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

##### **4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải**

###### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

###### ***a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải***

###### ***\* Đối với nước thải sinh hoạt***

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ khu nhà vệ sinh và nước thải từ khu nhà bếp. Trong đó, nước thải từ khu nhà vệ sinh theo đường ống nhựa uPVC D160 thu gom vào bể tự hoại thể tích 16,0 m<sup>3</sup>; nước thải từ khu nhà bếp theo đường ống nhựa uPVC D110 thu gom vào bể tách dầu mỡ thể tích 3,2 m<sup>3</sup>. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ tiếp tục được qua bể khử trùng thể tích 3,2 m<sup>3</sup> để xử lý, sau đó theo đường ống nhựa uPVC D160 chảy về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ

###### ***\* Đối với nước thải công nghiệp***

Nước mưa lẫn dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc và sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc theo đường ống nhựa uPVC D300 vào bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ. Nước mưa lẫn dầu từ sàn khu bồn chứa dầu gốc và nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 và được điều tiết bằng van theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ. Nước mưa lẫn dầu từ sàn khu bồn chứa phụ gia và nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa phụ gia được thu gom bằng đường rãnh BTXM B300 cùng với nước mưa lẫn dầu từ sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia, sàn khu cụm van trạm nhập nguyên liệu và nước lẫn xăng từ rửa dụng cụ

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

phòng thí nghiệm theo đường ống thép 6” vào bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ. Nước mưa lẫn dầu sau khi được xử lý qua các bể tách nước lẫn dầu chảy vào hố bơm nước thải, sau đó được máy bơm (công suất 80 m<sup>3</sup>/giờ) bơm theo đường ống nhựa HDPE D75 về hố ga đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ.

### ***b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải***

*\* Tóm tắt quy trình công nghệ:*

- Đối với nước thải sinh hoạt: (1) Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh sau xử lý tại bể tự hoại + (2) Nước thải sinh hoạt từ khu nhà bếp sau xử lý tại bể tách dầu mỡ → Bể khử trùng (bổ sung Chlorinne) → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ.

- Đối với nước thải công nghiệp:

+ (1) Nước mưa lẫn dầu từ rãnh bao quanh các bồn chứa dầu gốc, sàn khu cụm van trạm bơm dầu gốc, sàn khu bồn chứa dầu gốc + (2) Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa dầu gốc → Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó: Nước thải → Ngăn thu nước → Ngăn tách dầu → Ngăn chứa nước → Hồ bơm nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ. Dầu trong ngăn tách dầu → Ngăn chứa dầu → Đơn vị có năng lực vận chuyên, xử lý CTNH.

+ (1) Nước mưa lẫn dầu từ sàn khu bồn chứa phụ gia, sàn khu cụm van trạm bơm phụ gia, sàn khu cụm van trạm nhập nguyên liệu + (2) Nước tưới mát khi xảy ra sự cố cháy nổ tại khu bồn chứa phụ gia + (3) Nước lẫn xăng từ rửa dụng cụ phòng thí nghiệm → Bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ, trong đó: Nước thải → Ngăn thu nước → Ngăn tách dầu (có các tấm thép đặt song song) → Ngăn chứa nước → Hồ bơm nước thải → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ. Dầu trong ngăn tách dầu → Ngăn chứa dầu → Đơn vị có năng lực vận chuyên, xử lý CTNH.

*\* Công suất thiết kế:*

- 01 Bể tự hoại có thể tích 16,0 m<sup>3</sup>;
- 01 Bể tách dầu mỡ nhà bếp có thể tích 3,2 m<sup>3</sup>;
- 01 Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ;
- 01 Bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ.

*\* Hoá chất, vật liệu sử dụng:* Chất khử trùng (Chlorinne).

### ***c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục***

Nhà máy không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Niêm yết sơ đồ quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành của công trình xử lý nước thải tại khu vực xây lắp.

- Thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của đề đảm bảo công trình xử lý nước thải luôn hoạt động hiệu quả.

- Định kỳ vệ sinh các đường ống thu thoát nước mưa, nước thải; nạo hút bùn cặn tại các hố ga, bể tự hoại, bể tách nước lẫn dầu; vớt váng dầu mỡ tại bể tách dầu mỡ nhà bếp, bể tách nước lẫn dầu.

- Trang bị các phương tiện, máy móc, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải.

- Khi công trình xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố.

- Khi việc kiểm tra, khắc phục sự cố của công trình xử lý nước thải bị kéo dài và các bể xử lý không còn khả năng lưu chứa nước thải thì phải thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải phát sinh.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ và bể tách nước lẫn dầu X701 công suất 30 m<sup>3</sup>/giờ (*nội dung chi tiết tại Chương VI của Báo cáo*).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Nhà máy, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đấu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Đình Vũ, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy.

- Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đình Vũ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

## 4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

### 4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

Nhà máy có 01 nguồn khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng (sử dụng nhiên liệu dầu Diesel).

### 2. Dòng khí thải và lưu lượng xả khí thải tối đa

Nhà máy có 01 dòng khí thải: Ống xả khí thải của hệ thống gia nhiệt dầu nóng (sử dụng nhiên liệu dầu Diesel). Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.

### 3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giá trị giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; K<sub>p</sub> = 1,0; K<sub>v</sub> = 0,6). Cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K <sub>p</sub> = 1,0; K <sub>v</sub> = 0,6)
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	120
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	600
3	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	300
4	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	510

### 4. Vị trí, phương thức xả khí thải

Nhà máy có 01 dòng khí thải tương ứng có 01 vị trí xả khí thải: Tại miệng ống xả khí thải của hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng. Tọa độ: X = 2303730 (m); Y = 608466 (m) (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>). Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng được xả ra môi trường qua miệng ống xả khí thải. Chế độ xả khí thải là gián đoạn theo thời gian hoạt động của hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng. Chu kỳ xả trong một ngày là từ 08 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

#### 4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

###### a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng theo ống xả khí thải có đường kính 0,4 m, chiều cao 16,0 m xả ra môi trường.

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

### ***b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải***

Bụi, khí thải phát sinh từ hệ thống thống gia nhiệt dầu nóng áp dụng biện pháp giảm thiểu: Sử dụng đầu đốt dầu đạt tiêu chuẩn để đảm bảo quá trình đốt cháy nhiên liệu đạt hiệu suất cao; thường xuyên kiểm tra đầu phun dầu nhằm đảm bảo lượng dầu cung cấp vừa đủ để phản ứng cháy xảy ra hoàn toàn từ đó sẽ giảm được lượng bụi, khí thải sinh ra; sử dụng nhiên liệu dầu Diesel (DO) có hàm lượng lưu huỳnh thấp ( $\leq 0,05\%$  S) và đặc biệt là không có chì.

### ***c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục***

Nhà máy không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Tuân thủ quy trình công nghệ vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống gia nhiệt dầu nóng.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ vệ sinh, bảo dưỡng để đảm bảo hệ thống gia nhiệt dầu nóng hoạt động tốt nhất.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Vận hành hệ thống gia nhiệt dầu nóng theo đúng quy trình công nghệ và các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo bụi, khí thải phát sinh đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra môi trường

- Trong trường hợp kết quả quan trắc bụi, khí thải phát sinh hệ thống gia nhiệt dầu nóng không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường, Chủ Cơ sở phải có biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải đảm bảo đạt yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải ra môi trường

## **4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

#### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị tại các khu vực cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng sản xuất.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Nguồn số 02: Tại khu vực nhà pha chế.
- Nguồn số 03: Tại khu vực trạm bơm dầu gốc.
- Nguồn số 04: Tại khu vực trạm bơm phụ gia.
- Nguồn số 05: Tại khu vực phòng máy nén khí.

### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Các vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tương ứng với các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2302732 m; Y = 608505 m.
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2302735 m; Y = 608463 m.
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2302730 m; Y = 608416 m.
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2303709 m; Y = 608454 m.
- Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2303701 m; Y = 608486 m.

(theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^0$ )

### 3. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### \* Tiếng ồn

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

#### \* Độ rung

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

#### 4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

##### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

- Tiến hành kiểm tra, vệ sinh và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị để đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái ổn định.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

- Các máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng công suất thiết kế.

### 4.4. NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

#### 4.4.1. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

###### a. Nguồn phát sinh chất thải

\* *Chất thải nguy hại*: Phát sinh từ hoạt động sản xuất, hoạt động xét nghiệm, hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, hoạt động xử lý nước lẫn dầu và hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, hoá chất.

\* *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh từ hoạt động sản xuất và hoạt động văn phòng.

\* *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy.

\* *Chất thải rắn thông thường khác*: Phát sinh từ bể tự hoại (bùn cặn thải).

###### b. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

\* *Chung loại, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh*

Bảng 4.4. Khối lượng, chung loại chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Đ, ĐS	3,5
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	Đ, ĐS, AM	50
3	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 013	Đ, ĐS	1,5
4	Dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	Đ, ĐS, C	310
5	Bùn cặn thải từ thiết bị tách dầu/ nước	Bùn	17 05 02	Đ, ĐS	200
6	Dầu thải từ thiết bị tách	Lỏng	17 05 04	Đ, ĐS, C	120

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Tính chất nguy hại chính	Khối lượng (kg/năm)
	dầu/nước				
7	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	Đ, ĐS	97.468
8	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	Đ, ĐS	6.088
9	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn	18 01 04	Đ, ĐS	2.052
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Đ, ĐS	3.200
11	Hoá chất, hỗn hợp hoá chất có thành phần nguy hại thải	Lỏng	19 05 02	Đ, ĐS	320
<b>Tổng</b>					<b>109.813</b>

\* *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:* Khoảng 300 kg/ngày tương đương 7.800 kg/tháng (gồm gỗ pallet, lõi cuộn băng dính, bìa carton, bao bì nilon, ghim kẹp, giấy báo, bao bì tài liệu,...).

\* *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường khác:* Khoảng 4,2 tấn/năm (bùn cặn thải từ bể tự hoại).

\* *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:* Khoảng 0,78 tấn/tháng tương đương 9,36 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải**

### **a. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại**

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích: Gồm 02 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 44,0 m<sup>2</sup> và diện tích 24,0 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa chất thải nguy hại cao 01 tầng, có cửa ra vào khép kín, mái lợp tôn che kín nắng mưa, tường xây gạch, nền bê tông hoá chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải dạng lồng bên trong, có gờ chắn tại cửa và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Biện pháp xử lý: Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại vào các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải, ghi mã chất thải nguy hại, dán dấu hiệu cảnh

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

báo và lưu giữ tạm thời tại kho chứa chất thải nguy hại trước khi chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### ***b. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường***

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và phế liệu đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Công trình lưu chứa:

+ Diện tích: Ga chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 9,6 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo: Ga chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được xây bằng gạch và đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại, thu gom, lưu giữ tạm thời tại ga chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và tái chế hoặc thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### ***c. Công trình biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn sinh hoạt***

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy đặt tại các vị trí phát sinh và khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Công trình lưu chứa: Ga chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 9,6 m<sup>2</sup>.

- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom vào các thiết bị lưu chứa tại ga chứa chất thải rắn sinh hoạt và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

#### **4.4.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **4.5. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn dầu, an toàn lao động, an toàn giao thông,
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG V.

### KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Nhà máy tiến hành quan trắc định kỳ đối với nước thải tại 02 vị trí. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải vào năm 2022 và năm 2023 của Nhà máy như sau:

**1. Vị trí quan trắc nước thải 01:** Tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: X = 2303577 m; Y = 608679 m (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$* ).

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

**Bảng 5.1. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ tại vị trí số 01 năm 2022**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc								Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
			T3/2022	T6/2022	T9/2022	T12/2022	T3/2023	T6/2023	T9/2023	T12/2023	
1	pH	-	7,18	7,72	7,78	7,81	7,73	7,84	8,02	7,82	<b>5 - 9</b>
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	37,5	17,5	22,2	27,5	21,8	22,8	1,1	14,8	<b>500</b>
3	COD	mg/l	143,3	48,2	24,8	58,3	57,5	46,8	17,5	121,9	<b>500</b>
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	13,7	16,1	16,1	30,7	17,1	37,1	10,3	42,6	<b>500</b>
5	Asen	mg/l	0,003	0,0030	0,0036	0,0027	0,0029	0,0035	ND	0,0042	<b>0,1</b>
6	Thủy Ngân	mg/l	ND	ND	ND	ND	ND	ND	ND	ND	<b>0,01</b>
7	Chì	mg/l	ND	0,024	0,0072	ND	ND	ND	ND	ND	<b>0,5</b>
8	Cadimi	mg/l	ND	0,0001	0,0004	ND	0,00013	ND	0,0036	ND	<b>0,1</b>
9	Tổng phenol	mg/l	0,043	0,048	0,054	0,048	0,053	0,0049	0,045	0,061	<b>0,5</b>
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,44	0,39	0,44	0,44	0,38	0,48	0,52	00,81	<b>10</b>
11	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	0,76	0,49	0,72	0,5	0,39	0,32	0,42	0,41	<b>30</b>
12	Amoni (Tính theo N)	mg/l	8,5	9,9	7,9	4,9	8,4	4,9	7,8	6,2	<b>10</b>
13	Tổng Nitơ	mg/l	15,0	14,3	22,4	26,3	12,8	12,3	11,2	18,4	<b>40</b>
14	Tổng phốt pho (Tính theo P)	mg/l	0,69	0,78	1,0	0,91	2,1	0,75	1,3	3,7	<b>6</b>
15	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	10 x 10 <sup>2</sup>	28 x 10 <sup>2</sup>	35x10 <sup>2</sup>	7 x 10 <sup>2</sup>	1300	5x10 <sup>2</sup>	7.800	3x10 <sup>3</sup>	<b>10.000</b>

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

---

**2. Vị trí quan trắc nước thải 02:** Tại hố ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: X = 2303682 m; Y = 608427 m (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiếu 3<sup>0</sup>*).

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

**Bảng 5.2. Bảng tổng hợp kết quả quan trắc nước thải định kỳ tại vị trí số 02 năm 2022**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc								Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
			T3/2022	T6/2022	T9/2022	T12/2023	T3/2022	T6/2022	T9/2022	T12/2023	
1	pH	-	7,27	7,38	7,55	7,55	7,35	7,73	7,65	7,75	<b>5 - 9</b>
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>500</b>
3	COD	mg/l	58,8	12,7	37,2	23,3	37,8	13,3	19,9	12,4	<b>500</b>
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	21,2	13,6	10,1	26,1	14,5	20,3	10	22,5	<b>500</b>
5	Asen	mg/l	0,0047	0,0041	0,0028	0,0033	0,0031	0,0039	0,0032	0,0052	<b>0,1</b>
6	Thủy Ngân	mg/l	ND	ND	ND	ND	ND	ND	ND	ND	<b>0,01</b>
7	Chì	mg/l	ND	0,012	0,0065	-	ND	ND	ND	ND	<b>0,5</b>
8	Cadimi	mg/l	ND	0,0001	0,00008	-	0,00035	ND	0,0033	ND	<b>0,1</b>
9	Tổng phenol	mg/l	0,048	0,053	0,042	0,038	0,039	0,045	0,049	0,049	<b>0,5</b>
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	0,54	0,3	0,31	0,32	0,56	0,52	0,72	0,72	<b>10</b>
11	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>30</b>
12	Amoni (Tính theo N)	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>10</b>
13	Tổng Nitơ	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>40</b>
14	Tổng phot pho (Tính theo P)	mg/l	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>6</b>
15	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	-	-	-	-	-	-	-	-	<b>10.000</b>

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

### \* Ghi chú:

ND: Không phát hiện.

(1) Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ

### \* Nhận xét:

So sánh kết quả phân tích mẫu nước thải tải 02 hồ ga cuối trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải chung với Tiêu chuẩn của Khu công nghiệp Đình Vũ cho thấy nồng độ các thông số ô nhiễm trong nước thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép.

## 5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

**Vị trí quan trắc khí thải:** Tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: X = 2303730 m; Y = 608466 m (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

Nhà máy tiến hành quan trắc định kỳ đối với khí thải tại 01 vị trí. Kết quả quan trắc định kỳ đối với khí thải vào năm 2022 và năm 2023 của Nhà máy như sau:

Bảng 5.3. Bảng tổng kết quả quan trắc khí thải năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp = 1,0; Kv = 1,0)
			03/2022	06/2022	9/2022	12/2022	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	3134	1.628	1.560	1.510	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	70	7,62	8,2	11	200
3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	580	317,98	58,14	43.32	1.000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	320	<2,62	39,3	55,02	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	170	1,87	54,52	71,44	850

Bảng 5.4. Bảng tổng kết quả quan trắc khí thải năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp = 1,0; Kv = 1,0)
			03/2023	06/2023	9/2023	12/2023	
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	1.461	2.092	2.186	2.145	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	33	32	30	24,7	200

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

3	Cacbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	27,36	18,24	196,1	7,17	<b>1.000</b>
4	Lưu huỳnh điôxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	52,4	15,72	59,9	1,5	<b>500</b>
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	94	31,02	1,6	0,53	<b>850</b>

**\* Ghi chú:**

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp; Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Kv là hệ số vùng, khu vực).

**\* Nhận xét:**

So sánh kết quả phân tích mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel với QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp = 1,0; Kv = 1,0) nhận thấy nồng độ các thông số ô nhiễm trong khí thải tại thời điểm quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép.

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

### CHƯƠNG VI.

#### CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

##### 6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI

###### 6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 6.1. Dự kiến thời gian vận hành thử nghiệm

STT	Tên công trình	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm
1	Bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m <sup>3</sup> /giờ	Dự kiến 06 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.
2	Bể tác nước lẫn dầu X701 công suất 30 m <sup>3</sup> /giờ	

Trong thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, công suất sản xuất các sản phẩm dầu bôi trơn của Nhà máy là 60 triệu lít/năm.

###### 6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do vậy, kế hoạch quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm của Cơ sở được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải

TT	Vị trí quan trắc	Thời gian	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc
<b>I</b>	<b>BỂ TÁCH NƯỚC LẤN DẦU CÔNG SUẤT 35 m<sup>3</sup>/GIỜ</b>			
1	Tại ngăn thu nước	01 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải	01 mẫu đơn/ngày	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.
2	Tại ngăn xả nước	01 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải	01 mẫu đơn/ngày	
<b>II</b>	<b>BỂ TÁCH NƯỚC LẤN DẦU X701 CÔNG SUẤT 30 m<sup>3</sup>/GIỜ</b>			
3	Tại ngăn thu nước	01 ngày trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải	01 mẫu đơn/ngày	pH; COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng.
4	Tại ngăn xả nước	03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải	01 mẫu đơn/ngày	
<b>III</b>	<b>TẠI ĐIỂM THẢI CUỐI CÙNG CỦA CƠ SỞ</b>			
5	Tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của	03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý	01 mẫu đơn/ngày	pH; BOD <sub>5</sub> (20°C); COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng; Dầu mỡ động thực

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

TT	Vị trí quan trắc	Thời gian	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc
	KCN Đình Vũ.	nước thải		vật; Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho; Coliform.

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch vận hành thử nghiệm là Trung tâm Quan trắc môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.

Chủ Cơ sở sẽ gửi thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án đến Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

### 6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

#### *\* Quan trắc định kỳ đối với nước thải*

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### *\* Quan trắc định kỳ đối với khí thải*

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

#### *\* Quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải*

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

#### *\* Quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải*

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện việc quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải theo quy định Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### 6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Theo quy định của pháp luật, Cơ sở không phải thực hiện việc quan trắc môi trường định kỳ. Tuy nhiên, để kiểm soát chất lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Vũ và khí thải xả vào môi trường không khí, đồng thời để đánh giá nội bộ việc vận hành các công trình, biện pháp xử lý nước thải và biện pháp

## BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam

giảm thiểu bụi, khí thải của Nhà máy, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam đề xuất thực hiện việc quan trắc định kỳ đối với nước thải và khí thải tại Nhà máy như sau:

Bảng 6.3. Chương trình quan trắc định kỳ

STT	Vị trí quan trắc	Tần suất quan trắc	Thông số quan trắc	Quy chuẩn đánh giá
<b>I</b>	<b>Quan trắc định kỳ đối với nước thải</b>			
1	Tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ X = 2303577; Y = 608679.	12 tháng/lần	pH; BOD <sub>5</sub> (20°C); COD; TSS; As; Hg; Pb; Cd; Phenol; Dầu mỡ khoáng; Dầu mỡ động thực vật; Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ); Tổng Nitơ; Tổng Phốt pho; Coliform.	Theo yêu cầu của KCN Đình Vũ
2	Tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải lần đầu, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ X = 2303682; Y = 608427.			
<b>II</b>	<b>Quan trắc định kỳ đối với khí thải</b>			
1	Tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ X = 2303730; Y = 608466.	12 tháng/lần	Lưu lượng; Bụi tổng; CO; Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> ; Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; Kp = 1,0; Kv = 0,6)

### 6.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam có dự trù khoản kinh phí khoảng 50.000.000 đồng (*bằng chữ: Năm mươi triệu đồng*), được sử dụng trong việc quan trắc định kỳ nước thải, khí thải để kiểm soát, đánh giá nội bộ và lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

**CHƯƠNG VII.**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần đây (từ tháng 05/2022 đến tháng 05/2024), không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường tại Nhà máy. Đồng thời, Công ty không bị khiếu kiện, khiếu nại, phản ánh của người dân và các dự án, cơ sở lân cận về công tác bảo vệ môi trường của Nhà máy.

### **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ**

Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam là Chủ cơ sở “Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật” cam kết các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu, số liệu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện việc thu gom, xử lý, xả thải nước thải, bụi và khí thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện việc thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo vệ sinh môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố tràn dầu và các sự cố khác. Công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết thực hiện việc quan trắc giám sát chất lượng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật.

- Cam kết dành khoản kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ môi trường, giám sát chất lượng môi trường và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

## PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0200115417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19/5/2023.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3276947716 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 08 ngày 04/5/2023.
3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số DN556971 ngày 26/12/2023.
4. Quyết định số 540/QĐ-UBND ngày 14/3/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy dầu nhờn Chevron Hải Phòng từ 15 triệu lít/năm lên 60 triệu lít/năm tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An.
5. Hóa đơn tiền nước.
6. Hợp đồng số CW1940839 ngày 22/06/2023 với công ty Cổ phần Hòa Anh để thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy.
7. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.
8. Quyết định thành lập tổ ứng phó sự cố tràn dầu ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam.
9. Quyết định thành lập tổ ứng phó sự cố tràn hóa chất ngày 15/03/2022 của Công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam.
10. Quyết định 033/CLVLHN2023/QĐ ngày 11/01/2023 về việc thành lập Ban chỉ huy PCCC của Công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam.
11. Quyết định số 20/2023/QĐ-PCCC ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam Về việc thành lập Đội phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ cơ sở.
12. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 601/TD-PCCC ngày 28/11/2023 của Công an thành phố Hải Phòng.
13. Hợp đồng dịch vụ số 1375/HĐ DV-128/CHEVEON/2014 ngày 25/09/2014 về việc trực ứng phó sự cố tràn dầu cho Nhà máy pha chế dầu nhờn Chevron Hải Phòng của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam.
14. Gia hạn và sửa đổi hợp đồng than chiếu số 1375/HĐDV-128/CHEVRON/2014 được sửa đổi bằng Thư sửa đổi đề ngày 23 tháng 6 năm 2015,

## **BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**Dự án sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn và cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tại Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam**

---

Thư sửa đổi đề ngày 25 tháng 9 năm 2017, Thư sửa đổi đề ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Thư sửa đổi đề ngày 1 tháng 7 năm 2020.

15. Các phiếu kết quả quan trắc nước thải, khí thải từ tháng 3/2022 đến tháng 12/2023.

16. Các bản vẽ tổng mặt bằng; tổng mặt bằng thoát nước thải; thoát nước mưa.

17. Bản vẽ hoàn công bể tách nước lẫn dầu X701; bể tách nước lẫn dầu công suất 35 m<sup>3</sup>/giờ.

18. Bản vẽ hoàn công bể tự hoại, bể tách dầu mỡ và bể khử trùng.

19. Bản vẽ hoàn công các công trình PCCC.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 125/ĐT Quyền số: Số chứng thực bản sao-SCTĐT/BS

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0200115417**

*Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 06 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 19 tháng 05 năm 2023*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHEVRON LUBRICANTS VIETNAM LIMITED

Tên công ty viết tắt: CHEVRON LUBRICANTS VIETNAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 0225.3769010

Fax: 0225.3769011

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

160.000.000.000 đồng

*Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tỷ đồng*

*(Giá trị tương đương 10.000.000 đô la Mỹ)*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CHEVRON SINGAPORE PTE.LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 199206695E

Ngày cấp: 11/12/1992 Nơi cấp: Singapore

Địa chỉ trụ sở chính: 3 Fraser Street, #12-28, Duo Tower, Singapore 189352, Singapore

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
*Bùi Thị Thanh Hải*

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐẠT PHÚ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *18/10/1973*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001073019876*

Ngày cấp: *13/11/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát về Quản lý Hành chính về  
Trật tự Xã hội*

Địa chỉ thường trú: *16 Hàng Bông, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố  
Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1 & 2, tầng 11, tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng,  
Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Ghi chú: Được cấp lại ngày 28 /06/2023**

(Đã ký)

**TRƯỞNG PHÒNG**



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
*Nguyễn Thị Lâm*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 126/ĐT Quyền số: Số chứng thực bản sao-SCTĐT/BS

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HẢI PHÒNG** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Mã số dự án: **3276947716**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 17 tháng 8 năm 2012

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 08: Ngày 04 tháng 5 năm 2023



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thị Thanh Hải

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật  
Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của  
Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt  
động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến  
đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải  
Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm  
2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy  
định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản  
lý Khu kinh tế Hải Phòng;

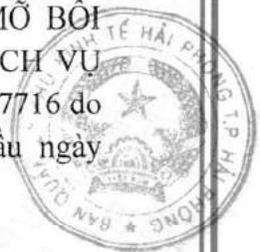
Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3276947716 do Ban  
Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012,  
đăng ký điều chỉnh lần 07 ngày 14/11/2018;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo  
do Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam nộp ngày 19 tháng 04 năm  
2023,

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC LOẠI DẦU, MỨ BÔI  
TRƠN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ TIÊU THỤ VÀ DỊCH VỤ  
HỖ TRỢ KỸ THUẬT; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3276947716 do  
Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày  
17/8/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 14/11/2018.



Được đăng ký điều chỉnh địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật.

Nhà đầu tư:

**Chevron Singapore Pte.Ltd;** Giấy phép thành lập số 199206695E do Cơ quan đăng ký công ty và kế toán Singapore cấp ngày 11/12/1992.

Địa chỉ trụ sở chính: 3 Fraser Street, #12-28, DUO Tower, Singapore 189352, Singapore.

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật:**

Họ tên: Dean Barry Gilbert                      Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc Kinh doanh – khu vực Đông Nam Á, Châu Á

Thái Bình Dương.

Sinh ngày: 24/12/1969

Quốc tịch: New Zealand

Hộ chiếu số: LK729507

Ngày cấp: 09/02/2017

Nơi cấp: DIA WLG

Đại chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Level 3 Tower Menara Milenium, 8 Jalan Damanlela Bukit Damansara, 50490 Kuala Lumpur.

Điện thoại: 65 6318-1000

**Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:** Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0200115417 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14/04/2023.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

**Điều 1: Nội dung dự án đầu tư**

1. Tên dự án đầu tư:

**DỰ ÁN SẢN XUẤT CÁC LOẠI DẦU, MỠ BÔI TRƠN  
VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ HỖ TRỢ TIÊU THỤ VÀ DỊCH VỤ  
HỖ TRỢ KỸ THUẬT**

2. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC
1	Sản xuất các loại dầu mỡ bôi trơn; Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu CALTEX/CHEVRON được nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.	Sản xuất sản phẩm dầu mỡ tinh chế	1920	
		Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299	



3. Quy mô dự án: Sản lượng và doanh thu hàng năm ước tính cho các loại sản phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng/năm
Sản xuất các loại dầu, mỡ bôi trơn	Lít	60.000.000
Cung cấp dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất	USD	5.000
Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho tất cả các sản phẩm mang nhãn hiệu CALTEX/CHEVRON được nhập khẩu hợp pháp.	USD	70.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 30.000 m<sup>2</sup>.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 353.594.000.000 (ba trăm năm mươi ba tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu) đồng, tương đương 20.000.000 (hai mươi triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 160.000.000.000 (một trăm sáu mươi tỷ) đồng, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 45,25% tổng vốn đầu tư, đã được nhà đầu tư góp đủ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 48 (bốn mươi tám) năm kể từ ngày 30 tháng 12 năm 1997.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án được đưa vào triển khai thực hiện từ tháng 12 năm 1998 và hiện đang sản xuất kinh doanh.

- Phần dự án mở rộng đã hoạt động chính thức vào năm 2019.

## **Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư**

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:



- + Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;
- + Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;
- + Nghị định 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.
- + Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Khi thực hiện Dự án đầu tư, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư, xây dựng cơ bản, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật; tuân thủ các quy định về báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định về giám sát và đánh giá đầu tư và các pháp luật liên quan.

**Điều 4:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký, và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3276947716 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 17/8/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 14/11/2018.

**Điều 5:** Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. ✓

**Nơi nhận:**

- Như điều 5;
- Lưu: VT.



**TRƯỞNG BAN**

**Lê Trung Kiên**

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

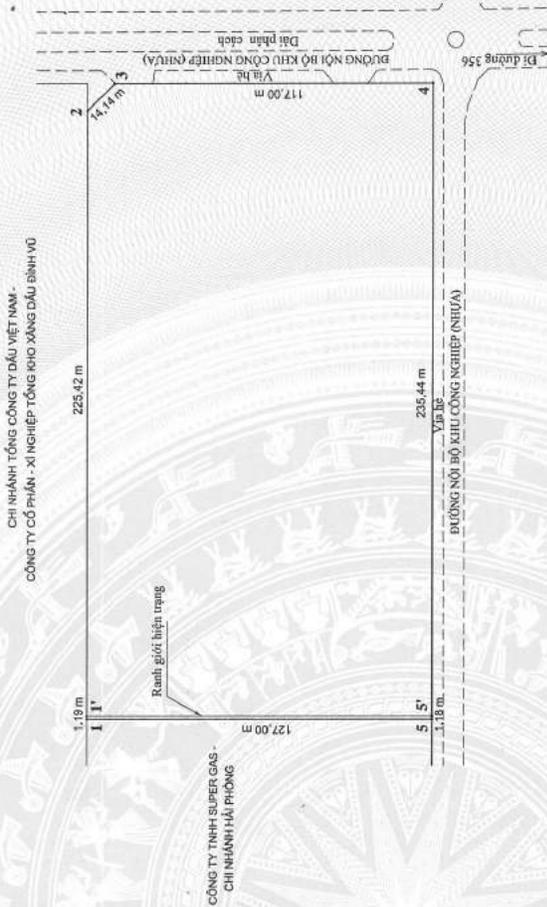
- a) Thửa đất số: 01, từ bản đồ số: 20-2023,
- b) Địa chỉ: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng,
- c) Diện tích: 30.000,0 m<sup>2</sup> (Bằng chữ: Ba mươi nghìn mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp,
- g) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 02/4/2047,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

**2. Công trình xây dựng: -/-**

**3. Ghi chú:** Số hiệu thửa đất chưa được xác định theo bản đồ địa chính.

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

Tỷ lệ: 1/2000



**IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận**

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chí Khánh

Số vào sổ cấp GCN: CTĐĐ/HH/9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp 0200115417 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/6/2008.  
Địa chỉ trụ sở chính: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

DN 556971

## IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311141123003599

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG/CHẤT THẢI

VIỆT NAM

HỢP ĐỒNG SỐ. CW1940839

GIỮA

CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN CHEVRON VIỆT NAM

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

Ngày có hiệu lực: 22 tháng 06 năm 2023

---

## HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG/CHẤT THẢI SỐ. CW1940839

Hợp đồng DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG/CHẤT THẢI ("Hợp đồng") ngày 22 tháng 6 năm 2023 ("Ngày có hiệu lực") là giữa Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam, có văn phòng tại Lô F4, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng, Việt Nam ("Công ty") và Công ty Cổ phần Hòa Anh, một công ty cổ phần, có văn phòng tại 37/33 Ngô Quyền, Phường Máy Chải, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng, Việt Nam ("Nhà thầu").

### HIỆP ĐỊNH

#### 1. ĐỊNH NGHĨA, GIẢI THÍCH VÀ TRIỂN LÃM

1.1 Định nghĩa. Trong Hợp đồng này, các từ hoặc cách diễn đạt viết hoa này có các nghĩa sau:

"Quy trình Nghiệm thu" có nghĩa là quy trình bằng văn bản của Nhà thầu áp dụng cho việc chấp nhận Chất thải của Công ty, một bản sao được đính kèm với Phụ lục F - Quy trình Nghiệm thu của Nhà thầu và Bảng Hồ sơ Chất thải của Máy phát điện.

"Đơn vị liên kết" có nghĩa là bất kỳ pháp nhân nào kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với, một pháp nhân khác. Một thực thể được coi là "kiểm soát" một thực thể khác nếu nó sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 50% cổ phần hoặc lợi ích có quyền biểu quyết.

"Luật Áp dụng" có nghĩa là bất kỳ luật, quy định, quy chế, bộ luật, quy tắc, lệnh, hướng dẫn, biên bản ghi nhớ, giấy phép, chính sách, giấy phép, chứng nhận, nghị định hoặc tiêu chuẩn nào có hiệu lực pháp luật hoặc biện pháp có hiệu lực pháp lý tương tự áp dụng cho Hợp đồng này.

"Khu vực hoạt động" có nghĩa là khu vực nằm trong tầm kiểm soát hoạt động của Công ty nơi Công việc được thực hiện, bao gồm như được mô tả trong bất kỳ Lệnh sản xuất nào và bất kỳ khu vực nào khác được xác định là Khu vực hoạt động trong Nguyên tắc HES.

"Khiếu nại" có nghĩa là bất kỳ khiếu nại, trách nhiệm pháp lý, tổn thất, yêu cầu, thiệt hại, chi phí, Quyền cầm giữ, nguyên nhân của hành động dưới bất kỳ hình thức nào, nghĩa vụ, yêu cầu, chi phí dọn dẹp, hình phạt, tiền phạt, lãi suất và phán quyết, và cho dù phát sinh bởi pháp luật, hợp đồng, sai lầm cá nhân (bao gồm cả sơ suất), giải quyết tự nguyện hoặc theo bất kỳ cách nào khác. Đối với các Khiếu nại bồi thường liên quan đến thiệt hại đối với Tài sản, "Khiếu nại" cũng bao gồm chi phí loại bỏ Tài sản bị mất hoặc bị hư hỏng.

"Ngày Khởi công" có nghĩa là ngày mà Nhà thầu phải bắt đầu Công việc như được nêu trong Lệnh Sản xuất.

"Công ty" được định nghĩa trong đoạn giới thiệu của Hợp đồng này. Khi đề cập đến Lệnh sản xuất, "Công ty" có nghĩa là Công ty hoặc Đơn vị liên kết của nó từ cùng một quốc gia được đặt tên là "Công ty" trong Lệnh sản xuất đó.

"Thiết bị của Công ty" có nghĩa là thiết bị hoặc vật liệu do Công ty cung cấp cho Nhà thầu để sử dụng cho Công trình.

"Nhóm Công ty" có nghĩa là Công ty, Đơn vị liên kết của Công ty, người được mời của Công ty, Chủ sở hữu lợi ích chung và các Đơn vị liên kết của họ, và các giám đốc, cán bộ và nhân viên trong ứng của họ (và không bao gồm các nhà thầu của Công ty và các nhà thầu phụ của họ, và các giám đốc, cán bộ và nhân viên trong ứng của họ).

IMPORTANT NOTICE: THIS CONTRACT CONTAINS PROVISIONS REGARDING INDEMNITIES AND WARRANTIES THAT EXPRESS THE AGREEMENT OF THE PARTIES CONCERNING CLAIMS ARISING OUT OF THIS CONTRACT.

The Parties have executed this Contract as evidenced by the following signatures of authorized representatives of the Parties:

COMPANY:  
CHEVRON LUBRICANTS VIETNAM  
LIMITED

Signature:



Name:

Title: Supply Chain Manager

CONTRACT NOTICES

Attention: Bui Van Tien

Email: buivantien@chevron.com

Facsimile: n/a

Address: Lot F4, Dinh Vu IZ, Dong Hai 2  
Ward, Hai An District, Hai Phong

CONTRACTOR:  
HOA ANH JOINT STOCK COMPANY



Name:

Nguyen Van Chin  
CHỦ TỊCH HĐQT

Title:

Nguyễn Văn Chin

CONTRACT NOTICES

Attention: Nguyen Van Chin

Email: congtycophanhoanh@gmail.com

Facsimile: n/a

Address: 37/33 Ngo Quyen street, May Chai  
Ward, Ngo Quyen District, Hai  
Phong

## PHỤ LỤC A – PHẠM VI CÔNG VIỆC

### 1. SCOPE CÔNG VIỆC

- 1.1 Nhà thầu sẽ cung cấp dịch vụ xử lý chất thải theo yêu cầu của Công ty vào từng thời điểm.  
1.2 Các loại Chất thải dự kiến sẽ bao gồm (nhưng không giới hạn) những điều sau đây:

- Dầu mùn cưa bị ô nhiễm
- Chất thải nhiễm dầu mềm (thùng carton, nilon)
- Chất thải nhiễm dầu cứng (trống phụ gia rỗng)
- Dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác
- Dầu vãi bị ô nhiễm
- Trống phụ gia rỗng
- Thùng / dầu chai bị ô nhiễm
- Sự pha trộn của dầu và nước từ nước dầu tách thiết bị
- Chất thải huỳnh quang
- Pin thải
- Bùn thải từ nước dầu tách thiết bị

### 2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Tất cả các lĩnh vực hoạt động sẽ được đặt tại Việt Nam.

### 3. PHẠM VI DỊCH VỤ

- 3.1 Nhà thầu sẽ cung cấp tất cả các Dịch vụ và tất cả các thiết bị, vật liệu và nhân sự cần thiết liên quan đến việc loại bỏ, thu gom, vận chuyển, xử lý, lưu trữ, xử lý và/hoặc tái chế Chất thải theo yêu cầu của Công ty, và các dịch vụ và thiết bị, vật liệu và nhân công đó sẽ bao gồm:

- a. cung cấp lao động, vật liệu, dụng cụ và thiết bị để thu gom và xử lý Chất thải, bao gồm chất thải nguy hại, đất và / hoặc nước bị ô nhiễm và các thùng phuy đã qua sử dụng, tất cả đều phù hợp với Đạo luật Y tế Công cộng Môi trường, Quy định về Sức khỏe Cộng đồng Môi trường (Chất thải Công nghiệp Độc hại), tuyên bố phương pháp đã được phê duyệt, đánh giá rủi ro / phân tích an toàn lao động (JSA) và tất cả các yêu cầu khác được nêu trong Hợp đồng;
- b. đảm bảo rằng Chất thải được xử lý đúng cách theo quy định của chính phủ trước khi xử lý tại các bãi chôn lấp / bãi rác được chính phủ phê duyệt;
- c. khảo sát các lĩnh vực hoạt động trước khi bắt đầu Dịch vụ;
- d. Nhân viên của Nhà thầu thu gom Chất thải từ các Khu vực Hoạt động phải đeo thiết bị bảo vệ cá nhân được chỉ định tuân thủ các yêu cầu của Chevron và đặc điểm kỹ thuật của Công ty. Nhà thầu sẽ thanh toán và cung cấp thiết bị đó trừ khi các Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản.

### 2. QUỐC GIA

Việt Nam

### 3. NGÀY HẾT HẠN

21 Tháng Sáu 2026

## KẾT THÚC PHỤ LỤC A

**PHỤ LỤC B – BỒI THƯỜNG**

**I. BỒI THƯỜNG**

I.1 Tổng số tiền bồi thường, N/A.

I.2 Basis of Compensation. The compensation payable by Company to Contractor for the performance of the Work is set out below. A price change may be made to a catalog that is administered in Company's electronic system as provided in Section 20.2 of this Contract (Cơ sở bồi thường. Khoản bồi thường mà Công ty phải trả cho Nhà thầu để thực hiện Công việc được nêu dưới đây. Việc thay đổi giá có thể được thực hiện đối với danh mục được quản lý trong hệ thống điện tử của Công ty như được quy định trong Mục 20.2 của Hợp đồng này)

No	Description/ Tên chất thải	State/Trạng thái	Trang	Khối lượng (kg/ tháng)	Unit Rates/ Đơn giá (VND/kg)
	Supply labor, materials, tools and equipment for the collection, treatment and disposal or return to Chevron (where applicable) of the following Waste all in accordance to the provisions of the Contract.				
1	Sawdust and cloth oil contaminated/ <i>Chất hấp thụ (Mùn cưa dính dầu); Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại</i>	Solid Rắn	18 02 01	260	6,000
2	Soft oil contaminated waste (carton, nylon)/ <i>Bao bì mềm thải (Giấy bì dính dầu, Nilong dính dầu)</i>	Solid Rắn	18 01 01	55	4,500
3	Hard oil contaminated waste (empty additive drum)/ <i>Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn (vỏ phụ phụ giá)</i>	Solid Rắn	18 01 02	5000	1,000
4	Pail/ bottle oil contaminated/ <i>Bao bì cứng thải bằng nhựa</i>	Solid Rắn	18 01 03	150	5,000
5	Solvents and other mix of waste solvents/ <i>Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải khác</i>	Liquid Lỏng	17 08 03	10	5,500
6	The mix of oil and water from oil water separated equipment/ <i>Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu nước</i>	Liquid Lỏng	17 05 04	60	3,000
7	Waste oil from oil water separated equipment/ <i>Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước</i>	Liquid Lỏng	17 05 05	45	3,000
8	Other types of waste oil/ <i>Các loại dầu thải khác</i>	Liquid Lỏng	17 07 03	30	3,000
9	The waste fluorescent and waste active glass/ <i>Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải</i>	Solid Rắn	16 01 06	0.5	6,000
10	The waste battery/ <i>Pin, ắc quy thải</i>	Solid Rắn	16 01 12	0.5	6,000
11	The waste mud from oil water separated equipment/ <i>Bùn thải từ thiết bị tách dầu/nước</i>	Mud Bùn	17 05 02	0.5	5,500
12	The waste of ink bottles/ <i>Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại</i>	Solid Rắn	08 02 04	0.5	5,500
13	Welded rods have heavy metals or hazardous components/ <i>Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại</i>	Solid Rắn	07 04 01	0.2	6,000

No	Description/ Tên chất thải	State/Trạng thái	Trang	Khối lượng (kg/ tháng)	Unit Rates/ Đơn giá (VND/kg)
14	Weld slag has heavy metals or hazardous components/ Xi hàn có các kim loại nặng hoặc các thành phần nguy hại	Solid Rắn	07 04 02	0.2	6,000
15	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải / Hazardous components removed from discarded equipment	Solid Rắn	19 02 06	TBA	6,000

**Ghi chú:**

- Giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- Giá trên dành cho MOQ > 1 tấn mỗi lần giao hàng / chuyển.
- Đối với MOQ ≤ 1 tấn mỗi lần giao hàng / chuyển đi sẽ tính thêm 2.500.000 đồng cho việc vận chuyển.
- Giá trên chưa bao gồm VAT

1.3 Chi phí đi lại. N/A.

1.4 Tiền tệ.

Đồng Việt Nam

1.5 Thanh toán hóa đơn của nhà thầu. Công ty sẽ thanh toán hóa đơn của Nhà thầu bằng một trong các phương thức sau:

(A) Công ty Cổ phần Hoa Anh Công ty sẽ thanh toán tiền cho Nhà thầu bằng cách chuyển tiền điện tử vào tài khoản của Nhà thầu như sau:

Bank Name: Vietnam commercial bank – Hai Phong branch

Address: 11st, Hoang Dieu street, Hong Bang district, Hai Phong, Vietnam

Account No.: 0031000053654

Account Name: Hoa Anh JSC

1.6 Địa chỉ nhận hóa đơn. Nhà thầu sẽ giao hóa đơn cho Công ty theo địa chỉ sau hoặc bằng phương thức điện tử theo chỉ dẫn của Công ty:

[buivantien@chevron.com](mailto:buivantien@chevron.com)

1.7 Số ngày thanh toán hóa đơn của công ty.

Tham khảo Hợp đồng

1.8 Số ngày giao hóa đơn theo nhà thầu.

Tham khảo Hợp đồng

1.9 Chương trình thanh toán tăng tốc. Chương trình thanh toán nhanh không áp dụng cho Hợp đồng này.

**2. KHÔNG THAY ĐỔI VỀ THUẾ HOẶC XUẤT NHẬP KHẨU**

2.1 Không có điều khoản nào của triển lãm này sẽ ảnh hưởng đến thuế hoặc nghĩa vụ xuất nhập khẩu, bao gồm các Mục 8 hoặc 9 của Hợp đồng này.

**KẾT THÚC PHỤ LỤC B**

bsi.



# Certificate of Registration

ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM - ISO 14001:2015

This is to certify that:

**CHEVRON LUBRICANTS VIETNAM LIMITED**

Block F4, Dinh Vu Economic Zone,  
Dong Hai 2 Ward, Hai An District,  
Hai Phong City,  
Vietnam

Holds Certificate Number:

**EMS 609869**

and operates an Environmental Management System which complies with the requirements of ISO 14001:2015 for the following scope:

**The Manufacture of Lubricants and Distribution of Lubricants, Greases.**

Michael Lam  
Managing Director Assurance, APAC

Original Registration Date: **2008-09-04**

Latest Revision Date: **2022-10-08**

Le Duyen Anh  
Managing Director Vietnam

Effective Date: **2022-12-17**

Expiry Date: **2025-12-16**



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract. An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/ClientDirectory](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory) or telephone +84 (28) 38 200 066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 14001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.  
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.  
Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.  
A member of the BSI Group of Companies.



CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN  
CHEVRON VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng ngày 01 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**THÀNH LẬP TỔ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU**

Căn cứ theo:

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu
- Yêu cầu của công tác phòng chống tràn dầu của Nhà máy

Giám đốc chuỗi cung ứng Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam quyết định:

Điều 1: Thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn dầu theo danh sách đính kèm.

Điều 2: Tổ ứng phó sự cố tràn dầu có trách nhiệm phổ biến hướng dẫn sử dụng các thiết bị chống tràn dầu tại Nhà máy và trực tiếp tham gia xử lý sự cố tràn dầu khi sự cố xảy ra trong Nhà máy.

Điều 3: Các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và có giá trị thay thế các quyết định trước đó về vấn đề này.

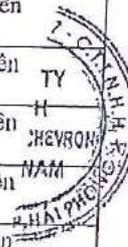


Giám đốc chuỗi cung ứng

VŨ ANH TUẤN

## DANH SÁCH

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI LÀM VIỆC	CHỨC DANH
1	Lưu Quốc Đại	1985	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội Trưởng
2	Dương Hoàng Hiệp	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội Phó
3	Vũ Tuấn Đạt	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
4	Dương Ngọc Tuấn	1981	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
5	Nguyễn Hoàng Tuấn	1980	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
6	Vũ Năng Việt	2000	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
7	Trần Minh Tâm	1970	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
8	Đào Xuân Thảo	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
9	Lê Minh Đức	1980	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
10	Vũ Năng Linh	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
11	Ngô Minh Đạo	1986	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
12	Tống Văn Tiến	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
13	Nguyễn Anh Tuấn	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
14	Mạc Minh Thiện	1981	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
15	Đào Nhật Nam	1995	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
16	Vũ Văn Lợi	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
17	Phạm Mạnh Liêm	1987	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
18	Trần Văn Minh	1990	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
19	Nguyễn Việt Quang	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên



CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN  
CHEVRON VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng ngày 15 tháng 03 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**THÀNH LẬP TỔ ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN HÓA CHẤT**

Căn cứ theo:

- Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Yêu cầu của công tác phòng chống tràn hóa chất của Nhà máy

Giám đốc chuỗi cung ứng Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam quyết định:

**Điều 1:** Thành lập Tổ ứng phó sự cố tràn hóa chất theo danh sách đính kèm.

**Điều 2:** Tổ ứng phó sự cố tràn hóa chất có trách nhiệm phổ biến hướng dẫn sử dụng các thiết bị chống tràn hóa chất tại Nhà máy và trực tiếp tham gia xử lý sự cố tràn hóa chất khi sự cố xảy ra trong Nhà máy.

**Điều 3:** Các Ông/Bà có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và có giá trị thay thế các quyết định trước đó về vấn đề này.



VŨ ANH TUẤN

## DANH SÁCH

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI LÀM VIỆC	CHỨC DANH
1	Hoàng Thị Thu Hà	1985	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Tổ Trưởng
2	Bùi Văn Tiến	1990	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Tổ Phó
3	Tô Kim Ngọc	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
4	Đông Duy Bình	1991	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên



CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN  
CHEVRON VIỆT NAM  
Số 003/CLVLHN2023 /QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

V/v: Thành lập Ban Chỉ huy PCCC

- Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PC&CC; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật PC&CC và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật PC&CC; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Căn cứ yêu cầu công tác phòng cháy và chữa cháy của văn phòng
- Căn cứ tình hình thực tế công tác PCCC tại văn phòng

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay thành lập ban chỉ huy PCCC công ty TNHH Dầu Nhờn Chevron Việt Nam – Nhà Máy Dầu Nhờn Chevron

Gồm có các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Vũ Anh Tuấn, Trưởng ban.
2. Ông Bùi Văn Tiến, Phó ban thường trực
3. Bà Lưu Quốc Đại, Ủy viên
4. Bà Lê Thị Thanh Giang, Ủy viên
5. Bà Đặng Quốc Bình, Ủy viên

**Điều 2:** Ban chỉ huy PCCC có nhiệm vụ

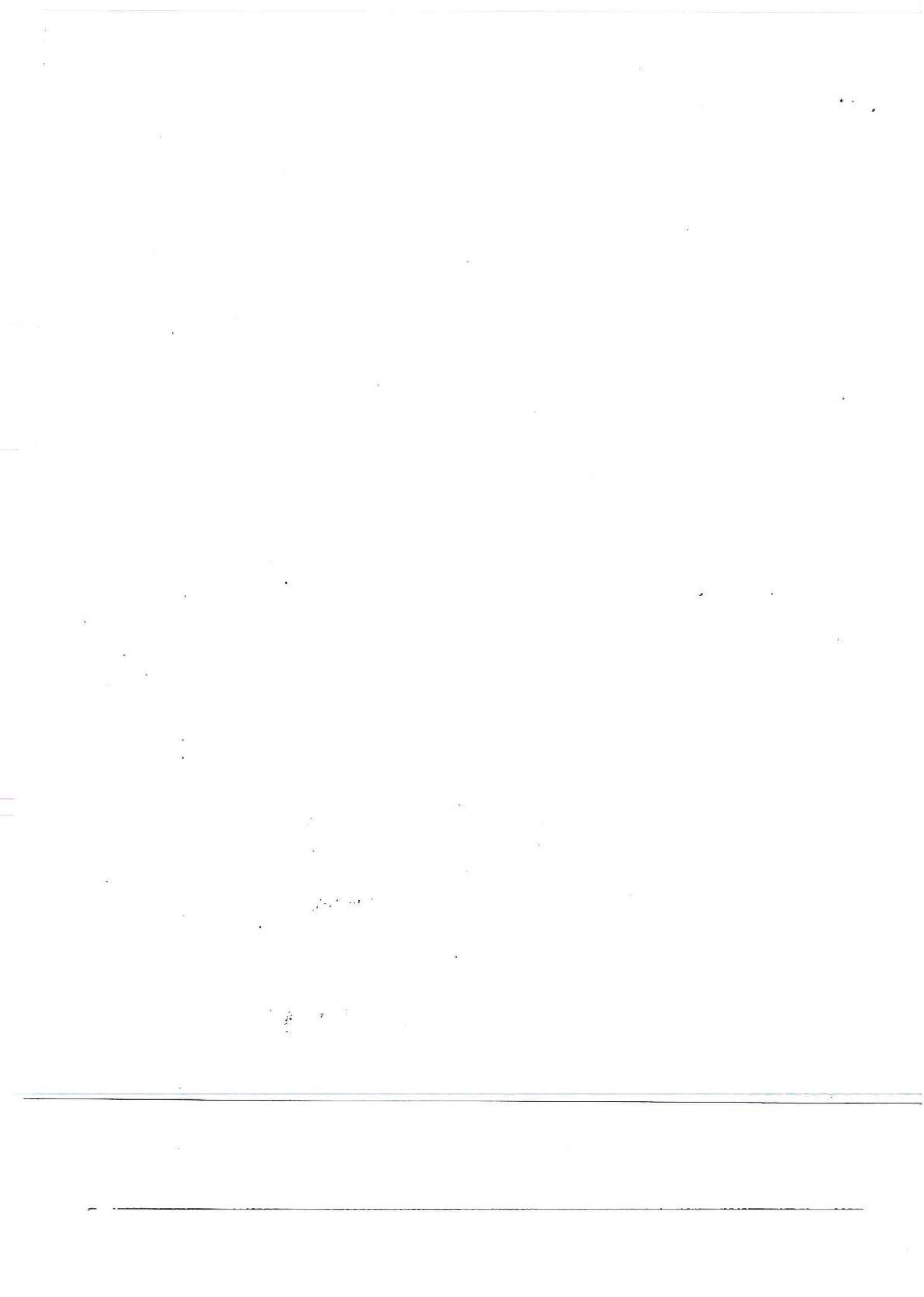
1. Đề xuất giám đốc ban hành các nội quy và biện pháp PCCC.
2. Tổ chức thực hiện các qui định, nội qui, điều kiện về đảm bảo an toàn biện pháp về PCCC.
3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC; huấn luyện nghiệp vụ PCCC; xây dựng phong trào quần chúng tham gia hoạt động PCCC; quản lý và duy trì hoạt động PCCC cơ sở./.

Nơi nhận :

- Ban chỉ huy PCCC;
- Lưu: Hồ sơ quản lý theo dõi hoạt động PCCC cơ sở.



GIÁM ĐỐC CHUỖI CUNG ỨNG  
Vũ Anh Tuấn



CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN  
CHEVRON VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 20/2023/QĐ-PCCC

Hải Phòng, ngày 01 tháng 11 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

Vv: Thành lập Đội phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ cơ sở

### CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN CHEVRON VIỆT NAM

- Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy (PCCC) năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ về công tác Cứu nạn cứu hộ (CNCH) của lực lượng PCCC;
- Căn cứ điều lệ hoạt động của Công ty.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Đội PCCC và CNCH của Công ty TNHH DẦU NHỜN CHEVRON VIỆT NAM như trong danh sách kèm Quyết định này:

Điều 2. Đội PCCC và CNCH có nhiệm vụ:

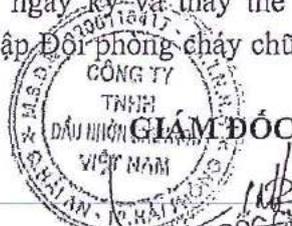
- Đề xuất, tham mưu việc ban hành nội quy an toàn về PCCC;CNCH.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC, Thực hiện kế hoạch huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC,CNCH trong công ty.
- Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC.
- Xây dựng kế hoạch và thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn cứu hộ, Tổ chức chữa cháy khi có cháy xảy ra trong phạm vi Công ty và tham gia chữa cháy tại các đơn vị khác khi có yêu cầu

Điều 3. Các bộ phận phòng ban có liên quan, các đội viên PCCC,CNCH có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 30/2021 /QĐ-PCCC về việc thành lập Đội phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ cơ sở.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Lưu Vp.



Vũ Anh Tuấn  
Vũ Anh Tuấn  
Vũ Anh Tuấn

## DANH SÁCH

*Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn*

(Kèm theo quyết định Số: 20/2023/QĐ-PCCC ngày 01 tháng 11 năm 2023)

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NOI LÀM VIỆC	CHỨC DANH
1	Bùi Văn Tiến	1990	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội Trưởng
2	Lưu Quốc Đại	1985	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội Phó
3	Vũ Tuấn Đạt	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
4	Dương Hoàng Hiệp	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
5	Dương Ngọc Tuấn	1981	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
6	Nguyễn Hoàng Tuấn	1980	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
7	Vũ Năng Việt	2000	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
8	Trần Minh Tâm	1970	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
9	Đào Xuân Thảo	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
10	Lê Minh Đức	1980	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
11	Vũ Năng Linh	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
12	Mai Thành Sáng	1984	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
13	Ngô Minh Đạo	1986	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
14	Tổng Văn Tiến	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
15	Nguyễn Anh Tuấn	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
16	Mạc Minh Thiện	1981	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
17	Đào Nhật Nam	1995	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
18	Vũ Văn Lợi	1982	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
19	Phạm Mạnh Liêm	1987	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
20	Trần Văn Minh	1990	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
21	Vũ Hoàng Cường	1991	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
22	Đặng Đình Trung	1992	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
23	Đông Duy Bình	1991	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
24	Phùng Quốc Tuấn	1993	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên
25	Phạm Quang Tùng	1989	Cty TNHH dầu nhờn Chevron	Đội viên



Vũ Anh Tuấn

Số.601.../TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 016/2023/CLVLHP/CV ghi ngày 12/11/2023 của Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật là ông: Nguyễn Đạt Phú; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP. HẢI PHÒNG  
CHỨNG NHẬN**

Công trình: Nhà máy dầu nhờn Chevron

(Xây dựng 01 nhà rác, điều chỉnh, bổ sung hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động của nhà kho thành phẩm, thay thế 01/03 bơm chữa cháy động cơ diesel bằng bơm chữa cháy động cơ điện)

Địa điểm xây dựng: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dầu nhờn Chervon Việt Nam.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng và Thiết bị phòng cháy chữa cháy Hưng Phát.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bậc chịu lửa; Bố trí công năng và hạng nguy hiểm cháy nổ (hạng C);
2. Đường giao thông phục vụ chữa cháy; Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Giải pháp ngăn cháy chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn;
4. Phương án chống sét (sử dụng hệ thống chống sét hiện trạng);
5. Giải pháp chống tụ khói (thông gió tự nhiên);
6. Hệ thống báo cháy tự động kho thành phẩm;
7. Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng bột kho thành phẩm (điều chỉnh);
8. Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC;
9. Phương tiện chữa cháy (phương tiện xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ).

Quy mô công trình, danh mục các tài liệu, bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC ghi tại trang 2./

Nơi nhận:

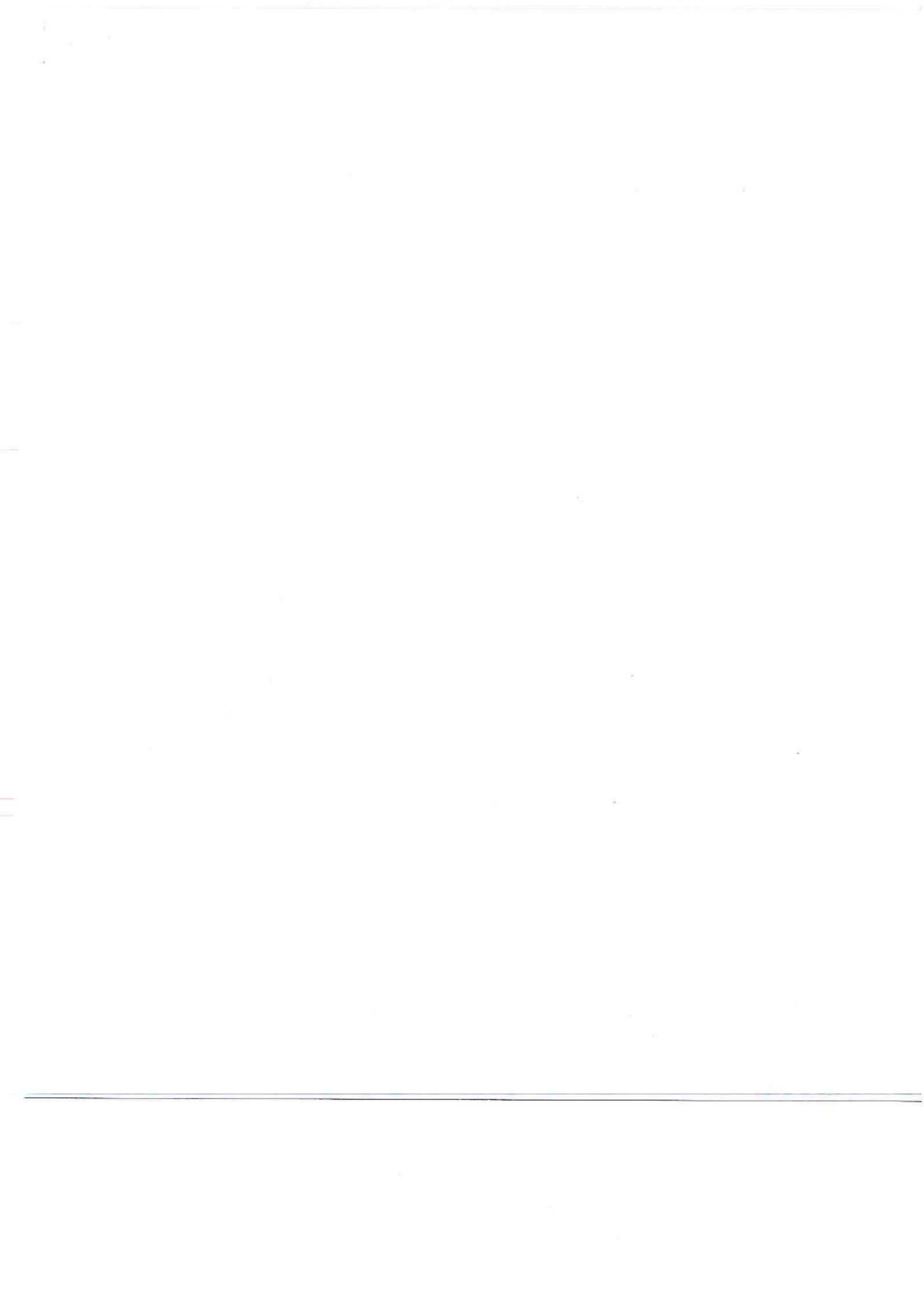
- Chủ đầu tư;
- Lưu: PC07 (Đ2).

Hải Phòng, ngày 28. tháng 11.. năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG**



Đại tá Hoàng Văn Bình



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hải Phòng, ngày 25 tháng 9 năm 2014*

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

**V/v: Trục ứng phó sự cố tràn dầu cho Nhà máy pha chế dầu nhờn Chevron**  
**Hải Phòng của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam**  
Số: *25.9.14*/HĐDV-128/CHEVRON/2014

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11, ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11, ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 80/2006/NĐ-CP, ngày 09/08/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Quyết định số 02/2013/QĐ-TTg ngày 14/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;
- Căn cứ Thông tư số 2262/TT-MTg, ngày 29/12/1995 của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường về việc “Hướng dẫn khắc phục sự cố tràn dầu”;
- Căn cứ Quyết định thành lập Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc số 112/2005/QĐ-BQP, ngày 01/08/2005 của Bộ Quốc phòng;
- Căn cứ chức năng quyền hạn của Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc thuộc Công ty TNHH Một thành viên 128 và nhu cầu của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam,

*Hôm nay, ngày tháng 9 năm 2014, tại Công ty TNHH Một thành viên 128, chúng tôi*  
*gồm:*

**1. Đơn vị cung cấp dịch vụ: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 128**  
(gọi tắt là Bên A)

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 0200145316 đăng ký lần đầu ngày 12/10/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 20/11/2012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh/Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

- Điện thoại: 031.3741464 - 3978386. - Fax: 031.3766191.

- Tài khoản số: 2511100015007 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng.

- Mã số thuế: 0200145316.

- Đại diện là Ông: Nguyễn Hải An

- Chức vụ: Giám đốc Công ty.

**2. Đơn vị sử dụng dịch vụ: CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM (gọi tắt là Bên B)**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại: 0313.769.010 - Fax: 0313.769.011.

- Tài khoản số: 0200163028.

- Mở tại: Ngân hàng Citibank Hà Nội, Swift code: CITIVNCX.

- Mã số thuế: 0200115417.

- Đại diện là Ông: Nguyễn Đạt Phú - Chức vụ: Giám đốc chuỗi cung ứng, theo Giấy ủy quyền số 02/2014/POA-CLVL do Tổng Giám đốc ký ngày 12/8/2014.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 022043000046, chứng nhận đăng ký lại ngày 30/6/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 10/12/2012 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

*Sau khi đàm phán, thỏa thuận các bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc trực ứng phó sự cố tràn dầu với các điều kiện và điều khoản như sau:*

**Điều 1. Đối tượng Hợp đồng**

- Bên B đồng ý giao cho Bên A thực hiện công tác trực ứng phó sự cố tràn dầu bằng các phương tiện tàu thuyền, thiết bị, xe máy tại Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc (Đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam) sẵn sàng cho công tác ứng phó sự cố tràn dầu cho Bên B.

- Khi có sự cố tràn dầu xảy ra tại cơ sở của Bên B. Bên B phải có yêu cầu ứng cứu. Nội dung và khối lượng công việc được thực hiện theo quy mô thực tế, tính chất của sự cố tràn dầu và ký Hợp đồng phát sinh (nếu có).

- Vị trí của Bên B: Nhà máy pha chế dầu nhờn Chevron Hải Phòng - Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

**Điều 2. Cam kết và hiệu lực của Hợp đồng**

- Hợp đồng này là cơ sở để hai bên làm các thủ tục pháp lý tiếp theo khi có sự cố thực tế xảy ra để ký phụ lục hoặc Hợp đồng bổ sung.

- Thời hạn Hợp đồng: từ ngày 01 tháng 10 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2015.

- Thời gian tính phí: từ ngày 01/10/2014.

- Kết thúc Hợp đồng hai bên sẽ bàn để ký gia hạn hoặc thanh lý và ký Hợp đồng mới.

**Điều 3. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán**

3.1. Phí trực ứng phó định kỳ hàng tháng là: 18.000.000 đồng/tháng (Mười tám triệu đồng - đã bao gồm thuế GTGT).

3.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ điều chỉnh phí trực ứng phó sự cố tràn dầu khi có sự thay đổi về chính sách tiền lương, giá nhiên liệu, trượt giá theo quy định chung của Pháp luật Nhà Nước thì hai bên tiến hành đàm phán và ký Phụ lục hợp đồng kèm theo Hợp đồng chính.

3.3. Chi phí thực tế khi xảy ra sự cố tràn dầu đối với đơn vị sử dụng dịch vụ thì Bên A sẽ ký một Hợp đồng cụ thể với đơn vị. Các chi phí phát sinh sẽ do đơn vị chịu trách nhiệm thanh toán tổng chi phí từng sự cố mà đơn vị gây ra.

3.4. Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam.

3.5. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3.6. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền phí trực ứng phó sự cố tràn dầu 03 tháng một lần (01 quý), trả trước ngày mùng 05 trong tháng đầu của quý đó cho Bên A.

#### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

##### 4.1. Quyền và nghĩa vụ Bên A

- Hàng ngày duy trì theo dõi phối hợp với Bên B để làm tốt công tác theo dõi các nguy cơ có thể xảy ra sự cố tràn dầu tại *Nhà máy pha chế dầu nhờn Chevron Hải Phòng Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam* và làm tốt công tác ứng trực chuẩn bị sẵn sàng phương tiện tàu thuyền, thiết bị, xe máy phục vụ cho việc giải quyết bước đầu ở cấp cơ sở khi có sự cố tràn dầu xảy ra với thời gian cấp cứu nhanh nhất. Số điện thoại của Bên B để liên lạc:

+ Người đại diện 1 Ông: Nguyễn Đạt Phú Chức vụ: Giám đốc chuỗi cung ứng

Số di động: 0913209271

Fax: 0313.769.010

+ Người đại diện 2 Ông: Lưu Quốc Đại Chức vụ: Chuyên viên an toàn

Số di động: 0988521012

Fax: 0313.769.010

- Bên A chuẩn bị đầy đủ phương tiện, nhân lực túc trực tại Văn phòng Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc sẵn sàng ứng cứu khi sự cố tràn dầu xảy ra và khi có yêu cầu. Đảm bảo ứng cứu sự cố tràn dầu kịp thời, hiệu quả.

- Làm thủ tục thanh quyết toán theo nội dung của Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký với Bên B. Xuất hoá đơn, chứng từ cho các dịch vụ đã cung cấp cho Bên B để Bên B làm thủ tục thanh toán.

- Được quyền yêu cầu Bên B cung cấp thông tin về con người phương tiện, chủng loại, số lượng hàng hóa và những nội dung liên quan đến công việc thực hiện tại khu vực của Bên B để Bên A chủ động trong công tác ứng phó.

##### 4.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Hàng ngày cung cấp đầy đủ thông tin việc các phương tiện ra vào cảng: tên tàu/sàlan, trọng tải, hàng hóa vận chuyển, số lượng thuyền viên, vị trí và khả năng có thể xảy ra sự cố tràn dầu tại cảng của Bên B để Bên A sẵn sàng trang thiết bị, tàu thuyền và nhân lực ứng phó kịp thời với các sự cố. Liên lạc với Bên A thông qua địa chỉ dưới đây:

+ Tel: Văn phòng Trung tâm: 0313.614580 hoặc

Phó Giám đốc kỹ thuật: 0313.766298

+ Fax: 0313.766191 (Văn thư).

- Thường xuyên trao đổi thông tin cho nhau về những nội dung cần thiết liên quan đến công tác trực ứng phó sự cố tràn dầu lúc 08h và 16h trong ngày.

##### Ban Giám đốc Trung tâm:

+ Đ/c Nguyễn Hải An - Giám đốc; DD: 0989.546128

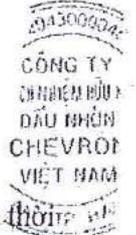
+ Đ/c Đinh Bằng Sắt - Phó Giám đốc thường trực; DD: 0972.058562.

+ Đ/c Trần Văn Ninh - Phó Giám đốc Kỹ thuật; DD: 0983.623716.

- Khi có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu, Bên B phải thông báo cho Bên A biết kịp thời để chuẩn bị thiết bị, phương tiện và lực lượng tham gia ứng cứu.

- Ký Phụ lục hợp đồng triển khai ứng cứu sự cố tràn dầu với Bên A khi có sự cố tràn dầu thực tế xảy ra.

- Chủ động phối hợp cùng với Bên A trong quá trình triển khai thực hiện ứng cứu sự cố tràn dầu tại hiện trường khi có sự cố tràn dầu thực tế xảy ra. Tạo mọi điều kiện thuận lợi,



phối hợp, hỗ trợ về lực lượng ứng cứu trong quá trình triển khai thực hiện ứng cứu sự cố tràn dầu tại hiện trường.

- Thanh toán các khoản chi phí do Bên A cung cấp dịch vụ cho Bên B theo đúng Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã ký.

- Cử cán bộ, nhân viên tham gia các lớp tập huấn do Bên A tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ xử lý các tình huống khi có sự cố tràn dầu xảy ra.

**Điều 5. Ngôn ngữ Hợp đồng:** Tiếng Việt và tiếng Anh. Khi xảy ra tranh chấp sẽ được lựa chọn bằng tiếng Việt.

**Điều 6: Bất khả kháng**

- Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị sự kiện bất khả kháng phải có nghĩa vụ sau:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra không muộn hơn 07 ngày (bảy ngày), kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng thì thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng của sự kiện đó không thể thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

**Điều 7. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp**

- Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thoả thuận thống nhất giữa các bên thì đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Hải Phòng để giải quyết, toàn bộ chi phí xét xử do bên thua chịu.

- Quyết định của Tòa án mang tính chung thẩm và có giá trị ràng buộc các bên thi hành. Trong thời gian Tòa án thụ lý và chưa đưa ra phán quyết, các bên vẫn phải tiếp tục thi hành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo thoả thuận tại Hợp đồng này.

**Điều 8. Tạm dừng và sửa đổi Hợp đồng**

**8.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng khi**

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra.

- Các trường hợp bất khả kháng gây ra, đơn phương chấm dứt Hợp đồng và các trường hợp khác do hai bên thoả thuận: Một bên có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo, mà tự ý tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

- Thời gian và mức bồi thường thiệt hại ứo phải tạm dừng Hợp đồng do các bên tự thoả thuận nhưng không được trái với quy định của pháp luật hiện hành.

**8.2. Việc Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng được thực hiện trong các trường hợp sau**

- Khi giá nhiên liệu, nhân công, tiền lương được điều chỉnh theo quy định của pháp luật nhà nước hiện hành.

- Việc thực hiện công việc ứng trực cần thiết phát sinh một số khoản chi phí hợp lý để duy trì bộ máy làm việc trực ứng phó sự cố tràn dầu tại văn phòng.

- Khi cần thay đổi về điều kiện làm việc cũng như công tác phối hợp trực ứng phó sự cố tràn dầu để đảm bảo công tác trực và thông tin thông suốt.

- Khi thay đổi các thông tin về doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp.

#### **Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng**

*Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau*

9.1. Hợp đồng đã hoàn thành mà hai bên không có khiếu nại gì.

9.2. Sự kiện bất khả kháng làm ảnh hưởng đến các bên tham gia Hợp đồng làm một trong hai bên hoặc cả hai bên không có khả năng tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này.

9.3. Vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này mà do lỗi cố ý của bên vi phạm.

9.4. Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ các hoạt động ghi trong Hợp đồng này (do hoạt động trong Hợp đồng vi phạm pháp luật).

#### **Điều 10. Bảo hiểm**

Bên A có trách nhiệm mua bảo hiểm cho phương tiện, thiết bị tham gia ứng phó sự cố tràn dầu và bảo hiểm tai nạn đối với người lao động, thuộc quyền quản lý của Bên A, bảo hiểm thuyền viên, bảo hiểm trách nhiệm dân sự.

#### **Điều 11. Các điều khoản chung**

11.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký, không bên nào được đơn phương thay đổi, chấm dứt Hợp đồng mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia (trừ các quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này).

11.2. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng này.

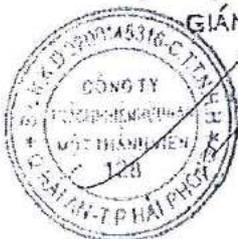
11.3. Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng này sẽ được các bên giải quyết trên tinh thần hợp tác và thương lượng.

11.4. Hợp đồng này là toàn bộ thỏa thuận giữa các bên liên quan đến đối tượng của Hợp đồng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ của các bên.

11.5. Hợp đồng này gồm 11 Điều, 05 trang và được làm thành 06 bản, Bên A 04 bản, Bên B 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Các bản Phụ lục, sửa đổi bổ sung là một phần không tách rời của Hợp đồng này, các bên có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết trong các Phụ lục sửa đổi bổ sung./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

GIÁM ĐỐC



**Đại tá Nguyễn Hải An**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



GIÁM ĐỐC CHUỐI CUNG LÙNG

**Nguyễn Đạt Phú**

---

4064

1

---



Ngày 29/9/2021

Công ty TNHH Một Thành viên 128  
Đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Người nhận: Ông Nguyễn Hải An

Kính gửi Ông Nguyễn Hải An

## GIA HẠN VÀ SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

- Chúng tôi dẫn chiếu đến Hợp Đồng Dịch Vụ đề ngày 25 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty TNHH Dầu Nhớt Chevron Việt Nam và Công ty TNHH Một Thành viên 128 (Hợp Đồng Tham Chiếu Số 1375/HĐDV-128/CHEVRON/2014 được sửa đổi bằng Thư sửa đổi đề ngày 23 tháng 6 năm 2015, Thư sửa đổi đề ngày 25 tháng 9 năm 2017, Thư sửa đổi đề ngày 18 tháng 9 năm 2018 và Thư sửa đổi đề ngày 1 tháng 7 năm 2020 ("Hợp Đồng").
- Chúng tôi viết Thư này để xác nhận việc chúng tôi đồng ý với các điều khoản sau:
  - Gia Hạn Thời Hạn:** Thời hạn của Hợp Đồng sẽ được gia hạn thêm một khoảng thời gian ba (3) năm tính từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 và hết hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2024, với cùng các điều khoản và điều kiện được quy định trong Hợp Đồng.
  - Phương thức thanh toán:** Điều 3.6 được xóa bỏ và thay thế bằng Điều 3.6 mới dưới đây:

"3.6. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán tiền phí trực ứng phó sự cố tràn dầu hàng quý. Cuối mỗi quý, Bên A gửi cho Bên B hóa đơn tiền phí trực ứng phó sự cố tràn dầu của quý đó. Bên B sẽ thanh toán trong vòng 20 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn của Bên A."
  - Điều 4. Khoản 4.1. Quyền và Nghĩa vụ của Bên A được bổ sung thêm nội dung dưới đây:

"Bên A sẽ

(A) thông báo trước trong một khoảng thời gian hợp lý cho Bên B về tên của bất kỳ nhà cung cấp phụ, giám đốc, cán bộ, nhân viên, và những nhân sự nào khác của Bên A hoặc của các Công Ty Liên Kết của Bên A có liên quan đến các dịch vụ được thực hiện theo Hợp Đồng này, mà có thể là:

(1) mục tiêu của, hoặc được sở hữu bởi hoặc chịu sự kiểm soát của bất kỳ quốc gia, thể chế, tổ chức, pháp nhân hoặc cá nhân là mục tiêu của các biện pháp trừng phạt về kinh tế, hoặc các hạn chế về thương mại khác (nhập khẩu hoặc xuất khẩu) do chính phủ Hoa Kỳ hoặc Liên Minh Châu Âu áp dụng; hoặc

(2) bị cấm hoặc bằng cách khác bị loại bỏ hoặc bị tuyên bố là không đủ tư cách để tham gia vào các hợp đồng của chính phủ Hoa Kỳ hoặc các hợp đồng, các khoản trợ cấp và các chương trình khác do chính phủ Hoa Kỳ tài trợ toàn bộ hoặc một phần; và

(B) bảo đảm rằng mình không cung cấp bất kỳ Sản Phẩm nào được mua từ bất kỳ pháp nhân hoặc cá nhân nào đang chịu các biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ hoặc có nguồn gốc từ hay được vận chuyển qua một quốc gia đang chịu các biện pháp trừng phạt toàn diện về thương mại của Hoa Kỳ.

Công ty TNHH Dầu nhớt Chevron Việt Nam  
Lô F4, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, Việt Nam  
Điện thoại: 0225 3769 010





3. (Các) Sửa đổi đề cập tại mục 2 nêu trên có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021.
4. Ngoài sửa đổi nêu trên, tất cả các điều khoản, điều kiện được quy định trong Hợp Đồng sẽ không thay đổi, vẫn có đầy đủ hiệu lực; và các quy định của Thư này được coi là một phần cấu thành Hợp Đồng như thể nó là một phần của các quy định ban đầu.
5. Trong Thư này, tất cả các điều khoản được định nghĩa và tất cả các quy tắc diễn giải được quy định trong Hợp Đồng đều được áp dụng (trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi khác đi).
6. Đề nghị xác nhận sự đồng ý của Ông/Bà đối với những điều khoản của thư này bằng cách ký vào phần thừa nhận và đồng ý của thư này dưới đây (cả 2 bản) và gửi lại một (01) bản của thư này, đã được Ông/Bà ký một cách hợp lệ, cho chúng tôi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày đề trong thư này.

Trân trọng,



Tên: Vũ Anh Tuấn  
Người đại diện: Ông Chuỗi Cung Ứng  
Thay mặt  
Công ty TNHH Dầu Nhòn Chevron Việt Nam

### THỪA NHẬN VÀ ĐỒNG Ý

Kính gửi: Công ty TNHH Dầu Nhòn Chevron Việt Nam

Công ty TNHH Một Thành viên 128 tại đây đồng ý với những điều khoản được quy định trong thư này.



Đại tá Nguyễn Hải An

Tên: Nguyễn Hải An  
Người đại diện: Giám Đốc  
Thay mặt  
Công ty TNHH Một Thành viên 128  
Ngày:



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admth@hacem.com.vn

Số: 77.../2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu nước thải. Date of sampling : 17/02/2022

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 17-27/02/2022

Địa điểm lấy mẫu/  
Place of sample : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	0217231
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	0217232

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày ... tháng 3... năm 2022.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa chỉ: 275 Lạch Tray - Ngõ Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: odum@hacem.com.vn

Số: .../2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				0217231	0217232	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,18	7,27	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(*)</sup>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	37,5	(-)	500
3	COD <sup>(*)</sup>	SMEWW 5220D:2017	mg/l	143,3	58,8	500
4	Chất rắn lơ lửng <sup>(*)</sup>	SMEWW 2540D:2017	mg/l	13,7	21,2	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0033	0,0047	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL = 0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,00006mg/l	mg/l	ND	ND	0,1
9	Tổng phenol <sup>(*)</sup>	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,043	0,048	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,44	0,54	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,76	(-)	30
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	8,5	(-)	10
13	Tổng nitơ <sup>(*)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/l	15,0	(-)	40
14	Tổng photpho (tính theo P) <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	0,69	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	14x10 <sup>2</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.

<sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory-developed methods. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 4.6.../2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu khí thải. Date of sampling : 17/02/2022

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 17-26/02/2022

Địa điểm lấy mẫu/ Địa điểm lấy mẫu/  
Place of sample : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thời tiết/ Thời tiết/  
Weather : Nhiệt độ trung bình 19,0 °C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 87,0%.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1.	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KTI)	0217230

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày ..../ tháng ..../ năm 2022.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Addr: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/fac (84-225)3733.493; Email: admin@hocem.com.vn

Số: 76.../2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ , $K_y = 1,0$ )
				0217230	
1	Lưu lượng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 2	$m^3/h$	3134	-
2	Bụi tổng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 5	$mg/Nm^3$	70	200
3	Carbon monoxit, CO <sup>(**)</sup>	TCVN 7242:2003	$mg/Nm^3$	580	1000
4	Lưu lượng lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> <sup>(**)</sup>	US EPA Method 8	$mg/Nm^3$	320	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(**)</sup>	TCVN 7172:2002	$mg/Nm^3$	170	850

US EPA: US Environmental Protection Agency.

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

(\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Công ty Cổ phần quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory - developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 575/2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/ : Mẫu nước thải. : 15/6/2022  
Name of sample : Date of sampling  
Tên khách hàng/ Ngày phân tích/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron : 15-30/6/2022  
Name of clients : Việt Nam. Date of test  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hồ ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	06151168
2	Mẫu nước thải tại hồ ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	06151169

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 05 tháng 7 năm 2022.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory--developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 575/2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				06151168	06151169	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,72	7,38	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(*)</sup>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	17,5	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	48,2	12,7	500
4	Chất rắn lơ lửng <sup>(*)</sup>	SMEWW 2540D:2017	mg/l	16,1	13,6	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0030	0,0041	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL = 0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chl	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,024	0,012	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0001	0,0001	0,1
9	Tổng phenol <sup>(*)</sup>	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,048	0,053	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,39	0,30	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,49	(-)	30
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	9,9	(-)	10
13	Tổng nitơ <sup>(*)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/l	14,3	(-)	40
14	Tổng phot pho (tính theo P) <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	0,78	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	28x10 <sup>2</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.
- <sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Địa: 275 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 573/2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu khí thải. Ngày lấy mẫu/ : 15/6/2022  
Name of sample : Mẫu khí thải. Date of sampling : 15/6/2022  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 15-22/6/2022  
Name of clients : Việt Nam. Date of test : 15-22/6/2022  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 33,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 80,0%.  
Weather : Nhiệt độ trung bình 33,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 80,0%.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	06151166

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 05 tháng 7 năm 2022.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 273 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: odshh@hacem.com.vn

Số: 573/2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$ )
				06151166	
1	Lưu lượng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	1.628	-
2	Bụi tổng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	7,62	200
3	Carbon oxit, CO <sup>(**)</sup>	PPNB 07	mg/Nm <sup>3</sup>	317,98	1.000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> <sup>(**)</sup>	PPNB 06	mg/Nm <sup>3</sup>	<2,62	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(**)</sup>	PPNB 08	mg/Nm <sup>3</sup>	1,87	850

US EPA: US Environmental Protection Agency.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Công ty Cổ phần kỹ thuật và phân tích môi trường.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 875 /2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu nước thải. Date of sampling : 09/9/2022

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 09-19/9/2022

Địa điểm lấy mẫu/  
Place of sample : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	09091554
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	09091555

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lạc Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: ndanlu@hacem.com.vn

Số: 875 /2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				09091554	09091555	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,78	7,55	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	22,2	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	24,8	37,2	500
4	Chất rắn lơ lửng (*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	16,1	10,1	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0036	0,0028	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL=0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0072	0,0065	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,0004	0,00008	0,1
9	Tổng phenol (*)	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,054	0,042	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,44	0,31	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,72	(-)	30
12	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	7,9	(-)	10
13	Tổng nitơ (*)	TCVN 6638:2000	mg/l	22,4	(-)	40
14	Tổng phốt pho (tính theo P) (*)	SMEWW 4500P.B&B:2017	mg/l	1,0	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	35x10 <sup>2</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.

<sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhớt Chevron-Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Addr: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 874 /2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu khí thải. Ngày lấy mẫu/ : 09/9/2022  
Name of sample : Mẫu khí thải. Date of sampling : 09/9/2022  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 09-19/9/2022  
Name of clients : Việt Nam. Date of test : 09-19/9/2022  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 29,5 °C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 80,0%.  
Weather : Nhiệt độ trung bình 29,5 °C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 80,0%.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	09091553

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HAIACEM

Add: 275 Lạc Trôi - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 874 /2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$ )
				09091553	
1	Lưu lượng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	1.560	-
2	Bụi tổng <sup>(**)</sup>	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	8,2	200
3	CO <sup>(**)</sup>	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	58,14	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> <sup>(**)</sup>	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	39,3	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) <sup>(**)</sup>	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	54,52	850

- US EPA: US Environmental Protection Agency.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HAIACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HAIACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Loch Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1219 /2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu nước thải. Date of sampling : 23/11/2022

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 23/11-06/12/2022

Địa điểm lấy mẫu/  
Place of sample : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	11232089
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	11232090

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2022.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (//) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3731-493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1219 /2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				11232089	11232090	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,81	7,55	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	27,5	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	58,3	23,3	500
4	Chất rắn lơ lửng (*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	30,7	26,1	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0027	0,0033	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL=0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017 MDL=0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017 MDL=0,00006mg/l	mg/l	ND	ND	0,1
9	Tổng phenol (*)	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,048	0,038	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,44	0,32	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,50	(-)	30
12	Amoni (tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	4,9	(-)	10
13	Tổng nitơ (*)	TCVN 6638:2000	mg/l	26,3	(-)	40
14	Tổng phốt pho (tính theo P) (*)	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	0,91	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	7x10 <sup>2</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.
- <sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhớt Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Addr: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1217 /2022/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu khí thải. Ngày lấy mẫu/ : 23/11/2022  
Name of sample : Mẫu khí thải. Date of sampling : 23/11/2022  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 23/11-  
Name of clients : Việt Nam. Date of test : 06/12/2022  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 28,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 70,0%.  
Weather : Nhiệt độ trung bình 28,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 70,0%.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	11232087

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 07 tháng 12 năm 2022.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Leich Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.193; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1217 /2022/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$ )
				11232087	
1	Lưu lượng(**)	US EPA Method 2	$m^3/h$	1.510	-
2	Bụi tổng(**)	US EPA Method 5	$mg/Nm^3$	11	200
3	CO (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	43,32	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	55,02	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	71,44	850

- US EPA: US Environmental Protection Agency.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, đối với bụi và các chất vô cơ.
- (\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 85 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu nước thải. Ngày lấy mẫu/ : 13/3/2023  
Name of sample : ..... Date of sampling : .....  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 13-22/3/2023  
Name of clients : Việt Nam. Date of test : .....  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	0313213
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải lần đầu, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	0313214

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-- developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lech Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3233.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 85 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				0313213	0313214	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,73	7,35	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(*)</sup>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	21,8	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	57,5	37,8	500
4	Chất rắn lơ lửng <sup>(*)</sup>	SMEWW 2540D:2017	mg/l	17,1	14,5	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0029	0,0031	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL=0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017 MDL=0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017	mg/l	0,00013	0,00035	0,1
9	Tổng phenol <sup>(*)</sup>	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,053	0,039	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,38	0,56	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,39	(-)	30
12	Amoni <sup>(*)</sup> (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	8,4	(-)	10
13	Tổng nitơ <sup>(*)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/l	12,8	(-)	40
14	Tổng phốt pho (tính theo P) <sup>(*)</sup>	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	2,1	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	1300	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.
- <sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhớt Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (†) Phương pháp do P17N xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 273 Leach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 84 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu khí thải. Ngày lấy mẫu/ : 13/3/2023  
Name of sample : Date of sampling  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 13-20/3/2023  
Name of clients : Việt Nam. Date of test  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 21,5°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 68,0%.  
Weather :

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	0313212

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 23 tháng 3 năm 2023.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Tùng

Đàm Văn Quỳnh

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Lạc Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225) 3733.493; Email: aduh@hacem.com.vn

Số: 84 /2023/KQQT

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**  
**RESULTS OF ANALYSIS**

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- C <sub>ti</sub> B ( $K_p = 1,0$ , $K_v = 1,0$ )
				0313212	
1	Lưu lượng(**)	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	1.461	-
2	Bụi tổng(**)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	33	200
3	CO (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	27,36	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	52,4	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (**)	CEC.QTMT.KT-06 <sup>(#)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	94,0	850

US EPA: US Environmental Protection Agency.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lạc Trú - Ngõ Quyvin - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225) 3733-493; Email: ocdm@hacem.com.vn

Số: 354 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu khí thải. Date of sampling : 08/6/2023

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 08-19/6/2023

Địa điểm lấy mẫu/ Địa điểm lấy mẫu/  
Place of sample : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thời tiết/ Thời tiết/  
Weather : Nhiệt độ trung bình 32,5°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 70,0%.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	0608594

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Tùng



Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lạch Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 354 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ , $\gamma_v = 1,0$ )
				0608594	
1	Lưu lượng(**)	US EPA Method 2	$m^3/h$	2092,0	-
2	Bụi tổng(**)	US EPA Method 5	$mg/Nm^3$	32,0	200
3	Carbon oxit, CO (**)	CEC.QTMT.KT- 06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	18,24	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub> (**)	CEC.QTMT.KT- 06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	15,72	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ) (**)	CEC.QTMT.KT- 06 <sup>(#)</sup>	$mg/Nm^3$	31,02	850

- US EPA: US Environmental Protection Agency.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (\*\*): thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường - CEC.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory— developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

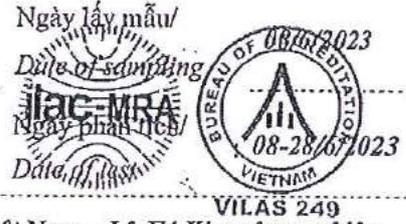


Addr: 275 Lạc Trú - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225) 3733.493; Email: ndaht@hacem.com.vn

Số: 356 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu nước thải.  
Name of sample :  
Tên khách hàng/ Công ty TNHH dầu nhờn Chevron  
Name of clients : Việt Nam.  
Địa điểm lấy mẫu/ Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.



TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	0608596
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối (nước lẫn dầu), trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	0608597

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiên Tùng



Đàm Văn Quỳnh

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: udahu@hacem.com.vn

Số: 356 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				0608596	0608597	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,84	7,73	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) (*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	22,8	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2017	mg/l	46,8	13,3	500
4	Chất rắn lơ lửng (*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	37,1	20,3	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2017	mg/l	0,0035	0,0039	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2017 MDL = 0,00016mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2017 MDL = 0,00006mg/l	mg/l	ND	ND	0,1
9	Tổng phenol (*)	SMEWW 5530B&D:2017	mg/l	0,049	0,045	0,5
10	Tổng dầu mỡ khóáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,48	0,52	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	0,32	(-)	30
12	Amoni (tính theo N) (*)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	4,9	(-)	10
13	Tổng nitơ (*)	TCVN 6638:2000	mg/l	12,3	(-)	40
14	Tổng phốt pho (tính theo P) (*)	SMEWW 4500P.B&E:2017	mg/l	0,75	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	5x10 <sup>3</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.
- <sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Loch Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/fax (84-225)3733-493; Email: aduain@hacem.com.vn

Số: 687 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/  
Name of sample : Mẫu nước thải. Date of sampling : 26/9/2023

Tên khách hàng/ Ngày phân tích/  
Name of clients : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam. Date of test : 26/9-  
Việt Nam. 09/10/2023

Địa điểm lấy mẫu/ Place of sample : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp  
Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	09261232
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải lần đầu, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	09261233

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 09 tháng 10 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Trần Minh Tuấn

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lach Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 687 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				09261232	09261233	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	8,02	7,65	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	1,1	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2023	mg/l	17,5	19,9	500
4	Chất rắn lơ lửng	SMEWW 2540D:2023	mg/l	10,3	10,0	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2023 MDL = 0,0032mg/l	mg/l	ND	0,0032	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2023 MDL = 0,00032mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0036	0,0033	0,1
9	Tổng phenol	SMEWW 5530B&D:2023	mg/l	0,045	0,049	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,52	0,72	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,42	(-)	30
12	Amoni <sup>(*)</sup> (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	7,8	(-)	10
13	Tổng nitơ <sup>(*)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/l	11,2	(-)	40
14	Tổng photpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&E:2023	mg/l	1,3	(-)	6
15	Coliform	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100ml	7800	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- ND: Không phát hiện/ Not detected.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.

<sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH đầu nhà Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (//) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory - developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Addr: 275 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: aduain@hacem.com.vn

Số: 778 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu khí thải. Ngày lấy mẫu/ : 16/10/2023  
Name of sample : Date of sampling  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Ngày phân tích/ : 16-25/10/2023  
Name of clients : Việt Nam. Date of test  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 30,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 64,0%.  
Weather :  
-----

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	10161345

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tiếp

Nguyễn Tiến Tùng

Trần Minh Tuấn

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

BM-TT.23.01

Số soát xét: 05-150816

Trang: 1/2

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Add: 275 Loch Tray - Ngo Quyen - Hai Phong;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 778 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	$C_{max}$ QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B ( $K_p = 1,0$ ; $K_v = 1,0$ )
				10161345	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	$Nm^3/h$	2186,0	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	$mg/Nm^3$	30,0	200
3	CO	QT-HT.41	$mg/Nm^3$	196,1	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, $SO_2$	QT-HT.41	$mg/Nm^3$	59,9	500
5	Nitơ oxit, $NO_x$ (tính theo $NO_2$ )	QT-HT.41	$mg/Nm^3$	1,6	850

US EPA: US Environmental Protection Agency.

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory – developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG



DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM

Add: 275 Lạc Trôi - Ngõ Quyển - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733-493; Email: cdnhh@hacem.com.vn

Số: 1115 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU NƯỚC  
RESULT OF WATER ANALYSIS

Tên mẫu/ : Mẫu nước thải.  
Name of sample  
Tên khách hàng/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron  
Name of clients : Việt Nam.  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4 Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Ngày lấy mẫu/ : 13/12/2023  
Ngày phân tích/ : 13/12/2023  
Date of test : 13/12/2023

VILAS 2043/2023

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu nước thải tại hố ga cuối, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303577X; 608679Y. (NT1)	12131846
2	Mẫu nước thải tại hố ga cuối sau hệ thống xử lý nước thải lần đầu, trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Đình Vũ. Tọa độ: 2303682X; 608427Y. (NT2)	12131847

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PT MT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp



Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa chỉ: 273 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: oclmh@hacem.com.vn

Số: 1115 /2023/KQQT

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH  
RESULTS OF ANALYSIS

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/RESULTS		Tiêu chuẩn Khu công nghiệp Đình Vũ <sup>(1)</sup>
				12131846	12131847	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,82	7,75	5-9
2	BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(*)</sup>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	14,8	(-)	500
3	COD	SMEWW 5220B&C:2023	mg/l	(-)	12,4	500
		SMEWW 5220D:2023	mg/l	121,9	(-)	
4	Chất rắn lơ lửng	SMEWW 2540D:2023	mg/l	42,6	22,5	500
5	Asen	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0042	0,0052	0,1
6	Thủy ngân	SMEWW 3112B:2023 MDL = 0,00032mg/l	mg/l	ND	ND	0,01
7	Chì	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0033mg/l	mg/l	ND	ND	0,5
8	Cadimi	SMEWW 3113B:2023 MDL = 0,0015mg/l	mg/l	ND	ND	0,1
9	Tổng phenol	SMEWW 5530B&D:2023	mg/l	0,061	0,049	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,81	0,72	10
11	Dầu, mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	0,41	(-)	30
12	Amoni <sup>(*)</sup> (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	6,2	(-)	10
13	Tổng nitơ <sup>(*)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/l	18,4	(-)	40
14	Tổng photpho (tính theo P)	SMEWW 4500P.B&E:2023	mg/l	3,7	(-)	6
15	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100ml	3x10 <sup>3</sup>	(-)	10 <sup>4</sup>

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit. ND: Không phát hiện/ Not detected
- SMEWW: Standard Method for the Examination of Water and Wastewater.
- (-): Không thực hiện phép phân tích.

<sup>(1)</sup> Mức tiêu chuẩn yêu cầu đối với nước thải của Công ty TNHH dầu nhớt Chevron Việt Nam trong Khu công nghiệp Đình Vũ.

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/ The methods were approved by VILAS; (\*\*) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép lung phẩn, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa: 273 Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng;  
Tel/fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1114 /2023/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ  
RESULT OF AIR MONITORING AND ANALYSIS

Tên mẫu/ Ngày lấy mẫu/ : Mẫu khí thải. : 13/12/2023  
Name of sample : Date of sampling  
Tên khách hàng/ Ngày phân tích/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron : 13-29/12/2023  
Name of clients : Việt Nam. : Date of test  
Địa điểm lấy mẫu/ : Công ty TNHH Dầu nhờn Chevron Việt Nam – Lô F4, Khu công nghiệp  
Place of sample : Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.  
Thời tiết/ : Nhiệt độ trung bình 25,0°C; áp suất 101,2kPa; độ ẩm tương đối 72,0%.  
Weather :  
-----

TT/ No.	Tên mẫu/ Name of sample	Mã số mẫu/ Sample ID
1	Mẫu khí thải tại ống xả bộ gia nhiệt dầu nóng dùng nhiên liệu dầu Diesel. Tọa độ: 2303730X; 608466Y. (KT1)	12131844

Kết quả phân tích được thể hiện tại trang sau (trang 2/2).

Hải Phòng, ngày 29 tháng 12 năm 2023.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG QT&PT MT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hải Âu

Nguyễn Văn Tiếp



Đàm Văn Quỳnh

(\*) Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG  
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT  
HAIPHONG CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING - HACEM



Địa chỉ: 275 Lạc Trú - Ngõ Quỳ - Hải Phòng;  
Tel/Fax (84-225)3733.493; Email: admin@hacem.com.vn

Số: 1114 /2023/KQQT

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**  
**RESULTS OF ANALYSIS**

TT/ No.	Thông số/ Parameters	Phương pháp/ Methods	Đơn vị/ Unit	KẾT QUẢ/ Results	QCVN 19:2009/ BTNMT- Cột B (Kp = 1,0; Kv = 1,0)
				12131844	
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	Nm <sup>3</sup> /h	2145,0	-
2	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	24,7	200
3	CO	QT-HT.41 (*)	mg/Nm <sup>3</sup>	7,17	1000
4	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	QT-HT.41 (*)	mg/Nm <sup>3</sup>	1,5	500
5	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	QT-HT.41 (*)	mg/Nm <sup>3</sup>	0,53	850

- US EPA: US Environmental Protection Agency.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

(\*): Những phép thử đã được VILAS công nhận/The methods were approved by VILAS; (\*\*): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (H) Phương pháp do PTN xây dựng/Laboratory-developed methods.  
Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/The test result is valid for analysed sample only.  
Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HACEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HACEM.



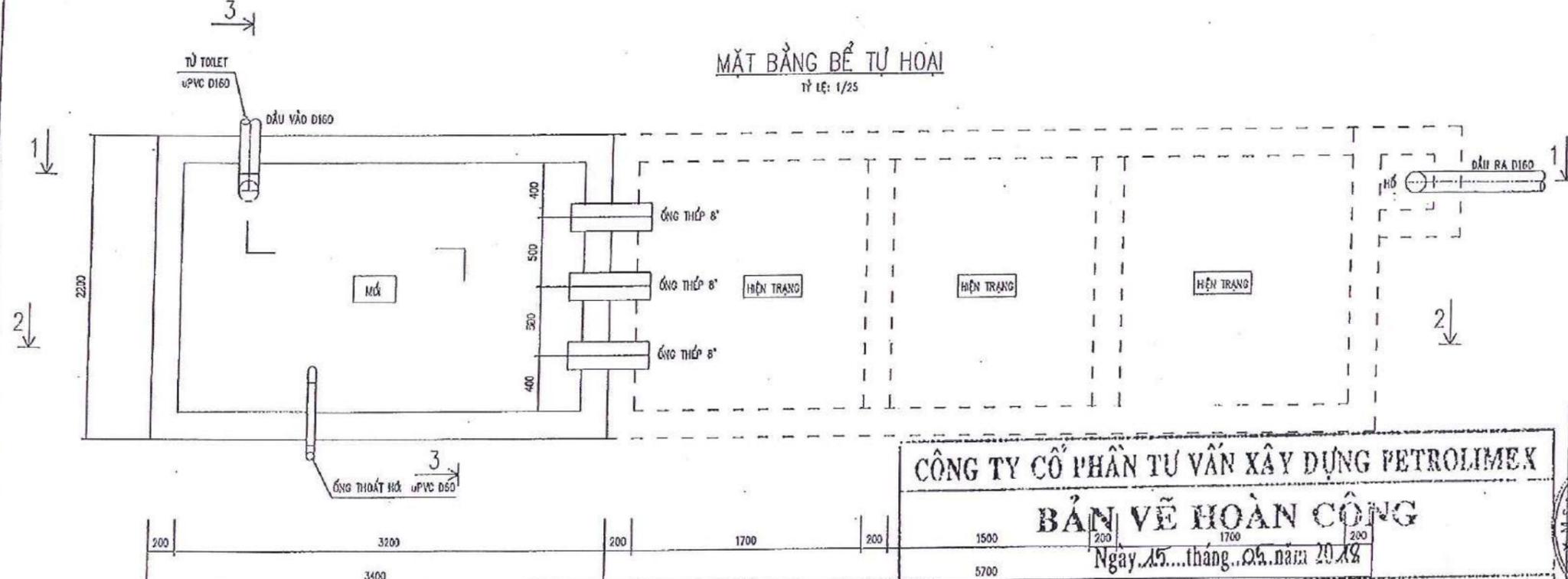








**MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI**  
TỶ LỆ: 1/25



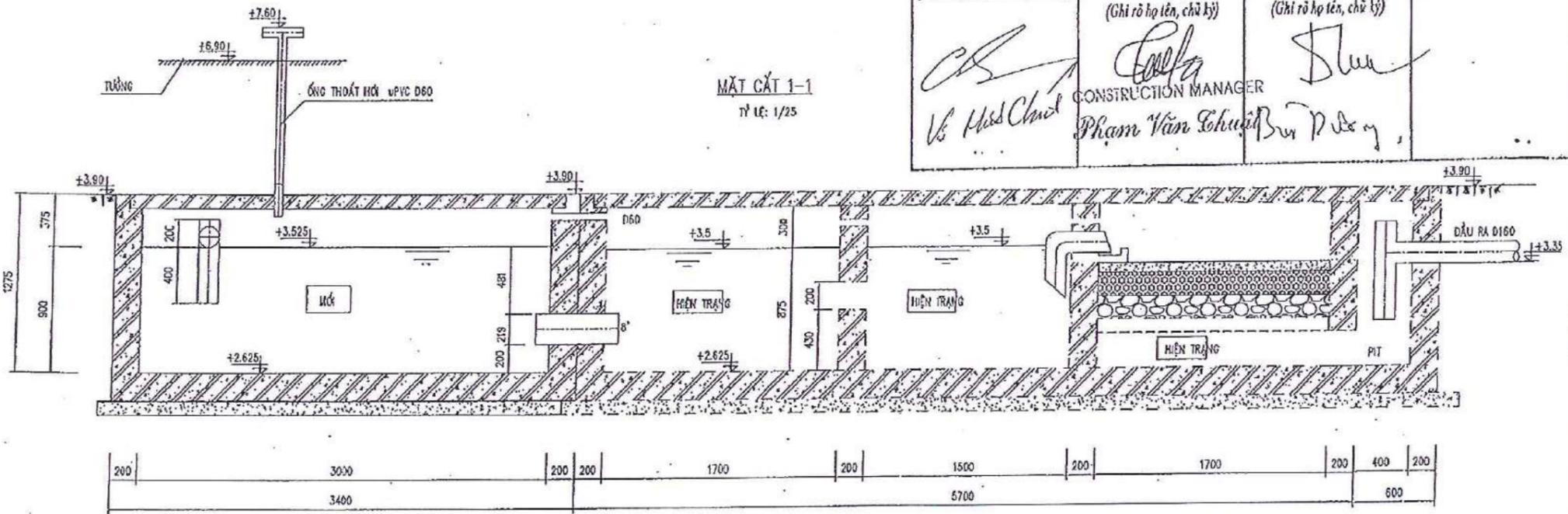
**GHI CHÚ:**  
- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.  
- XEM CÙNG BẢN VẼ : 2662-F2-500-016  
( SHT 1 OF 5 TO SHT 05 OF 5 )  
CỬA BẢN VẼ KẾT CẤU

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày 15...tháng 05...năm 2018

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Vũ Minh Chuẩn	Chỉ huy trưởng của nhà thầu phụ (Ghi rõ họ tên, chữ ký)  Phạm Văn Chuẩn CONSTRUCTION MANAGER	Chỉ huy trưởng của tổng thầu (Ghi rõ họ tên, chữ ký)  Bùi Đức Mỹ	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Vũ Anh Tuấn
--	--	---	---



**MẶT CẮT 1-1**  
TỶ LỆ: 1/25

CHỦ ĐẦU TƯ  
Chevron  
CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM

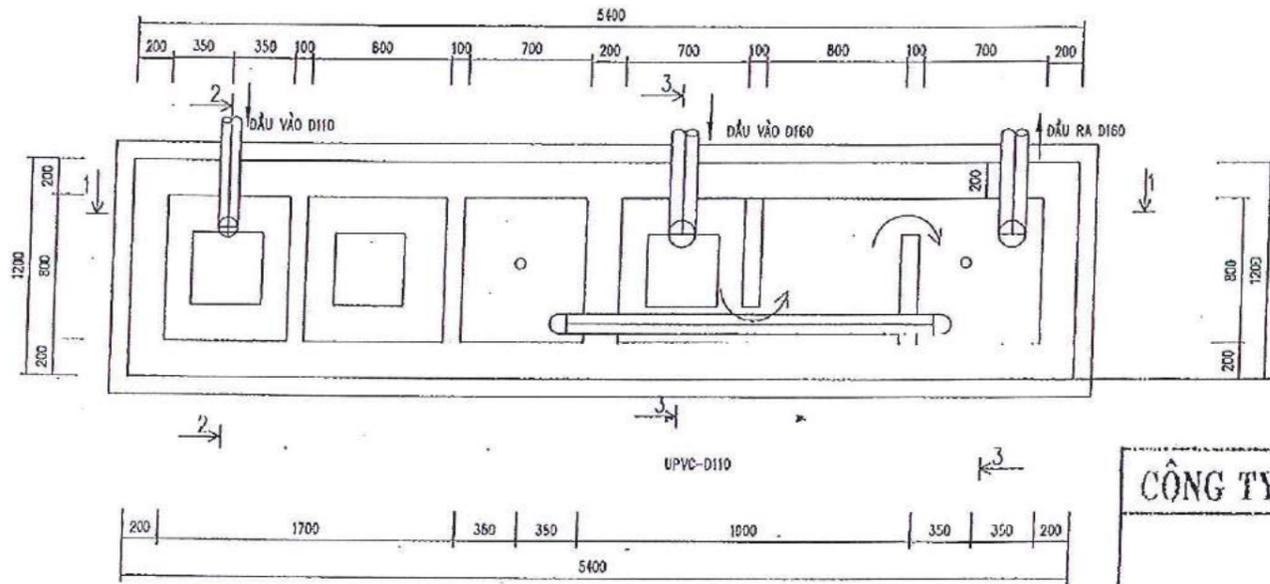
CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM  
GIÁM ĐỐC CHỖ LẮP CUNG LUNG  
Vũ Anh Tuấn

DƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX  
CÔNG TRÌNH:  
MỞ RỘNG NHÀ MÁY DẦU NHỒN CHEVRON  
KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ - HẢI PHÒNG  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THỦ CÔNG  
TÊN HÀNG MỤC-BẢN VẼ:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỂ TỰ HOẠI

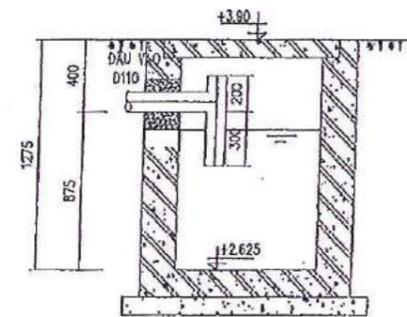
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX  
P. GIÁM ĐỐC  
HÀ DƯƠNG THANH

CHỦ NHIỆM DA	NGUYỄN MINH HUY	
THIẾT KẾ	NGUYỄN CÔNG BÌNH	
KIỂM TRA	BÙI QUÝ DƯƠNG	
BẢN HÀNH	2017	
SỐ BẢN VẼ	2662-F2-500-016	ISSUE CODE FA
SHT 03 OF 05		REV 1

MẶT BẰNG BỂ KHU TRỪNG XỬ LÝ MỠ  
TỶ LỆ: 1/25



MẶT CẮT 2-2  
TỶ LỆ: 1/25



GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC BẢN VẼ LÀ MÀ CAO ĐỘ LÀ M.
- XEM CÙNG BẢN VẼ : 2662-F2-500-016 ( SHT 1 OF 5 TO SHT 05 OF 5)
- CỬA BẢN VẼ KẾT CẤU

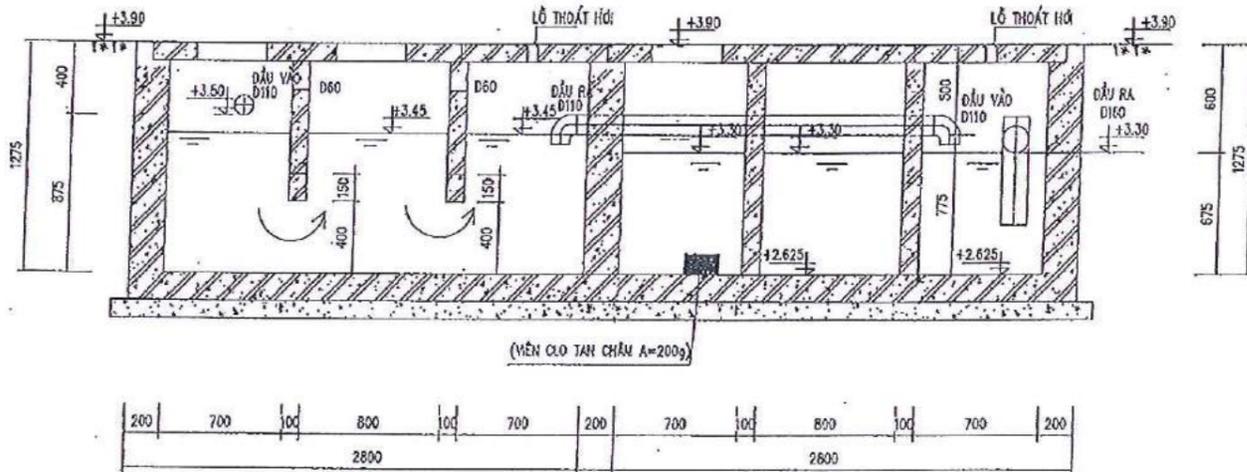
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

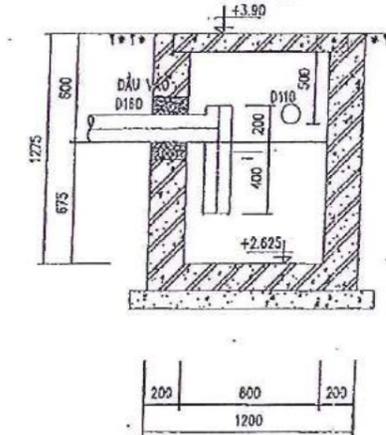
Ngày 15 tháng 05 năm 2018

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) <i>V. M. S. Ch...</i>	Chỉ huy trưởng của nhà thầu phụ (Ghi rõ họ tên, chữ ký) <i>Phạm Văn Chuẩn</i>	Chỉ huy trưởng của công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) <i>Đinh Dũng</i>	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
--	---	--	--

MẶT CẮT 1-1  
TỶ LỆ: 1/25



MẶT CẮT B-3  
TỶ LỆ: 1/25



CHỦ ĐẦU TƯ  
Chevron - CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH DẦU NHỒN CHEVRON VIỆT NAM

PHÒNG QUẢN LÝ THI CÔNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX

CÔNG TRÌNH:  
MỞ RỘNG NHÀ MÁY DẦU NHỒN CHEVRON KINH CÔNG NGHIỆP ĐÌNH VŨ - HẢI PHÒNG

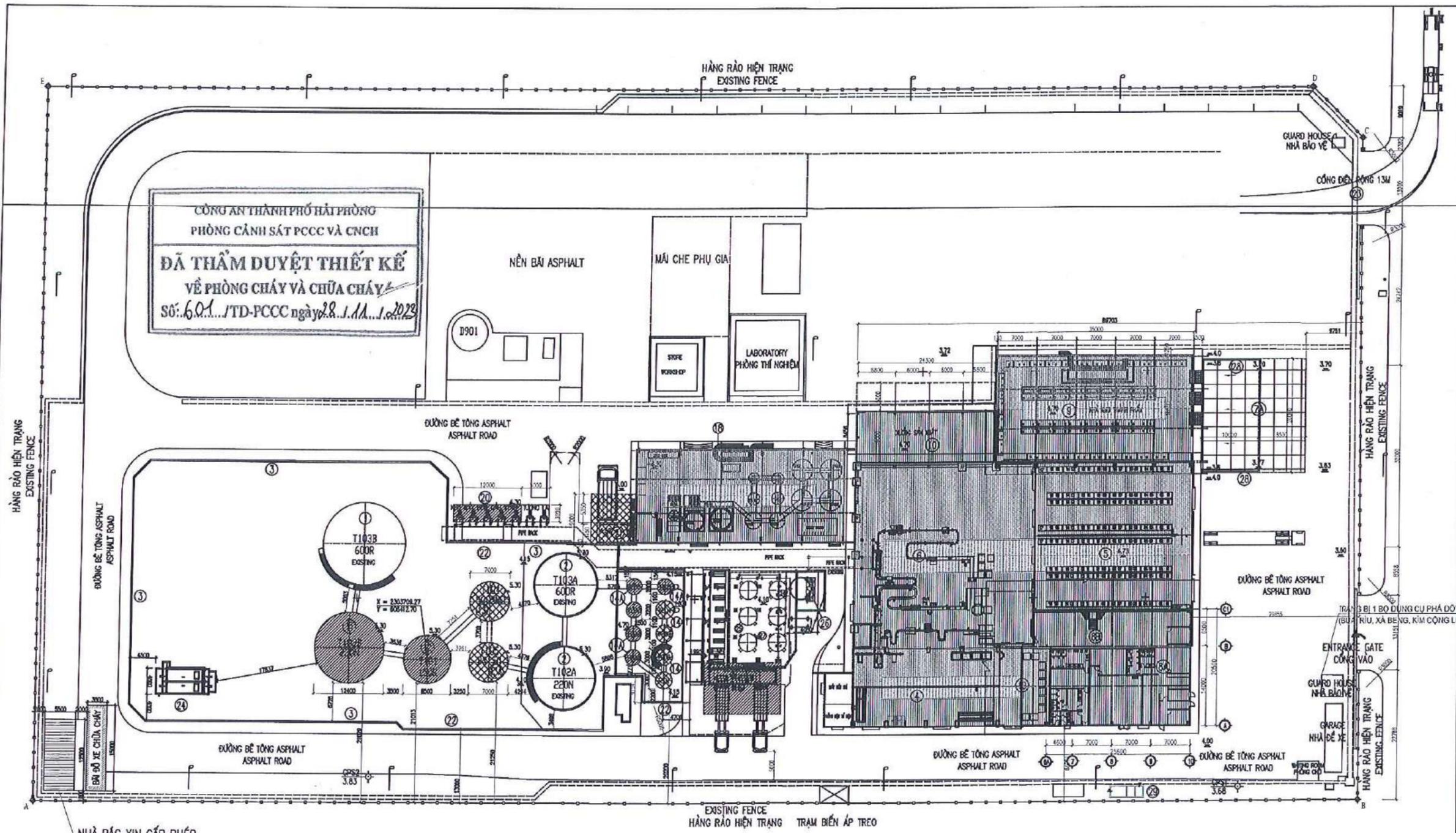
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

TÊN HIANG MỤC-BẢN VẼ:  
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI BỂ KHU TRỪNG XỬ LÝ MỠ

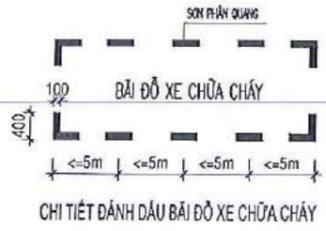
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG PETROLIMEX

P. GIÁM ĐỐC  
HÀ ĐƯỜNG THANH

CHỦ NHIỆM DẠ	NGUYỄN MINH HUY	<i>Minh Huy</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN CÔNG BÌNH	<i>Cong Binh</i>
KIỂM TRA	BÙI QUÝ ĐƯƠNG	<i>Bui Quy Duong</i>
BẢN HÀNH	2017	
SỐ BẢN VẼ	2662-F2-500-016	ISSUE CODE
		FA
SHT 05 OF 05		REV
		1



### MẶT BẰNG BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY



- GHI CHÚ:**
- ĐƯỜNG NỘI BỘ BÊ TÔNG ASPHALT ĐẢM BẢO TẢI TRỌNG CHO XE CHỮA CHÁY HOẠT ĐỘNG, CHIỀU RỘNG THÔNG THỦY MẶT ĐƯỜNG >3.5M.
  - BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY ĐƯỢC ĐÁNH DẤU TẤT CẢ CÁC GÓC, VIỆC ĐÁNH DẤU ĐƯỢC THỰC HIỆN BẰNG CÁC DẢI SƠN PHẢN QUANG, BẢO ĐẢM CÓ THỂ NHÌN THẤY ĐƯỢC VÀO BUỔI TỐI. BỀ MẶT CỦA BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY NGANG BẰNG, NẾU NẪM TRÊN MẶT PHẪNG NGHIÊNG THÌ ĐỘ ĐỐC KHÔNG QUÁ 1:15.
  - CHIỀU CAO THÔNG THỦY >4.5M ĐẢM BẢO CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY HOẠT ĐỘNG
  - TRANG BỊ 01 BỘ DỤNG CỤ PHÁ ĐỖ THÔ SƠ (BÚA, RÌU, XÀ BÈNG, KIM CỌNG LỰC)

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH DẦU NHỜN CHEVRON VIỆT NAM		
KÝ DUYỆT NGÀY: / /2023		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ PCCC HƯNG PHÁT		
SỐ 539 THIÊN LÔI - VINH NIÊM Q. LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG TEL: FAX: 02253.272866 DD: 0936667299		
GIÁM ĐỐC		
NGUYỄN VĂN NGHĨA		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN VĂN NGHĨA	
THIẾT KẾ - VẼ:	KS. PHẠM TIẾN HẬU	
KIỂM SOÁT:	KS. NGUYỄN VĂN NGHĨA	
CÔNG TRÌNH:		
NHÀ MÁY DẦU NHỜN CHEVRON		
HẠNG MỤC:		
TÊN BẢN VẼ		
MẶT BẰNG BÃI ĐỖ XE CHỮA CHÁY		
HOÀN THÀNH	2023	
TỶ LỆ	1/100	
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TMB - 02	